

Văn nghệ Thái Nguyên

TẠP CHÍ CỦA HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TỈNH THÁI NGUYÊN
Phát hành ngày 10 và 25 hàng tháng
Website: vannghe-thainguyen.vn



RA NGÀY 10 THÁNG 5
NĂM 2023

Bán Tàn mùa hoa. Ảnh: Âu Ninh



*Đôi bạn - Tác phẩm dự treo Triển lãm Ảnh nghệ thuật Quốc tế VN - 23.
Ảnh: Trần Đoàn Huy*

Văn nghệ Thái Nguyên

Trong số này

Xây dựng tỉnh Thái Nguyên phát triển và có bản sắc (Kim Ngân)	6	Hoài cổ - có phải là sự lựa chọn sáng suốt của sân khấu? (Hà An)	28
Đi tìm nơi thờ tướng quân Phạm Cuồng ở Thái Nguyên (Trần Thép)	8	Áp thấp mùa hè (Nguyễn Thị Bích Nhân)	30
Bảo hiểm y tế có cần phải "giải phẫu"? (Thái Văn)	11	Trở về cùng tháng Năm (Cao Thơm)	31
Bà Luân, người được Bác Hồ đến thăm (Nguyễn Văn Vượng)	12	Đình Giã Thù và chùa Di - công trình văn hóa đặc sắc thời nhà Nguyễn (Nguyễn Đình Hưng)	34
Trang thơ (Nhiều tác giả)	14	Văn học dân tộc thiếu số trong chương trình sách giáo khoa lớp 6 hiện nay (Cao Thị Hào)	36
PGS.TS Cao Thị Hồng: "Viết phê bình cũng cần tương tượng, bay bổng" (Phạm Văn Vũ thực hiện)	18	Nghiên cứu văn học trong tính tổng thể của văn hóa (Nguyễn Thanh Tâm)	38
Văng vẳng tiếng còi tàu (Tiết Minh Hà)	22	Buổi hoàng hôn của thế giới (Hoshi Shinichi - dịch giả Hoàng Long)	40
Người bán Dao thay áo cho rừng (Phan Thái)	24	Về ý nghĩa của chữ "Nho" trong học thuyết của Khổng Tử (Như Châu)	42
Trong mưa (Trịnh Việt Hùng)	26		



Đại đoàn kết toàn dân tộc theo lời dạy của Bác Hồ

Nguyễn Văn Toàn
(Xem trang 4)



Tiếng sáo gọi trăng

Hoàng Thị Hiền
(Xem trang 16)



Di sản then và những nhầm lẫn trong nhận diện

Nguyễn Văn Bách
(Xem trang 32)

Tạp chí Văn nghệ Thái Nguyên: Phường Trưng Vương, TP. Thái Nguyên. Tổng Biên tập: **TRẦN VĂN THÉP**. Thư ký Tòa soạn: **NGUYỄN THỊ THU HUYỀN**.
Trình bày: **ĐÀO TUẤN**. Điện thoại: 0912552124 - 0208 3656514. Fax: 0208 3855513. Email: vannghehainguyen@gmail.com. Giấy phép hoạt động báo chí
số: 72/GP-BTTTT, cấp ngày 1/2/2021. In và gia công tại Công ty Cổ phần In Công Đoàn Việt Nam

GIÁ: 25.000Đ

Đại đoàn kết toàn dân tộc theo lời dạy của Bác Hồ

Nguyễn Văn Toàn

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công”. Bởi vậy, Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong tác phẩm “Lịch sử nước ta” (1943), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Kể năm hơn bốn ngàn năm/ Tổ tiên rực rỡ, anh em thuận hoà/ Hồng Bàng là tổ nước ta. Nước ta lúc ấy gọi là Văn Lang”. Vào năm 1943 thì Pháp đã mất nước vào tay phát xít Đức, phát xít Nhật thì đã tràn vào Việt Nam câu kết với Pháp bóc lột nhân dân ta khiến nhân dân ta lâm vào tình trạng “một cổ đôi trùng” và sự sôi ý chí căm thù bọn giặc cướp nước. Bởi vậy, Người kêu gọi toàn dân tham gia Mặt trận Việt Minh do Đảng ta sáng lập và lãnh đạo để khôi phục độc lập dân tộc: “Hỡi ai con cháu Rồng Tiên/ Mau mau đoàn kết vững bền cùng nhau”.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công đã chứng minh sự đúng đắn của chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công một phần quan trọng là do sự “thành lập một mặt trận dân tộc phản đế rộng rãi” và là “thắng lợi của đường lối đoàn kết toàn dân” (1). Tổng Bí thư



“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết/ Thành công, thành công, đại thành công” - Hồ Chí Minh. Ảnh minh họa.

Trường Chinh cũng nhận định: Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi một phần là do “toàn dân đoàn kết, quần chúng nổi dậy” (2).

Ngày 2/9/1945, thay mặt Chính phủ cách mạng lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc

lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) trước đồng bào cả nước và bạn bè quốc tế. Người dùng cách gọi “đồng bào cả nước” vì gắn với truyền thuyết người Việt từ bọc trăm trứng nở trăm con của Cha Lạc Long Quân và Mẹ Âu Cơ mà sinh thành nên. Người con trai trưởng của Lạc Long Quân và Âu Cơ đã lên ngôi ở Phong Châu (Phú Thọ), lấy hiệu là Hùng Vương và lập ra quốc gia Văn Lang - Nhà nước đầu tiên của dân tộc Việt Nam trong lịch sử. Bởi vậy, ngay sau khi nước nhà giành lại được độc lập, vào dịp Giỗ Tổ Hùng Vương năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đứng làm chủ lễ tại Thủ đô Hà Nội và một đoàn đại diện Nhà nước do Bộ trưởng Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng dẫn đầu lên Đền Thượng ở Phú Thọ dâng lễ.

Bởi vậy, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, trong Tuyên ngôn Độc lập (2/9/1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”.

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, cả dân tộc bước vào thời kỳ kháng chiến kiến quốc. Đây là thời kỳ vô



Kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa I năm 1946 đã thể hiện được sự đại đoàn kết toàn dân tộc để phục vụ nhiệm vụ kháng chiến kiến quốc. Ảnh: Tư liệu lịch sử.

VẤN ĐỀ CÙNG QUAN TÂM

cùng khổ khăn khi nước ta phải đương đầu với cả giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm... Ngay trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ ngày 3/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ra những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cần giải quyết ngay. Trong đó, Người đề nghị Chính phủ ta tuyên bố tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết.

Việc chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm với những thắng lợi vang dội là do có sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Hưởng ứng kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh về chống giặc đói, trên khắp cả nước, bên cạnh việc tăng gia sản xuất, nhân dân ta lập "Hũ gạo cứu đói" và tổ chức "Ngày đồng tâm" để chia sẻ với đồng bào đang chịu thảm họa của nạn đói. Với phong trào "Bình dân học vụ" để chống giặc dốt, hàng triệu người đã biết đọc, biết viết. Đây là cơ sở để Đảng và Chính phủ ta thực hiện tiếp theo những lớp bổ túc văn hóa đã xóa mù chữ.

Bên cạnh đó, khi thực dân Pháp nổ súng tại Sài Gòn để tiến hành xâm lược trở lại nước ta (23/9/1945), Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ đã kêu gọi tất cả đồng bào, già, trẻ, trai, gái cầm vũ khí xông lên đánh đuổi quân xâm lược. Đảng và Chính phủ đã thành lập các Đoàn quân Nam tiến. Quý Nam Bộ kháng chiến cũng ra đời để nhân dân quyền góp tiền bạc, quần áo, gạo, thuốc men đồng viên, cổ vũ đồng bào Nam Bộ kháng chiến. Trong "Lời kêu gọi đồng bào Nam Bộ" đăng trên báo Cứu quốc ngày 29/10/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Không quân đội nào, không khí giới nào có thể đánh ngã được tinh thần hy sinh của toàn thể một dân tộc" (3). Vào ngày 30/9/1945, thực dân Pháp trong thế túng quẫn vì phải dùng độ sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc đã phải nhờ đại diện của quân Anh xin điều đình với Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ.

Chính phủ ta cũng đã tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam (3/12/1945). Tại Đại hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát biểu: "Trước kia các dân tộc để giành độc lập phải đoàn kết, bây giờ để giữ lấy nền độc lập càng cần đoàn kết hơn nữa" (4). Tiếp đó, Quốc hội nước ta ra đời với các đại biểu đến từ tất cả các giai tầng trong xã hội, các tôn giáo, các dân tộc sinh sống trên đất nước...

Trong "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" (19/12/1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu bật thêm về sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc: "Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc".

Tại lễ mừng Quốc khánh vào ngày 2/9/1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Đoàn kết là một lực lượng vô địch.



Bác Hồ với Đại đoàn quân Tiên Phong tại Phú Thọ. Ảnh tư liệu lịch sử.

Lực lượng đoàn kết đã giúp Cách mạng Tháng Tám thành công. Lực lượng đoàn kết đã giúp kháng chiến thắng lợi. Lực lượng đoàn kết sẽ động viên nhân dân từ Bắc đến Nam đấu tranh thực hiện hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ trong cả nước" (5). Ngày 25/4/1961, kết thúc bài phát biểu tại Đại hội Đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ II, Người nhắc lại câu khẩu hiệu mà lần đầu đã phát biểu cách đó 10 năm (1951) tại Đại hội hợp nhất Mặt trận Việt Minh - Liên Việt: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công".

Thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng, Nhà nước, Mặt trận dân tộc thống nhất đã phát huy vai trò quy tụ sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc, giúp nhân dân ta giành được những thắng lợi vĩ đại trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954); cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước. Đúng như trong cuộc gặp các cán bộ và chiến sĩ Đại đoàn 308 (Đại đoàn quân Tiên Phong) tại Đền Giếng (thuộc Khu Di tích lịch sử Đền Hùng - Phú Thọ) vào ngày 19/9/1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: "Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước".

Nói về Chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5/1954), chiến thắng kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc ta, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đúc kết lại: "Bọn đế quốc, bọn phản động không bao giờ đánh giá được được sức mạnh của cả một dân tộc, sức mạnh của nhân dân. Sức mạnh đó có thể khắc phục tất cả mọi khó khăn, chiến thắng mọi kẻ thù" (6).

Trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, khối đại đoàn kết toàn dân tộc càng được phát huy cao độ. Trong Điện gửi luật sư Trịnh Đình Thảo, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam vào ngày 6/3/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Trong sự nghiệp thiêng liêng chống Mỹ, cứu nước, trải qua muôn nghìn gian khổ hy sinh, nhân dân ta đã lập nên những chiến công vô cùng oanh liệt. Dân

tộc ta có thể tự hào là một dân tộc anh hùng, trước hết là do toàn dân ta đoàn kết một lòng, quyết đánh và quyết thắng giặc Mỹ xâm lược" (7).

Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được Đảng, Nhà nước, Mặt trận dân tộc thống nhất đề cao và phát huy trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh đã chỉ rõ: "Củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội".

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (2021) đã nhấn mạnh "khai dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh của thời đại" (8) nhằm mục tiêu đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI.

Huế, ngày 3/5/2023

(1) Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 6, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 629.

(2) Trường Chinh: Tuyển tập (1937-1954), tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 31.

(3) Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 89.

(4) Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 130.

(5) Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 10, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 104.

(6) Võ Nguyên Giáp, "Điện Biên Phủ điểm hẹn lịch sử", Nxb. Quân đội nhân dân, 2000, tr. 113.

(7) Hồ Chí Minh toàn tập, tập 12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 448.

(8) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, tr. 57.

Xây dựng tỉnh Thái Nguyên phát triển và có bản sắc

Kim Ngân

Trung tuần tháng Tư vừa qua, tỉnh Thái Nguyên đã tổ chức Hội nghị công bố Quy hoạch của tỉnh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Mục tiêu hướng tới là xây dựng một Thái Nguyên bình yên, hạnh phúc, sung túc, thân thiện và có bản sắc.

Như vậy, Thái Nguyên là tỉnh thứ 5 trên cả nước được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh (sau các tỉnh Bắc Giang, Hà Tĩnh, Quảng Ninh, Thanh Hoá).

Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tỉnh Thái Nguyên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 222/QĐ-TTg, ngày 14/3/2023. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch của tỉnh gồm có với 9 đơn vị hành chính, gồm 3 thành phố (Thái Nguyên, Sông Công, Phố Yên) và 6 huyện (Định Hóa, Võ Nhai, Phú Lương, Đông Hỷ, Đại Từ, Phú Bình).

Mục tiêu tổng quát của Quy hoạch nhằm phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nguồn lực để đưa tỉnh Thái Nguyên phát triển nhanh, toàn diện, bền vững; xây dựng tỉnh trở thành một trong những tỉnh phát triển ở miền Bắc.

Phát biểu tại Hội nghị công bố Quy hoạch, Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Thanh Hải cho biết: Quy hoạch đã



Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang (giữa, hàng trên) nghe báo cáo về các phương án tổ chức thực hiện quy hoạch tỉnh Thái Nguyên qua hệ thống bản đồ



Huyện Đại Từ định hướng trở thành thị xã Đại Từ, là đô thị sinh thái – văn hóa – du lịch (Ảnh: Khu du lịch sinh thái tại xã La Bằng, huyện Đại Từ đang hình thành và phát triển)

xác định xây dựng TP. Thái Nguyên trở thành một trong những cực tăng trưởng và hạt nhân quan trọng trong phát triển kinh tế của vùng trung du miền núi Bắc Bộ và Vùng Thủ đô Hà Nội.

Đây cũng chính là nội dung được nêu rất rõ trong Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị về phát triển vùng Trung du miền núi phía Bắc với tầm nhìn đến 2030. Thái Nguyên sẽ đạt tiêu chuẩn để trở thành thành phố trực thuộc trung ương, một thành phố xanh, thông minh có bản sắc rõ ràng, là một trong những trung tâm công nghiệp hiện đại của Vùng Thủ đô Hà Nội và cả nước, nơi đáng sống, đáng đến và nơi an toàn, thịnh vượng.

Hình ảnh trên được xây dựng dựa trên nền tảng, tiềm năng sẵn có về mảnh đất, con người Thái Nguyên. Thái Nguyên sẽ phát triển xã hội thân thiện, văn minh và hài hòa, không tách rời phát triển kinh tế với việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Trong đó, phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển. Từ đó khơi dậy và phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa, con người Thái



Thái Nguyên phát triển để trở thành nơi đáng sống, đáng đến, nơi an toàn và thịnh vượng. (TP. Thái Nguyên hai bên bờ sông Cầu. Ảnh: Hải Bình)



Những thiết chế văn hoá được đầu tư xây dựng trên địa bàn như Nhà hát Ca múa nhạc dân gian Việt Bắc sẽ góp phần đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ các giá trị văn hóa, thể thao của nhân dân. Ảnh: Ngọc Nam.

Nguyên, truyền thống cách mạng, văn hóa, sự năng động và khát vọng đổi mới, sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường, vượt lên mạnh mẽ và bền vững của nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Trong phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và phương án tổ chức các hoạt động kinh tế của bản quy hoạch, văn hóa được xác định là một thành tố quan trọng, không thể thiếu. Với định hướng, phát triển văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh, động lực quan trọng để phát triển kinh tế nhanh, bền vững của tỉnh.

Từ định hướng bao trùm đó đến các

phương diện cụ thể như chăm lo xây dựng đời sống văn hoá cơ sở, nhất là ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh; phát triển văn hoá, nâng cao hiệu quả công tác gia đình, đảm bảo giữ gìn bản sắc của vùng đất và con người Thái Nguyên; bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá gắn với phát triển du lịch bền vững... đều được thể hiện rõ trong Quy hoạch.

Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên sẽ được phát triển thành 2 vùng kinh tế - xã hội, gồm: Vùng phía Nam và vùng phía Bắc.

Vùng phía Nam với 3 khu vực: Cụm TP. Thái Nguyên - Sông Công - Phố Yên là khu vực đô thị hóa tập trung, là hạt nhân và là động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Huyện Phú Bình định hướng trở

thành thị xã Phú Bình, là đô thị công nghiệp, công nghệ cao, đổi mới và sáng tạo. Huyện Đại Từ định hướng trở thành thị xã Đại Từ, là đô thị sinh thái - văn hóa - du lịch.

Vùng phía Bắc được phân thành 2 khu vực: Khu vực Đông Bắc gồm 2 huyện Võ Nhai và Đồng Hỷ, khu vực Tây Bắc gồm 2 huyện Định Hóa và Phú Lương. Đây được định hướng sẽ là vùng bảo vệ thiên nhiên, bảo tồn các di tích lịch sử văn hóa, phát triển nông, lâm nghiệp, công nghiệp chế biến, khai thác khoáng sản và du lịch.

Trong phương án quy hoạch khu vực nông thôn, Thái Nguyên sẽ hoàn thiện về kết cấu hạ tầng, từng bước nâng cao chất lượng, môi trường sống (trong đó có bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá làng, xã)...

Cùng với đó là các phương án đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế công trình văn hóa, thể thao đạt chuẩn để tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn, đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ các giá trị văn hóa, thể thao của các tầng lớp nhân dân. Bảo tồn và phát huy hiệu quả di sản văn hóa của các cộng đồng dân tộc trên địa bàn tỉnh, trong đó ưu tiên bảo tồn di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; di sản văn hóa phi vật thể đã được đưa vào mục danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia; các di sản văn hóa đang xuống cấp, bị xâm hại không gian, cảnh quan di tích.

Người đứng đầu Đảng ta - Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã xác định "Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội". Quy hoạch đã được công bố, chúng ta cùng nhau kỳ vọng vào việc thực hiện quy hoạch trong thời gian tới. Hy vọng rằng khi tầm quan trọng của văn hoá khi được đặt đúng chỗ sẽ là "nền tảng tinh thần, là động lực phát triển", từ đó phát huy được giá trị và sức mạnh của con người Thái Nguyên, góp phần làm nên một Thái Nguyên phát triển và giàu bản sắc.

Đi tìm nơi thờ tướng quân Phạm Cuống ở Thái Nguyên

Trần Thép

Những cuốn sách lịch sử của tỉnh Thái Nguyên chỉ viết kỷ về tướng quân Lưu Nhân Chú. Đền thờ Lưu Nhân Chú thuộc Khu di tích Núi Văn - Núi Võ (xã Văn Yên, huyện Đại Từ) đã được công nhận là Di tích lịch sử cấp Quốc gia.

Nhưng còn công thần khai quốc nhà Lê sơ Phạm Cuống, người cùng với bố vợ là Lưu Trung và anh rể là Lưu Nhân Chú vào Lam Sơn tụ nghĩa ngay từ ngày đầu, được Lê Lợi phong chức "Đồng Tổng quản Quy Hóa trấn tri quân dân sự" năm 1426 thì hầu như không được nhắc tới...

Tướng quân Phạm Cuống

Trong cuốn Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập 1 (xuất bản năm 2003), trang 28 - 29 ghi: "Ngọn cờ Lam Sơn thu hút nhiều hào kiệt quy tụ, trong đó có Lưu Nhân Chú (con trai Lưu Trung - một gia đình nhiều đời làm quan nhỏ ở vùng An Thuật - hạt Đại Từ - Thái Nguyên), ông cùng với cha và em rể - Phạm Cuống là những người có mặt rất sớm trong cuộc khởi nghĩa".

Cuốn Địa chí Thái Nguyên (xuất bản năm 2009), trang 167 - 168 ghi: Sau khi tham gia Hội thề Lũng Nhai, Lưu Nhân Chú được Lê Lợi cử trở về quê hương Thuận Thượng (nay thuộc xã Văn Yên) cùng cha là Lưu Trung và em rể (có tài liệu nói là anh rể) là Phạm Cuống chiêu tập trai tráng trong vùng, xây dựng căn cứ, chuẩn bị lương thực và tích cực tập luyện võ nghệ chờ thời cơ nổi dậy hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Hiện nay trên địa bàn các xã Văn Yên, Kỳ Phú còn lưu giữ rất nhiều địa danh và di tích liên quan đến hoạt động buổi đầu của 3 cha con, anh em Lưu Trung và nghĩa quân.

Trong cuốn Từ điển Thái Nguyên (xuất bản năm 2016), trang 196 - 197 cho biết kỹ hơn về Phạm



Núi Hang Nung (giữa - còn có tên gọi khác là núi Thạch Động) ở xóm Cây Hồng xã Yên Lãng. Tương truyền, hang Nung là địa điểm tích trữ lương thực của nghĩa quân Lưu Nhân Chú, do Phạm Cuống (em rể Lưu Nhân Chú) cai quản. Ảnh: Âu Ngọc Ninh.

Cuống: Ông sinh năm 1367, mất năm 1454, là công thần nhà Lê, một người có công lao trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Ông quê xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, là con rể Lưu Trung, em rể Lưu Nhân Chú. Là người cùng chí hướng với cha nên Phạm Cuống cũng là người có mặt ngay từ buổi đầu khi Lê Lợi phát cờ khởi nghĩa, tham gia nhiều trận chiến ác liệt, không quản thân mình, được giao giữ nhiều trọng trách. Sau mấy năm khởi nghĩa, nghĩa quân bị địch vây ráp, lực lượng suy yếu, lương thực cạn dần, tình thế vô cùng nguy ngập, Phạm Cuống được Lê Lợi cử về quê bán ruộng đất, tài sản lấy

tiền đem vào mua lương thực tiếp ứng cho nghĩa quân.

Những thông tin nêu trên là rất quý, bởi cuộc khởi nghĩa Lam Sơn dù được sử sách ghi chép khá đầy đủ, chi tiết, nhất là cuốn "Lam Sơn thực lục" do Nguyễn Trãi (công thần khai quốc, cùng tham gia khởi nghĩa Lam Sơn) ghi lại, nhưng ghi chép về Phạm Cuống (khi đó ông đổi sang họ Lê thành Lê Cuống) thì rất ít. Trong các cuốn sử khác, như "Đại Việt sử ký toàn thư", "Đại Việt thông sử", "Khâm Định Việt sử thông giám cương mục",... cũng chủ yếu nhắc đến tên của Lưu Nhân Chú.

Vào tháng 5 năm 2001, đoàn công tác của Viện Sử học Việt Nam kết hợp với Sở Văn hóa Thông tin Thái Nguyên tiến hành khảo sát sưu tầm tư liệu tại huyện Đại Từ đã sưu tầm được cuốn Gia phả dòng họ Lưu Nhân Chú ở xã Văn Yên (huyện Đại Từ) và tiến hành dịch cuốn Gia phả này. Nhờ các nội dung ghi trong Gia phả, chúng ta biết được nhiều hơn về thân thế, sự nghiệp của 3 vị công thần khai quốc nhà Lê sơ người Đại Từ là Lưu Trung, Lưu Nhân Chú và Phạm Cuống.

Đặc biệt, tháng 9/2001, UBND tỉnh Thái Nguyên đã phối hợp với Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia tổ chức Hội thảo khoa học về Danh nhân lịch sử



Tác giả tiếp cận bản gốc cuốn Gia phả dòng họ Phạm Cuống ở Đồng Dùm, Yên Lãng (ảnh trái) và trang cuối ghi tóm tắt nội dung Gia phả (ảnh phải)



Quang cảnh xóm Đồng Dùm, xã Yên Lãng ngày nay (chỗ khoanh tròn màu đỏ là cây đa và miếu thờ tướng quân Phạm Cuồng). Ảnh: Âu Ngọc Ninh.

Lưu Nhân Chú với sự tham gia của các nhà khoa học hàng đầu Việt Nam thuộc Viện Sử học, Viện Lịch sử Quân sự, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á,... Tham luận của Hội thảo được tập hợp lại trong cuốn kỷ yếu "Danh nhân lịch sử Lưu Nhân Chú". Trong cuốn sách này, các nhà nghiên cứu đã phân tích để chúng ta thấy rõ hơn về Phạm Cuồng.

Theo Gia phả dòng họ Lưu Nhân Chú, năm 1429, vua Lê Thái Tổ ban biểu công thần cho 93 người, Phạm Cuồng được ban tước Quan phục hầu, tên ông xếp thứ nhất. Lưu Trung được ban 100 mẫu lộc điền, còn Lưu Nhân Chú và Phạm Cuồng mỗi người được ban 500 mẫu. Đây là bổng lộc rất lớn so với mức ban thưởng lúc bấy giờ mà không phải bất cứ bậc công thần nào cũng được hưởng. Năm 1452, Phạm Cuồng được vua Lê Nhân Tông ban sắc "phong chức Suy Trung tảo trị hiệp mưu công thần, Kim tử Quang lộc đại phu, Đa ngự Hải Môn trấn, Phụng tuyên sứ hành quân Tổng quản, Thái Nguyên trấn vệ hạ bạ, kim ngự đại, ngân phủ, bậc Khanh hầu, ban Quốc tính".

Cuốn Từ điển Thái Nguyên còn cho biết: "Ngày nay, đền thờ Phạm Cuồng có khá

nhieu ở Thanh Hoá - quê hương của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn". Thế nhưng, trong sách này lại không ghi nhận bất cứ đền hay miếu thờ nào thờ Phạm Cuồng ở Thái Nguyên.

Tại sao ngay trên quê hương ông lại không có nơi nào thờ cúng? Phải chăng khi về Lam Sơn tụ nghĩa, rồi hiển vinh, ông ở lại Thanh Hoá mà không còn mối liên hệ nào với quê hương Thái Nguyên? hay do dòng họ Phạm ở vùng Văn Lãng Đại Từ xưa, nay không còn ai là hậu duệ?... Sự thật không phải là như vậy.

Hành trình tìm hậu duệ của Phạm Cuồng

Câu hỏi trên chính là nỗi niềm trăn trở của ông Nguyễn Văn Vượng, một giáo viên dạy Vật lý đã về hưu và là người đam mê nghiên cứu lịch sử ở huyện Đại Từ.

Hồi đầu tháng 10/2022, ông Vượng có đăng trên mạng Facebook cần tìm thông tin về cụ Phạm Cuồng ở Đại Từ. Sau đó, ông đã nhận được nhiều tin nhắn phản hồi, trong đó đặc biệt có ý kiến của ông Hoàng Bình, nguyên Bí thư Đảng ủy xã Yên Lãng huyện Đại Từ với nội dung "Chủ lên xóm Đồng Dùm, xã Yên Lãng tìm hiểu. Họ Phạm ở đây họ có am thờ Phạm Cuồng từ lâu đời rồi nhé!".

Câu chuyện về việc đi tìm hậu duệ tướng quân

Phạm Cuồng được mở ra từ đây, và liên tục gặt hái những thành quả ngoài mong đợi!

Ông Vượng kể lại: Khi đến xóm Đồng Dùm hỏi thăm về hậu duệ Phạm Cuồng ở đây, tôi được ông Phạm Ngọc Đường (sinh năm 1949) tiếp đón rất nhiệt tình. Ông Đường cho biết họ Phạm trong xóm Đồng Dùm hiện nay có 42 hộ, với 155 nhân khẩu và thờ cụ Tổ là Phạm Cuồng. Hiện dòng họ vẫn có am thờ Cụ, đặt ngay cạnh một gốc cây đa cổ thụ ở trong xóm. Ông Đường cho biết: Chi tộc Phạm Cuồng ở Đồng Dùm là cành trên của 2 Chi họ Ma tại xóm Bông, xã Tân Trào và thôn Yên Thượng, xã Trung Yên, huyện Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang. Hai chi này có nguồn gốc họ Phạm, song trải qua thời loạn lạc từ xa xưa, để tránh sự truy sát nên đã phải đổi thành họ Ma.

Ông Vượng kể tiếp: Tôi xuống xã Văn Yên (Đại Từ) nơi có hậu duệ của tướng quân Lưu Nhân Chú để hỏi về dòng họ Lưu và mối quan hệ với ông Phạm Cuồng. Ông Lưu Sỹ Quang (sinh 1939) trưởng họ Lưu ở đây cho biết: Hiện nay dòng họ Lưu ở xã Văn Yên có đến thờ năm trong quân thể khu Di tích lịch sử Quốc gia Núi Vắn - Núi Võ. Trong chính điện có 3 ban thờ cao bằng nhau không ghi tên. 3 ban thờ thứ tự từ trái sang phải là thờ Lưu Trung, Lưu Nhân Chú, Phạm Cuồng. Đây là do dòng họ Lưu tự bố trí ban thờ cho 3 bậc anh tài của dòng họ. Bên trong lại có một ban thờ riêng ông Lưu Nhân Chú, có bức tượng đồng do dòng họ Lưu quyên góp đúc năm 2015. Theo ông Quang, từ đời các cụ xa xưa đã có chi họ Phạm của Yên Lãng cùng với họ Ma bên Sơn Dương (Tuyên Quang) vẫn đi lại với họ Lưu Văn Yên trong các dịp lễ hội và ngày giỗ Đức cao tổ Lưu Nhân Chú vào 15 tháng 2 hàng năm.

"Tôi tiếp tục tìm hiểu trên mạng internet thì thấy có 2 xã của tỉnh Thanh Hóa có đền thờ tướng quân Phạm Cuồng. Sau đó, tôi kết nối được với lãnh đạo của 2 xã, nhờ qua họ để liên lạc được với Ban đại diện của 2 chi họ Phạm ở đây. Đó là Chi họ Phạm tại làng Đám Văn Giang^(*), xã Văn Am, huyện Ngọc Lặc và Chi họ Phạm tại thôn 4, làng Ngọc Lĩnh xã Hoàng Trường huyện Hoàng Hóa. Tôi đã liên hệ trao đổi, tìm hiểu, đồng thời giới thiệu cho đại diện các chi ở Thanh Hóa và Thái Nguyên liên hệ với nhau qua điện thoại" - ông Vượng cho biết thêm.

Ngày 3/2/2023, ông Vượng cùng 7 người đại diện cho các chi họ Phạm của xóm Đồng Dùm, xã Yên Lãng (Đại Từ, Thái Nguyên); họ Ma xóm Bông, xã Tân Trào và thôn Yên Thượng, xã Trung Yên (Sơn Dương, Tuyên Quang) đi Thanh Hoá 3 ngày để gặp mặt Chi họ Phạm tại thôn 4, làng Ngọc Lĩnh xã Hoàng Trường huyện Hoàng Hóa và tham quan Di tích đền thờ Phạm Cuồng tại đó.

Những điều trăn trở

Đầu tháng 2/2023, ông Vượng tiếp tục đăng Facebook để tìm thêm thông tin về Phạm Cuồng. Do có mối quan hệ từ trước, nên ông đã liên hệ với tôi (tác giả bài viết) để nhờ tìm lại Gia phả của dòng họ Phạm Cuồng ở Đồng Dùm trong các Bảo tàng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Theo ông Phạm Ngọc Đường (người cao tuổi họ Phạm xóm Đồng Dùm) cho biết: khoảng năm 1980, ông Triệu Khánh Trung làm cán bộ Văn hóa huyện mượn bộ Gia phả họ Phạm do bố của ông Đường là



Cuộc gặp gỡ ngày 3/2/2023 tại thôn 4, làng Ngọc Lĩnh



Phía ngoài Đền thờ Phạm Cuồng - Phạm Văn tại xã Hồng Trường, huyện Hồng Hoá, tỉnh Thanh Hoá (Ảnh: V.V).



Tác giả gặp gỡ anh Phạm Văn Tuấn, hậu duệ khoảng đời thứ 20 của tướng quân Phạm Cuồng tại miếu thờ Phạm Cuồng ở xóm Đồng Dùm, tháng 3/2023 (Ảnh: Mỹ Anh).

...cụ Phạm Văn Hợi lưu giữ để mang về huyện, nói là nộp về bảo tàng ở trên tỉnh. Đây là tài liệu quý, có thể nói là vật chứng duy nhất để chứng minh dòng họ Phạm ở đây là hậu duệ của tướng quân Phạm Cuồng, và nó liên quan đến miếu thờ Phạm Cuồng ở xóm Đồng Dùm. Tuy nhiên cho đến nay, khi cả bên mượn và người cho mượn đều đã mất, nhưng gia phả thì vẫn chưa rõ đang ở đâu?

Tôi nhận lời ông Vương, nhờ cán bộ của Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam tra tìm giúp vì khi đó trên địa bàn tỉnh chỉ duy nhất có Bảo tàng Việt Bắc (từ tháng 4/1990 đổi thành Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam). Nhưng sau mấy ngày tra tìm, họ trả lời là không thấy danh mục của tài liệu này, và nghi ngờ có thể đã chuyển tài liệu đó cho Bảo tàng tỉnh (thành lập cuối năm 1991).

Thật may mắn, sau khi nhờ tra tìm tại Bảo tàng tỉnh, tôi đã tận tay cầm được bản gốc của Gia phả để xem xét, chụp hình. Có thể nói cuốn gia phả đã mục nát gần hết, chỉ còn trang cuối ghi nội dung bản lược dịch là nguyên vẹn. Nhưng dù sao, đây cũng là tin rất vui cho dòng họ Phạm Cuồng ở Thái Nguyên.

Nội dung trang cuối có viết "Là một quyển thánh phả, tức là sự tích

của cụ Phạm Cuồng là công thần đời Lê, khi chết được sắc phong làm Thành hoàng. Vì sách rách quá không biết được rõ ràng, nhưng xem những chỗ còn chữ đại khái: Cụ Phạm Cuồng có công khai quốc. Nhà Lê cho cụ lấy tên họ nhà vua và được trọng đãi. Ruộng được cấp 500 mẫu, sử dụng Kim mao phù viết khi vào châu. Phu nhân thì được vời vào triều đình tặng phong Công chúa...".

Tôi cung cấp video, ảnh chụp cuốn gia phả cho ông Vương và đến xóm Đồng Dùm gặp gỡ Ban đại diện dòng họ Phạm Cuồng ở Yên Lăng để nghe các cụ cao tuổi trong họ kể về việc thờ cúng Cụ Tổ và duy trì dòng họ ở đây.

Sau khi được tin cụ Phạm Cuồng chết, ông Phạm Đình Đăng là chất nôi của cụ Phạm Cuồng cùng dân làng lập miếu thờ Đức Thành hoàng Phạm Cuồng theo sắc phong vua ban tại khu vực gốc đa thuộc xóm Đồng Dùm ngày nay. Dòng họ Phạm từ đó thờ cúng tại miếu và tổ chức lễ Tổ vào ngày 11 tháng 9 hằng năm. Khi ấy, có tấm bia đá viết "Miếu thờ thành hoàng Phạm Cuồng - Lê Cuồng". Đến năm 1968, xã đội cho phá bỏ miếu và xây dựng trên nền miếu ngôi nhà năm gian làm Nhà Truyền thống của xã. Đến năm 1985, nhà nước xây dựng đường sắt Núi Hồng đi ngang gần đó, nên khu vực

này bị san gạt một phần đất, đồng thời bị nhà dân xây dựng, khai phá lấn vào nền miếu cũ, lúc đó dòng họ không có nơi thờ cúng. Đến năm 2001, dòng họ Phạm lại lập miếu ra bên cạnh nền miếu cũ và duy trì thờ cúng đến ngày nay. Tuy nhiên, miếu rất sơ sài, xây gạch đỏ tường 10 không trát, lợp Fibro xi măng, rộng chừng 10m², có bệ thờ bằng xi măng đã nứt nẻ.

Cùng từ bản khoán của ông Vương và dòng họ về mối quan hệ giữa hậu duệ Phạm Cuồng ở xã Hồng Trường, huyện Hoàng Hóa (Thanh Hóa) với hậu duệ Phạm Cuồng ở xã Yên Lăng, huyện Đại Từ (Thái Nguyên), tôi đã nhờ Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ và Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Thanh Hoá cung cấp thêm một số tài liệu liên quan; đặc biệt là bản sao Hồ sơ Di tích Đền thờ Phạm Cuồng - Phạm Văn (Di tích lịch sử cấp tỉnh) ở làng Ngọc Lĩnh, xã Hồng Trường (Phạm Văn cũng là một tướng quân nổi danh trong Khởi nghĩa Lam Sơn).

Điều ngạc nhiên là theo Gia phả (được dịch và lưu trong hồ sơ Di tích cũng như được ghi trong cây phả hệ của dòng họ), thì Phạm Văn và Phạm Cuồng là 2 anh em ruột! Bố của hai ông tên là Trung Chính, ban đầu đất tổ tiên ở khu động Mậu Lộc, sau đó rời về sách Văn Am huyện Lương Giang đổi tên họ thành Phạm Ngừ. Ông lấy bà vợ cả là Lê Ngọc Trí, người Cao Trĩ (Ngọc Lặc) và "sinh được 2 người con trai, trai cả là Phạm Văn, trai thứ là Phạm Cuồng". Do có nhiều công lao nên Phạm Cuồng được vua ban "3 vạn quan tiền, ban mộ điền 3 sào ruộng quan cho con cháu trồng trọt thờ tự cúng tế".

Còn theo Gia phả dòng họ Lưu Nhân Chú ở xã Văn Yên huyện Đại Từ cho biết: Phạm Cuồng quê ở xã Văn Lăng, huyện Văn Lăng (nay thuộc xã Yên Lăng), Cao tổ là Hồ triều bá Phạm Long, đời đời làm quan phiên trấn Thái Nguyên thời Trần. Bà Lưu Thị Ngọc Ngoan vợ ông là con gái Lưu Trung và là em gái Lưu Nhân Chú, người xã Thuận Thượng (nay thuộc xã Văn Yên). Do mối quan hệ thông gia này mà "hai nhà [Lưu - Phạm] đi lại thân thiết, cha con, anh em đều hiếu thuận hòa mục". Cũng theo Gia phả này, sau khởi nghĩa thắng lợi, Lưu Nhân Chú và Phạm Cuồng mỗi người được ban 500 mẫu lộc điền.

Cuốn Danh nhân Thanh Hoá (Ban nghiên cứu và biên soạn lịch sử Thanh Hoá xuất bản năm 2005),

trang 244 ghi: "Quê hương Lê Văn (tức Phạm Văn - tác giả chú thích) ở thôn Nguyễn Xá, huyện Lương Giang (nay thuộc huyện Thọ Xuân) nằm kề bên tả ngạn sông Chu cách vùng đất tụ nghĩa Lam Sơn khoảng trên 10km".

Trên bảng trích tóm tắt công trạng của Phạm Văn, treo tại từ đường họ Phạm ở làng Ngọc Lĩnh, xã Hồng Trường có ghi: Phạm Văn (? - 1435). Công thần khai quốc nhà Lê sơ, Đại Từ Thái Nguyên vào Nguyễn Xá - Lương Giang (nay là huyện Thiệu Hoá, Thanh Hoá). Đồng thời, theo tư liệu của dòng họ Phạm ở đây thì Phạm Văn vô tự (không có con trai). Bởi vậy, hậu duệ thờ cúng các ông ở Thanh Hoá đều là con cháu của Phạm Cuồng.

Như vậy các tài liệu lịch sử đã có sự khác nhau rất xa về mối quan hệ họ hàng, về quê hương bản quán của hai vị tướng. Khởi nghĩa Lam Sơn nổ ra từ năm 1418 nghĩa là đã cách đây hơn 600 năm, các tài liệu chính sử đều không ghi rõ về quê quán của Phạm Văn - Phạm Cuồng trong khi các cuốn gia phả (chủ yếu do người trong dòng họ chép lại) thì lại vênh nhau. Do vậy, chúng ta phải chấp nhận ở mỗi vùng sẽ có nhận thức khác nhau về những nhân vật này.

Điều đáng quý ở đây là, hậu duệ Phạm Cuồng ở cả Thanh Hoá và Thái Nguyên đều luôn nhớ về ông, một trong những vị công thần khai quốc nhà Lê sơ, có nhiều đóng góp trong Khởi nghĩa Lam Sơn. Và nữa, khi được kết nối với nhau, thì cả dòng họ Phạm Cuồng ở Thanh Hoá, Thái Nguyên và Tuyên Quang đều lập tức gần bó với nhau như trong một nhà.

Điều băn khoăn lớn nhất hiện nay của hậu duệ Phạm Cuồng ở Thái Nguyên, đó là ngay tại quê nhà của ông, nơi thờ tự ông chưa được tương xứng với những công lao to lớn của một vị tướng công thần khai quốc. Mong ước của dòng họ cũng như của chúng tôi, là ngành Văn hoá sớm nghiên cứu, xem xét đưa Miếu thờ Phạm Cuồng ở xóm Đồng Dùm, xã Yên Lăng, huyện Đại Từ vào danh mục điểm di tích cần được bảo vệ; xa hơn là đầu tư để tôn tạo và công nhận miếu thờ này là Di tích lịch sử của tỉnh.

(*) Xưa là làng Đám. Nay sáp nhập với làng Văn Giang thành làng Đám Văn Giang.

T.T

(Một số tư liệu do ông Nguyễn Văn Vương cung cấp)

Bảo hiểm y tế có cần phải “giải phẫu”?

Thái Văn



Hình minh họa

Bảo hiểm y tế (BHYT) là một loại bảo hiểm về mặt sức khỏe. Ở Việt Nam, nó thuộc sự quản lý của Nhà nước, nghĩa là do Nhà nước tổ chức thực hiện không vì mục đích lợi nhuận khi người tham gia BHYT thực hiện khám chữa bệnh (KCB).

Các quy định về chế độ, chính sách bảo hiểm y tế đã được luật hóa. Ngày 13/6/2014, Quốc hội ban hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế 2008 (Luật Sửa đổi này có hiệu lực từ ngày 1/1/2015). Tuy đã có những quy định của pháp luật để kịp thời điều chỉnh các vấn đề phát sinh liên quan đến bảo hiểm y tế, nhưng không phải không còn những điểm bất cập, mà những người dân được thụ hưởng quyền lợi từ BHYT là cảm nhận rõ nhất. Dưới đây là một vài minh chứng.

Có thể nói, hầu như người dân nào khi vào bệnh viện để điều trị bệnh theo chế độ BHYT cũng đều được các bác sĩ “tư vấn” để dùng thay thế (hoặc dùng thêm) một số loại thuốc ngoài bảo hiểm. Không ít trường hợp, người bệnh được tư vấn sử dụng các kỹ thuật cao mà

BHYT không chi trả.

Đơn cử như khi nhớ rằng hàm, BHYT chỉ chi trả khi nhớ răng từ số 1 đến số 7. Còn răng số 8 (răng khôn) thì bảo hiểm không chi. Ai cũng biết: “Thứ nhất đau mắt, thứ nhì giắt răng”, nghĩa là nó vô cùng khó chịu. Đau răng, lại là răng hàm thì không ai chịu nổi. Vậy mà khi người dân tham gia BHYT để bảo vệ sức khỏe của mình, lại không được bảo hiểm chi cho nhớ răng khôn thì cũng lạ!

Vấn chuyện nhớ răng thôi. Nhớ rằng hàm liên quan đến tùy răng và dây thần kinh ở đó, do vậy nếu không dùng thuốc tê thì cái đau sẽ xộc ngay lên óc. Cho nên, khi nhớ răng hàm, bệnh nhân sẽ được tiêm thuốc tê vào chân răng trước khi nhổ. Nhưng mà bác sĩ cũng sẽ tư vấn “Thuốc tê của bảo hiểm thì tác dụng không được mạnh lắm, nên anh/chị sẽ vẫn hơi bị đau đấy. Nếu anh/ chị đồng ý thì chúng tôi sẽ dùng thuốc ngoài bảo hiểm, nó mạnh hơn nên không đau...”.

Chi phí chỉ vài chục ngàn, nhất là vào cái lúc chỉ mong được nhổ răng càng nhanh càng tốt, thì có ai mà không dùng thuốc ngoài bảo hiểm. Như vậy, trong những trường hợp đó, thuốc mà BHYT cấp cho bệnh

nhân đã trở thành “cấp cho có”, chứ không được người bệnh sử dụng. Đây không chỉ là một sự lãng phí tiền của người dân tham gia BHYT, mà còn có nguy cơ tạo kẽ hở cho trục lợi bảo hiểm. Càng điều trị các căn bệnh nan y, phức tạp, thì việc phải sử dụng kỹ thuật/ thuốc ngoài bảo hiểm càng nhiều. Mà những bệnh như vậy, hầu như người bệnh sẽ chữa trị ở các bệnh viện từ tuyến tỉnh trở lên, nơi mà mọi chi phí khác cho bệnh nhân và người nhà đều cao, khiến cho họ rất tốn kém về tiền bạc.

Sự bất cập của BHYT còn thể hiện ngay trong luật hiện hành, mặc dù nó đã được sửa đổi. Một số quy định trong Luật Bảo hiểm y tế về thanh toán, quyết toán chi phí khám chữa bệnh còn chưa thực sự rõ ràng, đầy đủ, dẫn đến việc chưa thống nhất trong quá trình giám định, thanh toán chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế. Bất cập trong quy định về đầu thầu thuốc và vật tư y tế khiến nảy sinh tâm lý lo ngại, sợ sai, sợ bị thanh tra, kiểm tra, nên không dám làm, không dám đấu thầu, mua sắm, dẫn tới tình trạng thiếu thuốc, vật tư y tế tại một số địa phương và đơn vị thời gian vừa qua.

Sự chênh lệch về chất lượng giữa các tuyến, các vùng, đặc biệt là giữa tuyến y tế cơ sở với tuyến trên nên chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của người dân, không ít người dân tham gia BHYT nhưng lại đi khám chữa bệnh ở bên ngoài. Việc xây dựng, cập nhật, điều chỉnh định mức, giá dịch vụ y tế khó khăn, mất nhiều thời gian trong điều kiện thay đổi liên tục về khoa học, kỹ thuật, công nghệ trong chẩn đoán, điều trị, thuốc, trang thiết bị...

Bảo hiểm y tế là chủ trương, chính sách lớn của mỗi quốc gia, dân tộc. Chính sách về BHYT của mỗi quốc gia cũng khác nhau vì nó còn phải phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội và cả phong tục tập quán ở quốc gia đó. Tuy nhiên, chúng ta cũng cần tham khảo cách làm của các nước để chọn lựa vận dụng mang lại lợi ích lớn hơn cho người dân.

Được biết, luật pháp Hàn Quốc quy định, khi có người bị tai nạn giao thông, người dân (và các lái xe bất gặp) không được tự mình cấp cứu nạn nhân, mà chỉ được phép gọi điện cho Cảnh sát giao thông (CSGT) hoặc Bảo hiểm để họ đến xử lý. Nếu thông tin có tai nạn được chuyển đến CSGT thì họ cũng liên hệ ngay với Bảo hiểm để tới hiện trường kịp thời chuyển bệnh nhân đi. Như vậy có thể thấy, việc chăm sóc sức khỏe cho người tham gia bảo hiểm của họ rất tốt.

Còn như ở nước Pháp, quốc gia được đánh giá có hệ thống BHXH và BHYT thuộc vào hàng tốt nhất thế giới thì tham gia BHYT là bắt buộc với mọi người dân. BHYT chịu trách nhiệm chăm sóc sức khỏe cho người dân “từ A đến Z”, nghĩa là người bệnh không phải trả bất cứ một chi phí nào. Mặc dù 100% người dân đều KCB bằng BHYT, nhưng ở Pháp vẫn có cả bệnh viện tư và bệnh viện công. Dù tư hay công cũng đều KCB và thanh toán qua kinh phí từ bảo hiểm. Các loại thuốc bệnh đều thanh toán bảo hiểm 100% (trừ những loại thuốc mà họ cho là chỉ có tác dụng tăng cường chức năng chứ không để trị bệnh thì bảo hiểm họ không đưa vào danh mục chi trả), và tất nhiên ở đó không có “phòng tự chọn” vì các phòng bệnh đều được thiết kế, trang bị bảo đảm tiêu chuẩn. Các bệnh viện chỉ cạnh tranh nhau về uy tín, chất lượng KCB. Và trong một số trường hợp, người bệnh chọn bệnh viện tư vì sự tiện lợi về địa lý (gần nơi ở) hoặc do không muốn chờ lâu khi bệnh viện của nhà nước ở đó đông bệnh nhân, phải hẹn lịch khám lâu hơn...

Chúng ta chưa dám mơ tới một hệ thống chăm sóc sức khỏe cho người dân tốt ngang hàng với Pháp. Nhưng rõ ràng là, trong điều kiện hiện nay, khi mà điều kiện kinh tế - xã hội của nước ta đã biến đổi rất nhanh, thì việc đổi mới các chính sách BHYT cho phù hợp hơn, mang lại chất lượng KCB tốt hơn, hài lòng hơn cho người dân, âu cũng đến lúc cần tính đến!

Bà Luân, người được Bác Hồ đến thăm

Nguyễn Văn Vượng

Cứ đến tháng Năm thì mọi người dân Việt Nam dù ở đâu cũng nhớ về Bác Hồ, vị Cha già kính yêu của dân tộc với tất cả tấm lòng thành kính, biết ơn vô hạn.

Đối với người dân Hùng Sơn chúng tôi thì hình ảnh Bác Hồ đã ăn sâu vào trong tâm trí mỗi người từ bao lâu nay. Nói đến Bác Hồ là mọi người nghĩ ngay đến hình ảnh Bác đứng nói chuyện với bà con nhân dân tại nhà ông Trịnh Văn Thịnh; Bác ngồi nói chuyện với nông dân ngay trên bờ ruộng trên cánh đồng Hùng Sơn; Bác vào thăm nhà một chị nông dân và được chị bưng nải chuối lên mời; Bác đi qua cầu treo Huy Ngạc... Người quê tôi có thể say sưa kể với nhau về những tấm hình đó.

Thế mà đã 69 năm kể từ lần đầu tiên Bác Hồ về thăm Hùng Sơn 14/9/1954. Giờ đây Bác đã đi xa và những người trong các tấm hình đó cũng lần lượt ra đi, chỉ còn mỗi bà Nguyễn Thị Luân, cô thôn nữ năm xưa bưng nải chuối mời Bác và đoàn khi Bác Hồ vào thăm nhà là vẫn còn sống. Năm nay bà đã 89 tuổi và vẫn khỏe mạnh,



Bác Hồ qua cầu Huy Ngạc (Đại Từ) năm 1958. Ảnh tư liệu.



Bác Hồ vào thăm gia đình bà Nguyễn Thị Luân, xóm Đồng Cả, Hùng Sơn ngày 14/9/1954.

minh mẫn.

Bà Nguyễn Thị Luân, sinh năm 1934, là người sinh ra và lớn lên tại xóm Đồng Cả, xã Hùng Sơn (nay là TDP Đồng Cả, thị trấn Hùng Sơn), huyện Đại Từ.

Tại thời điểm đó chồng bà là ông Nguyễn Văn Thủ cùng 2 em trai là Nguyễn Văn Thư, Nguyễn Văn Trung đang ở trong quân đội và họ lần lượt xung phong vào quân đội khi chiến dịch Việt Bắc đang diễn ra ác liệt.

Đó là lí do nhà bà được chọn để đưa Bác vào thăm. Bà Luân, cô thôn nữ năm đó tròn 20 tuổi, một mình gánh vác công việc gia đình, chăm sóc bố mẹ chồng tích cực tham gia sản xuất. Bà còn nhớ như in buổi gặp hôm đó là vụ thu hoạch đầu tiên sau Cải cách ruộng đất, nên nông dân rất phấn khởi.

Bác Hồ nói chuyện với bà con ngay giữa cánh đồng xóm Đồng Cả, khi đó có bà Luân, bà Ẻn, bà Chợ, ông Viên, ông Tư có chị Bình là cán bộ tăng cường tay cầm nắm lúa, sau đó bà phải về nhà để đón Bác vào thăm, nhà chỉ có mấy nải chuối chín nên bà vội cắt ra xếp vào đĩa bưng lên mời Bác và đoàn.

Là người hay đến hỏi thông tin từ bà nên năm nay tôi có ý tưởng sẽ xuống thăm bà vào

dịp 30/4. Khi tôi nói ý tưởng với anh Trần Duy Khang, nguyên Bí thư Đảng ủy xã Hùng Sơn, anh bảo để nghĩ xem khi đến thăm sẽ tặng bà món quà gì cho có ý nghĩa. Chúng tôi tiếp tục trao đổi với anh Đỗ Đăng Khoa nguyên Phó Bí thư - Chủ tịch UBND xã Hùng Sơn. Ba anh em cùng bàn bạc và cho rằng nói đến bà thì ai cũng nghĩ tới hình ảnh bà bưng đĩa chuối mời Bác Hồ, trên các trang mạng đều có và trước đây địa phương cũng đã tặng bà một bức ảnh này.

Tuy nhiên tấm ảnh ngày đó là đen trắng lại do góc chụp nên khuôn mặt bà không rõ nên ít người nhận ra. Thế rồi chúng tôi cùng có chung ý tưởng sẽ dùng hình ảnh Bác Hồ về thăm Hùng Sơn ngày 14/9/1954 trong phim "Việt Nam trên đường thắng lợi" của đạo diễn Karmen ghi hình năm 1955. Bộ phim khái quát cuộc kháng chiến chống Pháp lịch sử của dân tộc Việt Nam, trong đó có

những tư liệu quý về chiến dịch Điện Biên Phủ, về ngày giải phóng Thủ đô Hà Nội. Đặc biệt, có những thước phim chân thực quý giá về Chủ tịch Hồ Chí Minh chưa từng được chiếu ở Việt Nam. Đáng chú ý, trong phim cũng có cảnh Bác đến thăm nhà bà Luân và bà bưng nải chuối từ ngoài vào để mời Bác. Chúng tôi cắt hình từ trong phim ra và in thành một bức ảnh màu tặng bà.

Để thực hiện ý tưởng đó chúng tôi phải nhờ anh Phạm Tuấn Trọng, một người thợ đa năng từ chụp in phóng ảnh, làm nhạc, dựng phim... Khi nghe chúng tôi nêu ý tưởng, anh Trọng rất hào hứng và sẵn sàng làm hộ ngay. Sau mấy ngày cắt ghép, chỉnh sửa, anh cùng chúng tôi xem rồi lại nêu ra chỗ cần chỉnh sửa. Tới ngày 19/4/2023 tấm ảnh được hoàn thành.

Sau đó chúng tôi cùng nhau đến nhà bà Luân để trao tặng bà bức ảnh. Bà cùng con cháu rất vui mừng phấn khởi cảm động khi nhìn lại tấm ảnh được làm là ảnh màu, khuôn mặt bà rõ hơn, nụ cười tươi trẻ hơn. Bà Luân kể lại từng người trong tấm ảnh rồi lau nước mắt. Mấy đó mà Bác và những người trong ảnh đều đã đi xa... Để thay đổi không khí chúng tôi mời bà và gia đình ra sân chụp ảnh kỷ niệm.

Khi biết sự kiện này có nhiều người khen ngợi, chia sẻ lên mạng xã hội ủng hộ nghĩa cử có ý nghĩa cao đẹp có giá trị tinh thần của mấy anh em tôi. Nhưng cũng có người còn e ngại cho rằng: Giả như bà và con cháu thành đạt hơn thì mọi điều đều trọn vẹn...

Tôi lại không nghĩ như vậy. Không phải cứ ai được gặp Bác là đều trở thành cán bộ, ai gặp Bác gia đình cũng khá giả và con cháu thành đạt danh gia vọng tộc đâu? Bà Luân, một cô thôn nữ bình thường, sinh ra và lớn lên trong một gia đình nông dân nghèo. Trong hoàn cảnh đất nước đang trong thời kỳ đấu tranh giành độc lập, khoảng 90% người dân mù chữ, bản thân bà cũng chỉ mới



Bác Hồ thăm nông dân xã Hùng Sơn (Đại Từ) sau Cải cách ruộng đất, ngày 14/9/1954. Ảnh tư liệu.

được học qua lớp Bình dân gọi là biết viết đúng chữ và biết đọc sỏi, nhưng bà đã tham gia mọi hoạt động xã hội lúc bấy giờ, từ Bình dân học vụ, Dân quân tự vệ, Nông hội rồi Thanh niên Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc. Nhiều năm bà tham gia công tác Phụ nữ của xóm, rồi trong Ban chấp hành Phụ nữ xã Hùng Sơn.

Chồng và các em trai bà đều tham gia phục vụ trong quân đội hoàn thành nghĩa vụ trở về tích cực tham gia lao động sản xuất làm ăn lương thiện, giáo dục con cháu làm ăn chân chính, không vi phạm vào những tệ nạn xã hội, đời sống ngày một nâng cao, nhà cửa cơ ngơi khang trang sạch đẹp, tích cực tham gia hoàn thành các mục tiêu Nông thôn mới của địa phương.

Ngày nay Thị trấn Hùng Sơn có đầy đủ điện, đường, trường, trạm. Chợ, phố sá sầm uất, đông vui. Khu đô thị kiểu mẫu đang dần hoàn thành với không gian sống, vui chơi giải trí hài hòa với thiên nhiên, văn minh, hiện đại. Xã Hùng Sơn năm xưa nay đã trở thành Đô thị Văn minh với những bước tiến vượt bậc, trở thành trung tâm kinh tế - văn hóa - xã hội của huyện Đại Từ.

Người dân thị trấn Hùng Sơn luôn tự hào với những thành quả đạt được trong công cuộc đổi mới, xây dựng quê hương, với niềm vinh dự tự hào lớn lao đã hai lần được đón Bác Hồ về thăm. Đó là nguồn động viên quý giá, tạo sức mạnh tinh thần giúp người dân Hùng Sơn có thêm động lực vượt qua mọi khó khăn, thử thách, nỗ lực vươn lên làm giàu chính đáng, tích cực đóng góp công sức, tiền của cùng Đảng bộ, chính quyền xây dựng huyện đạt Nông thôn mới. Thị trấn Hùng Sơn trở thành một Đô thị Văn minh đầu tiên của huyện Đại Từ cũng là nhờ những đóng góp nhỏ bé từ những con người bình dị, mẫu mực như bà Luân.

Tôi có nhiều kỷ niệm về quê hương Đại Từ, Thái Nguyên. Nhưng bài viết này dành để tri ân, một sự ngưỡng mộ đối với một người nông dân rất đáng trân trọng. Chúc bà mạnh khỏe minh mẫn và trường thọ. Cháu xin hứa sẽ thực hiện tâm nguyện của bà là: Cung cấp vị trí, địa điểm nơi Bác ngồi nói chuyện với bà con ngoài cánh đồng cho cơ quan chuyên môn để xây dựng Di tích Lịch sử nơi Bác Hồ nói chuyện với nông dân ngày 14/9/1954 tại xóm Đồng Cá xã Hùng Sơn trong thời gian tới đây.

Qua đây, cá nhân tôi cũng như nhiều người dân địa phương, có một ước muốn kính mong các cơ quan có thẩm quyền quan tâm đến địa chỉ đó này, để xây dựng thành Di tích Lịch sử "Địa điểm Bác Hồ nói chuyện với nông dân xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ ngày 14/9/1954"*

Hùng Sơn ngày 6/5/2023



Tác giả (ngoài cùng bên phải) cùng mọi người trao tặng bức ảnh cho bà Nguyễn Thị Luân

Vũ Kim Liên

Dòng luân hồi

Xưa Cha Lạc Long Quân đưa năm mươi
người con về biển
Tắm gió gội mưa quai để lặn sóng
Nên chạ nên làng
Kết tụ cả một vùng biển Đông cong như cánh cung
Vạm vỡ ngực trần
Tay đuốc hoa
Dầm mình giữ cát
Tạc hình ngón chân Giao Chỉ
Truyền đời xòe ra bám đất

Hôm nay lũ chúng con
Mang theo chiếc lá Chò Chỉ trên đỉnh thiêng
Nghĩa Lĩnh

Xuôi dòng về Đất Mũi
Tái hợp Trầm gập gờ Đước Cà Mau
Bối hối
Phút giây
Rưng rức trùng phùng
Chò Chỉ Mẹ đây
Đước Trầm Cha đó
Ngán năm mới có một lần
Châu trần hạnh ngộ
...
Thưa Mẹ, thưa Cha
Anh linh chứng giám
Những kết tinh của Người quỳ dưới chân Người
Hương về biển Đông
Cùng dốc lòng bái tạ
Sơn thủy giao tình
Để có chúng con đây
Trên rừng dưới biển
Trầm con Rừng Tiền
Nguyên báo đền ơn Cha nghĩa Mẹ
Như Trầm kia dầm bùn níu vai nhau đẩy gió
Cùng Đước xanh bên rẽ nên thành tụ bởi chán lờ
Tôn Chò cao khí khái đợi mặt trời
Xưa trầm con một bọc
Nay triệu con đồng lòng chung một hướng
Giang sơn mãi Rừng Tiền và chúng con
máu Lạc Hồng quyện tinh Cha huyết Mẹ
Từ ái xanh Lũng Cú đến đất Mũi Cà Mau
Hương về trái tim đất Tổ
Dòng luân hồi báo đáp tiền nhân.



Quyên GAVOYE

Vẽ đường mà đi

Không có đường em sẽ vẽ cánh đồng
Từ cánh đồng vẽ một đường cày
Theo đường cày mà bước
Thế nào cũng gặp mầm cây

Không có đường em sẽ vẽ dòng sông
Từ dòng sông hiện lên một mái chèo
Cứ theo tiếng sóng vỗ mà bơi
Thế nào cũng gặp ra biển

Không có đường em sẽ vẽ bầu trời
Từ nền trời xanh chấm thêm những đám mây
Cứ nhìn theo hướng mây trôi
Em sẽ gặp hướng gió

Không có đường thì vẽ ra mà đi
Chẳng có con đường nào tự vẽ
Như em đã vẽ em
Vẽ về cuộc đời mà mình ao ước

Những cánh cửa

Một cánh cửa mở ra
Một cánh cửa khép lại
Chẳng có cánh cửa nào bất động
Bàn tay ta lưỡng lự

Cánh cửa dẫn ta lên thiên đàng
Cánh cửa đưa ta về địa ngục
Bàn chân ta lú lừ
Con đường nào cũng mệnh mang

Cánh cửa cho ta lối thoát
Cánh cửa chặn ta lối thoát
Ta chọn hướng nào?
Về hướng mặt trời hay đêm đen?

Trong giấc mơ ta nằm chiêm bao
Thấy cánh cửa hình vuông, cũng có khi hình tròn
Nhưng chẳng có cánh cửa nào tự động mở cho ta
Tất cả đều do ta tự mở

Cao Thị Hồng

Sau vũ hội

Sau ồn ào vũ hội còn lại điều gì?
mặt nạ màu xanh, đen, vàng, đỏ, trắng...
muôn sắc, hình... tròn, vuông, méo, ngắn, dài...
tất cả
rớt xuống đất.
Phơi lộ giữa ánh bình minh
những gương mặt



lạnh lùng đến sờn gai ốc
bơ phờ nhàu nát đến đáng thương
nụ cười héo tàn trên môi kẻ sân si
giọt lệ lãnh dãi trên mắt em vừa bị
lừa tình...
mặt nạ ngổn ngang, cảm lạnh...!

Tôi
giữa hoang tàn
rừng mặt nạ
Ma quỷ và Người
Thú Hoang và thú Cưng
Cáo và Thỏ
Nai và Sói...
Chọn gì cho vũ hội... ngày mai?

Em luồn tay dưới sợi sợi thời gian...

Em luồn bàn tay trong tóc anh/ sợi sợi
thời gian mềm mại/ nghe ầm ập yêu
thương miệt mài chảy về từ hồng hoang
lịch sử/ đêm mơ thấy mình ầm ào như bão
lũ/ cuộn trôi cánh rừng già và bầy sói đi
hoang...
Em luồn bàn tay trong tóc anh/ sợi sợi
thời gian da diết/ nghe xao xuyến heo may
giục mùa thu trút lá/ trước thềm nhà tả
tơi/ đêm mơ thấy từng bầy tuổi, đất đi
nhau chơi trò ú tim sau con dốc không
tên/ em lang thang tìm thanh xuân cho
anh ở tận cuối chân trời...
Em luồn bàn tay trong tóc của anh/ sợi
sợi thời gian nồng nàn/ nửa nắng nửa
mưa, nửa chia màu thương nhớ/ đêm mơ
thấy mùa xưa anh đến/ những bông lục
bình trôi ngược dòng sông/ em hái đây
tay khắc khoải vơi đây...
Em luồn tay dưới sợi sợi thời gian/ đếm
từng giọt, nâng niu từng giọt...
Em luồn tay dưới sợi sợi thời gian...
Em luồn tay dưới sợi sợi thời gian...

Trần Xuân Trường

Tiếng chim gọi mùa

Tháng Năm sao nắng chưa vàng
Để mang hết những muộn màng ra phơi
Sông quê vẫn tuổi đôi mươi
Mùa trăng còn đọng tiếng cười trong veo

Bên kia mảnh chợ quê nghèo
Người về nắng cũng men theo lối mòn
Tháng Năm ngày mẹ sinh con
Tiếng ve đầu hạ rơi giòn bên nôi
Về miền kí ức xa xôi
Giấc mơ tuổi trẻ đang trôi ngược dòng
Tháng Năm sao nắng chưa hồng
Hàng cau đầu ngõ đứng trông mây chiều
Một làn khói mỏng như khói
Chạm vào vỡ tiếng chim kêu gọi mùa.

Một mình bên ngõ

Sao giờ vắng thế ngõ ơi
Chẳng còn những buổi chiều chơi trốn tìm
Về ngồi đây giữa lặng im
Gỡ từng kỉ niệm đã chìm dưới rêu

Hạ chưa mà đã cuộc kêu
Ngọn tre đợi gió lều đều bóng gầy
Trông thành sọt nắng hắt tây
Bóng ai đi dưới hàng cây lần hồi

Thời gian vẫn lặng lẽ trôi
Nhắn lì cả chỗ ta ngồi chơi bị
Ngõ dần nhịp bước chân đi
Giáo đường tan lẻ mỗi khi xế chiều

Từ ngày chị Thắm biết yêu
Tự nhiên thấy thiếu đi nhiều trò vui
Rụng vào chiều trái mướp dui
Ngõ về xa vắng buồn thui thui buồn.



Đình Minh

Đêm nguyệt thực

Hoa nói về mình bằng hương
dù hương vô ảnh
lá nói về mình qua gió
dù gió vô hình.
(không lẽ tình yêu nói về mình
bằng thứ nước Acid ăn mòn
làm cho vành trăng khuyết?)

Nơi vết sẹo tình
tru lên từng cơn bão lốc
gửi thông điệp về mình
bằng ánh sao băng rơi vào hố đen bất
lực...

Biết hoa sẽ tàn
mà không giữ được hoa!

Lòng run lên trong đêm nguyệt thực
Nhìn bóng tối nuốt sắc màu trái đất
gió lạnh trượt qua lòng tay
trôi về cõi mịt mùng.

Những bông hoa giả

Lặng lấy chẳng thể lại tàn
trăm kiểu dáng
những bông hoa rực rỡ trong tủ kính
những lá nọ hoa kia, lẫn cả sắc màu
không rễ bám đất sâu
không có mặt trời bóng râm
không có hoàng hôn
không có những đêm ủ sương
và nồng nàn ấm lạnh
không một lần uống ánh trăng tan...

Những bông hoa của tự nhiên
giữa nắng dãi mưa dầm, bão giạt
nở thắm sắc màu thân thiết
nói được điều giá thật
bằng hương.
hoa sinh tử với đời thường
có tươi có héo
phân biệt hồn người đục, trong...

Những bông hoa tôi nhìn
nở tung bừng trên cành sắt thép
sao vẫn lung linh
trên bàn thờ tổ tiên, bàn thờ thần thánh
cắm rễ trong trái tim vô cảm
chợt giật mình
mùi hương muối dẫu đây?

Hạnh Ly

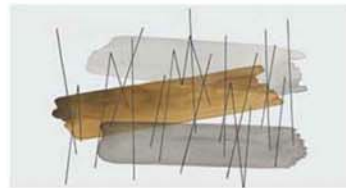
Thưởng trà

Lặng thầm
một tách trà thơm
Dâng hương dịu dịu
nhẹ vờn nắng may

Giữa bao hồi hà thường ngày
Xin chậm chậm
phút đắm say thật lòng

Búp trà cuộn mây bão giống
Bao chìm nổi
mới được nồng ngát hương

Chắt chiu từ gió, từ sương
Rất nắng xối
buốt đêm trường
mà thơm



Trái đời biết mấy nguồn cơn
Chát để ngọt
đắng để thương
cạn lòng

Một mình
uống với mảnh mộng
Uống ban mai
Được môi nồng nàn hương...

Võ Thị Thu Hằng

Thị Màu

Cứ lặng lẽ, cứ đóng đưa
Ngực xuân bung cả cửa chùa gần xa
Lá râm quét ngược cả sa
Quạt Màu khép mở gió qua tình trường

Từ sân khấu xuống đời thường
Phá tung cả những luân thường mĩ mai
Táo chua Màu để phân ai
Mà đem lúng liếng buộc hai mình vào

Màu ơi yêu đến thế sao?
Yêu cho đôi dải yếm đào xô tung
Kệ đời, màu chẳng ngưng ngừng
Điều Sa lệch cứ cháy bùng lờ lờ

Để ai hết đứng lại ngồi
Ôm ghi chặt lấy một lời thương yêu
Đời mà, cơn áo, sớm chiều
Ai yêu?
Ai dám?
Ai liều?
Như em...

Táo chua vẫn ối người thêm
Chính chuyên lại muốn theo em lên chùa.



Tiếng sáo gọi trăng

Truyện ngắn. Hoàng Thị Hiền



Minh họa: Dương Văn Chung

Đại đặt tay lên bàn, sờ rầm lấy cây sáo trúc, lần từng nốt để kiểm tra như thể sợ những vòng tròn nằm sai vị trí cũ, đưa lên môi thổi. Tiếng diu dặt bay qua mái lá cọ, tràn ra cánh đồng Đông Ấn. Tiếng sáo đến tai của Ngần không? Đại chẳng biết.

"Thương nhau nước tràn bờ cũng sang
Mến nhau mấy non ngàn cũng tới"

Ngần đã hát như thế khi nghe tiếng sáo của Đại. Tiếng hát của Ngần, cả bản Nà Hin ai cũng mê mệt. Đã có lần, mẹ kể rằng đám con trai trong bản đánh nhau vì có người dám chê tiếng hát ấy. Ngần xinh không? Đại chẳng nhìn thấy gì. Chưa ai nói rằng cô gái ấy là người xấu xí:

- Không thôi nữa, ra ăn cơm thôi con.

Giát nửa chuyển động dưới đôi bàn chân của mẹ. Đại đã ngửi thấy mùi măng chua xào lá lốt, cá suối rán vàng. Đại giắt cây sáo vào mái lá cọ, quay ra sân đợi mẹ cùng ngồi xuống ăn.

- Hôm nay, cá chẳng có mấy. Mai, mẹ lên rừng hái măng. Con ở nhà tự nấu cơm nhé. Gạo còn đủ đến hết tuần. Thằng Hiệu đi chuyển này không biết có an toàn không, nó vừa ốm dậy, nghĩ mà tội thằng bé.

Đại gượng cười bảo:

- Mẹ đi hái măng sao kịp chân đám con gái nữa? Thà tách đoàn ra đi từng đôi, may ra đủ bán chợ phiên tới. Đây, bảo cho tất cả mọi người chỗ có măng nhiều mà sáng mai mới đi thì chỉ có đánh thức vất vả lần hai thôi. Người đầu thật thà đến thế. Năm ngoái cũng vậy, mấy bà có chồng con

khỏe họ đốt đuốc đi hái măng đêm, sáng ra, mình đi, chỉ còn rết gốc là gốc và một lũ vắt vờn vỏi.

Rừng là của chung, mùa hái lượm nhà ai đồng thì hời. Những người đơn thân như mẹ chẳng hái được là bao. Pá đã khuất núi từ sau đợt đổ xô đi Nghệ An đào vàng. Đại thì chẳng biết nơi xa xôi đó nằm ở phương nào, chỉ nghe kể là xa lắm, ngồi xe từ sáng đến chiều mới tới. Năm lên ba tuổi, sau một trận ốm, Đại không nhìn thấy gì nữa. Mẹ thương, gửi con xuống Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh học văn hóa bằng chữ nổi và nghề đan lát. Đại đan cái gì cũng đẹp. Mẹ hay chặt trúc về cho anh đan chiếc lồng bàn, chiếc giỏ đựng len móc, rế nôi, giỏ cá, lồng chim,... thỉnh thoảng đổi được vài đồng muối mỡ.

Khi gà cất tiếng gáy lần hai, mẹ đã lịch kịch chuẩn bị đồ đi hái măng, Đại không ngủ được nữa. Anh nhớ đến Ngần, nếu cô còn ở bản, chắc cũng đã com dùm com nắm, giắt ống nước canh măng đứng đợi ở ngã ba đường. Đại được gặp riêng Ngần có ba lần.

Lần đầu vào hội xuân, Ngần hát:

"Có thương nhau cây chuối rừng cũng cháy
Không thương nhau lửa bắt giấy vẫn nguyên"

Tiếng hát của Ngần cao vút như với tận trăng trời, lúc lại tràn ra lai láng như nước suối, khi thủ thi như lời người già kể chuyện thơ Tây. Đại mê mãi theo tiếng hát thức thâu đêm làm sáo đến thối dưới sàn nhà người ta. Lần thứ hai, Ngần dắt tay Đại về nhà nói với pá, ông không nói gì, Đại chỉ thấy mùi rượu ngập khắp sàn. Bác Phua nhà bên

cạnh đã sang nói đỡ cho vào câu để hai đứa dễ bề đi lại tìm hiểu, bác bảo:

- Cái Ngần mà thương được thằng Đại thì đời nó sướng chứ khổ gì. Thằng đàn ông hiền lành, chiều chuộng hết mực, mình là đàn bà, chỉ việc lo làm ăn thôi. Mắt nó không nhìn thấy nhưng lòng nó sáng.

Lần thứ ba, ở chợ tình phong lưu, Đại với Ngần mạnh dạn trình diễn bài cọi: "Thuyền trăng chờ đây nỗi nhớ" và được giải nhất. Chúng bạn mang rượu ra chúc mừng, hai người uống đến lâng lâng. Bên dòng suối, Ngần bảo đêm nay trăng rất tròn. Tiếng sáo nâng câu lượn cọi lên chín tầng mây. Khi sương phủ ra hơi lạnh lạnh, họ xích lại gần nhau đến nỗi chỉ còn nghe tiếng suối róc rách như một bản nhạc của đất trời dành cho phút giây ân ái.

Đã khá lâu, Ngần không còn đến nghe Đại thổi sáo nữa. Cô theo cánh chim em ra khu du lịch ở bản bên làm nhân viên nhà hàng. Người làng nói với Đại rằng, Ngần diện váy trắng mua ở thành phố, đánh son trông rất sang trọng, cứ như diễn viên trong phim. Mấy ngày sau, anh lại nghe mẹ kể Ngần đem sang nhà cho mười hộp sữa bột, bảo rằng rất tốt cho sức khỏe, chữa khỏi nhiều loại bệnh. Đại thoáng buồn. Sao đã tới nhà lại không chào hỏi nhau lấy một câu? Mẹ cũng thật là, Ngần có công đi tìm

mua sữa cũng nên hỏi hết bao nhiêu tiền để gửi. Mười hộp chứ ít gì. Thời buổi này ai cũng khó khăn. Thành nhà ở bán bên có lần sang chơi, thấy Đại ngồi mân mê cây sáo, nó bảo:

- Anh làm sáo bán đi. Em thấy nhiều người hỏi mua lắm. Cả nón lá có của người Tây mình nữa. Bàn em bây giờ đón khách mà ít đồ bày, toàn phải nhập hàng tận đầu tận đầu về. Họ làm ầu, mình cầm đồng tiền cũng thấy ngại. Em bảo mẹ anh rồi đấy, bà lấy được bao nhiêu măng, nuôi dê, lợn, bò, anh làm được đồ dùng gì cứ đem sang nhà, em bày bán được sẽ đưa tiền hoặc ứng trước cho. Anh có đồng ra đồng vào, em có nhiều khách đến ăn uống, ngủ nghỉ lại.

- Chú cứ xem đồ anh đan treo ở gác bếp, dùng được món nào thì đem về. Sáo anh làm lâu rồi, bấy lâu nay toàn cho mấy anh em cùng đam mê thổi chơi vui.

- Anh đại quá. Tay nghề có, mắt mũi mình không nhìn thấy nhưng trời phú cho nhiều tài lẻ. Bàn em thành lập đội hát cọi, có khách du lịch tới, em đi xe sang đón anh đến biểu diễn thổi sáo, hát được càng hay. Tiền công chia đều.

Đại chớp đôi mắt mờ đục, khẽ cười:

- Nếu hát cọi hay thì chú nên mời có Ngần.

Thành cau nhàu:

- Ôi giờ ơi, giờ cô Ngần mắc bệnh ngồi sao rồi, không là người của bản mình nữa đâu. Thời gian và tiền bạc làm thay đổi con người nhanh hơn con lù quét từ rừng già về xuôi. Em tới thuyết phục mấy lần, thỏa thuận mức thù lao cao nhất trong đội, cho hát chính trong nhóm nhưng chị ấy không chịu. Chị ấy nói muốn kinh doanh theo hướng riêng, thành công thì ra thì trần

sinh sống. Mấy tháng nay, chị ấy còn đem sữa vào cho bác Phư. Bác bị bệnh ung thư, không nói được nữa. Bệnh viện trả về rồi.

- Ái dà, sao nhanh thế được, hồi anh sang, bác còn khỏe, giọng nói sang sảng kia mà?

- Bệnh tật mỗi ngày mỗi khác, anh ơi. Rõ khổ, các con bán ruộng, cầm cố nhà cửa lấy tiền đi chữa bệnh cho bác ấy mà đầu không lại với trời đành chịu. Em thấy chị Ngần quá đáng lắm, sữa nào có thể chữa được bách bệnh chứ, không giúp người ta thì thôi, đằng này còn lợi dụng để buồn bán kiếm lời. Chị ấy đã quên hồi bé, pà đi làm tận tới mịt mới về, bác Phư nấu cơm cho ăn, kèm cặp sách vở hơn con cháu trong nhà.

- Chớ với nghĩ oan cho người ta, chú à. Cô ấy cũng đem sang đây vài hộp cho mẹ anh. Bà kêu đau nhức xương khớp nên cũng dùng, nghe đâu sắp hết rồi.

Thành ném tiếng thở dài và xin phép về. Nghe tin Ngần như thế, Đại không còn thấy hào hứng với niềm vui công việc mới mà Thành vừa đem tới. Đêm hôm ấy, nằm ngoài nhà, Đại thấy mẹ trở mình trên giát nửa cột kết. Mẹ không ngủ được. Chắc cái chân bị đau nó hành vì trời chuyển mưa. Đêm đã khuya, tiếng cú mèo đi săn mỗi vừa dứt, anh lại nghe tiếng khịt khịt mũi. Hình như mẹ khóc. Lăn sờ tới cửa buồng, anh mạnh dạn hỏi:

- Mẹ đau ở đâu? Hay là có chuyện gì buồn còn giấu con?

Mé ngồi dậy, yên lặng một lúc mới nói:

- Hồi chiều, mẹ qua nhà bác Phư. Bác ấy sắp không qua khỏi rồi, Đại à. Nhân tiện, mẹ sang nhà cái Ngần hỏi tiền sữa hết bao nhiêu thì mẹ gửi. Con biết nó nói hết từng nào không? Mười hộp sữa bột bán những mười hai triệu. Nó bảo đây là sữa nhập về từ bên Mỹ nên có giá hơi cao. Mẹ uống còn có nửa hộp là hết. Thôi thì đành lấy số tiền bán con bò bê đưa cho nó chứ sao. Miệng nó ngon ngọt quá, biết hoàn cảnh nhà mình như vậy vẫn dành lòng cảm ơn ừ ừ, không bớt một xu.

- Mình đã dùng thì mình trả cho hết và đừng mua nữa mẹ à. Thành hôm nay sang chơi cũng nói với con là bác Phư cũng mua sữa đó uống đấy, có khỏi bệnh đâu. À, mẹ giúp con vay vốn của Ngần hàng chính sách nhé. Con muốn làm kinh tế.

Hai mẹ con nói chuyện tới khi con gà trống cất tiếng gáy lần thứ hai mới đi nằm. Đại không sao chợp mắt được. Anh nghĩ đến Ngần, đến câu cọi ngọt thanh hơn măng rừng nướng với giấy phút mặn nồng bên suối. Nếu cô đồng ý vào hội văn nghệ của bản và có anh thổi sáo đệm như những ngày trước thì hay biết bao. Nhưng anh cũng chạnh lòng, chắc Ngần đã thay lòng đổi dạ hoặc không thể chịu được tiếng xì xào của người đời, con gái như hoa phật phiến mà lại lấy cái thằng có số phận hẩm hiu.

Con gái Tây ở bản Nà Hìn, Nà Dài, Nà Tôm đã biết vào zalo, facebook quảng cáo căn nhà sàn, quay lại buổi giao lưu văn nghệ, chụp các loại nông sản mùa nào thức nấy vừa thu hoạch được cho du khách tìm đến nhiều hơn và bán hàng dễ dàng. Họ giúp mẹ Đại dọn dẹp, trang trí nhà cửa để làm nơi trình diễn văn nghệ khi có yêu cầu. Đại mở xưởng đan lát, làm sáo ở dưới gầm sàn, các cụ già thường tới đây giúp. Âm trà pha không khi nào

nguội. Người trong bản kể, Ngần càng ngày càng có nhiều tiền, đi ô tô, trở thành giám đốc kinh doanh sản phẩm tiêu dùng thông minh. Thỉnh thoảng, cô trở về bản tuyên công tác viên rồi vội vã theo các cuộc điện thoại quan trọng của đối tác. Bác Phư qua đời vào một chiều đông. Đại đến đám ma đã gặp lại Ngần. Cô chắc nhìn thấy anh nhưng không lên tiếng. Anh cảm nhận được cô đang ở rất gần. Ngần tới đời tiền bán sữa bột, bị họ hàng nhà bác Phư mắng té tát và đuổi ra khỏi nhà đám. Đại nghe quanh mình tiếng lầm bầm "đồ lấy oán báo ân, xưa nhường cháo nhường cơm cho nó ăn để giờ nó ăn xương ăn thịt người già" lẫn trong tiếng kèn pí lệ, thanh la, náo bạt.

Tiếng sáo mấy đêm liền đong đóc gọi ánh trăng ở bản Nà Hìn. Ai nghe cũng chỉ buông tiếng thở dài, tiếc cho Ngần quá khôn thành dòn đến đại, thương cho Đại nặng lòng với câu lượn cọi năm xưa. Không chỉ bản hàng đa cấp, Ngần còn rủ rê nhiều người gom tiền chung vốn để hưởng hoa hồng cao, vì ăn chơi, chum điện nên đã tiêu hết số tiền hàng trăm, hàng tỷ đồng, không có khả năng trả lại, phải trốn chui trốn lủi. Ngần có thai. Cô sinh được cậu bé hóm hỉnh, chưa hết tháng ở cữ đã bế sang cho mẹ Đại rồi đi biệt. Nghe đâu, cô bị công an bắt và kết án ở một nơi xa lắc. Tiếng sáo từ buổi đầu thường dứt quãng với tiếng khóc khất sữa của thằng bé. Giá mà Đại ngăn Ngần lại, đặt nhau đi đúng đường thì đầu đến nông nổi sao. Ngần không là trắng nữa. Ngần như ngôi sao rơi.

Sài Gòn cho ta những điều thú vị như cơn mưa bất chợt ném từng góc phố mỗi ngày. Nhiều người yêu thành phố này không chỉ bởi không gian để câu du thính thoảng mới có kết xe ở ngã tư hay chỗ ngập lội nhưng ai cũng kiên nhẫn chờ đợi, người ta tranh thủ giây phút đó để ngắm biển giao thông, cách bài trí của các hàng quán hai bên đường, bằng hiệp kê bắt mắt mà còn ở tấm lòng hiếu khách thập phương. Hiếu vào thăm mẹ đang thụ lý ở trại giam, lần nào đi, anh cũng đem theo cây sáo của pà, một ánh trăng phố thị thổi lên nốt buồn da diết kể chuyện núi rừng mong mẹ nghe được, chịu khó cái tạo sớm về trước thời hạn. Đã hai mươi năm rồi, chiều chiều, pà vẫn ngồi ở đầu cầu thang đưa cặp mắt mờ đục về nơi xa xôi chờ tiếng nói quen thuộc cất lên để mừng rỡ hỏi thăm rồi lặng đi giấy lát, đưa hai tay dăm ngón thùm thụp cho nước mắt chảy ngược được vào trong. Hiếu nhớ ngày đầu tiên nhảy xe khách đi hơn hai ngàn cây số vào đây, đường sá không biết lối nào lần, tình cờ gặp anh Hưng, người Tây, đã làm việc ở Sài Gòn lâu năm, khi rõ hoàn cảnh, anh bảo:

- Chú về khu tập thể của anh ở vài bữa, khỏi phải thuê khách sạn, xe máy có, hỏi qua mấy anh em rồi lấy cái để đi chuyển, đừng ngại. Cộng đồng người Tây ở Sài Gòn đông đảo, đợt dịch COVID-19 vừa rồi, anh em giúp nhau bám trụ lại thành phố, của cải có hạn, đồng viên nhau về tinh thần là chính.

Hiếu dần trái lòng:

- Lần nào, em vào thăm, mẹ chẳng nói gì, chỉ ngồi khóc. Hết giờ, chị quản giáo lại dẫn đi. Em nói hết chuyện ở bản, chuyện lời bà căn dặn và thổi sáo bài "Thuyền trắng chờ đây nổi nhớ" nhưng lần nào cũng dở dang. Thực lòng, em vừa thương vừa giận mẹ, một tiếng gọi con cũng không làm được nè...

(Xem tiếp trang 39)



Mình họa: Dương Văn Chung

PGS.TS Cao Thị Hồng:

“Viết phê bình
cũng cần tưởng tượng,
bay bổng”

Phạm Văn Vũ thực hiện

Rảnh mạch và quyết liệt trong những vấn đề chuyên môn nghiên cứu khoa học, nhưng cũng sẵn sàng phiêu dâm với những cuộc rong chơi của chữ nghĩa, dù trong danh vị nào thì PGS.TS Cao Thị Hồng cũng luôn là một con người đầy cá tính.

Rượt theo những khám phá

Chị dạy học từ bậc phổ thông, sau đó trở thành giảng viên đại học, rồi đi sâu vào con đường nghiên cứu. Nó là một kế hoạch đã được lên phương hướng, lộ trình, hay là một cuộc đi không sắp đặt?

PGS. TS Cao Thị Hồng: Đây là một lộ trình thuộc về sự “đặt đẽ” của số phận. Trên hành trình cuộc sống, ở mỗi giai đoạn khác nhau, sự nhận thức và khám phá xã hội khiến tôi nghĩ mình phải nỗ lực tự học để hiểu biết và làm những gì mà bản thân mình thấy hứng thú, đam mê. Tôi rất say sưa “môn gì”, đồng bằng trong tâm hồn, rất say bản thân thấy chân giá trị chính mình vì sự cù kỳ, đơn điệu. Theo đuổi con đường nghiên cứu tự nhiên như một cuộc vượt theo những khám phá đầy bí ẩn của “trò chơi” chữ nghĩa, đó là nơi để tôi tự “thách đấu” với “tôi”, khám phá chính bản thân. Do đó, chừng nào còn cơ hội thì chừng đó tôi vẫn dẫn thân cho nghiên cứu, phê bình văn học.

Trong cuộc rượt theo những khám phá ấy, vừa làm nghiên cứu lại vừa sáng tác, chị đã bao giờ tự mình định rằng mình là nhà nghiên cứu viết thơ hay là nhà thơ làm nghiên cứu chưa?

PGS. TS Cao Thị Hồng: Làm nghiên cứu thì cần đến kiến thức hàn lâm, được tích lũy qua quá trình học hành, trải nghiệm sống và viết; còn làm thơ thì chủ yếu phát triển tư duy theo "năng khiếu", nương theo dòng cảm xúc cá nhân, sự thức



PGS. TS Cao Thị Hồng

dây, giục giã của tiềm thức. Hai lĩnh vực này tương
như không có gì liên quan nhau vì mọi người
thường nghĩ nghiêm cứu thì bài bản, khô khan, còn
thơ thì bay bổng, lãng mạn... nhưng thực tế "hai
nhà" này có những điểm giao thoa, tương trợ cho
nhau trong việc sáng tạo. Sự tương trợ này nhiều
khí bất liên từ về thức và chính ý thức của chúng ta
cũng không thể phân định rõ ràng. Hình như đó
thuộc về những giá trị mà cần phải có thời gian để
nó thấm sâu ở "con người bên trong con người",
cất giấu tận đáy tiềm thức để rồi trong những tình
huống cụ thể nào đó nó tự cự qua quýt, hồi sinh trên
câu chữ.

Kiến thức về văn hóa, lịch sử, chính trị, triết học... theo tôi là rất quan trọng đối với người sáng tác thi ca, nó chính là nền tảng, là điểm tựa để từ

đó chúng ta phát huy trí tưởng tượng, tư duy sâu, rộng về mọi vấn đề của con người..., trên tinh thần đó kiểm tìm, theo đuổi cách kiến tạo những thi phẩm mà ở đó hy vọng có thể mang lại chút gì xúc động, chạm được đến trái tim bạn đọc.

Các cụ ta thường nói "nghề chơi cũng lắm công phu". Viết sáng tạo tác phẩm văn thơ và viết phê bình văn học nghệ thuật trên thực tế đều là một "cuộc chơi" vô cùng công phu với con chữ, ai dám dẫn thân vào con đường này đều phải chấp nhận làm "phu chữ" (nói như Lê Đạt).

Cuộc chơi này nó gian nan ở chỗ nếu ta không tỉnh táo thì dễ bị ngộ nhận, hiểu nhầm năng lực chính mình, và bằng lòng, tự mãn với một vài tác phẩm nhỏ nhỏ nào đó, trong khi yêu cầu của việc sáng tạo nghệ thuật là vô cùng khắt khe, nó không bao giờ chấp nhận sự hời hợt, qua loa, thiếu một sự tìm tòi để thấy được cái "mới", cái "đẹp" và sự độc đáo.

Vì vậy, tôi không bao giờ mình định mình là nhà nghiên cứu làm thơ hay ngược lại. Phải chăng nếu mình định vậy là tự đưa mình vào cái vòng "kim cổ" và hạn chế chính mình?! Cho nên, đơn giản, tôi chỉ xin tự nhận mình là người viết những gì thích viết, bởi khi nào trái tim tôi thực sự xúc động vì điều gì đó thì khi đó tôi mới viết được mà thôi...

Ai đó đã lo ngại rằng năng lực nghiên cứu và cá tính sáng tạo trong cùng một con người có nguy cơ ảnh hưởng không tốt lẫn nhau. Nhưng có người lại cho rằng sự song hành đó là một cơ duyên tốt lành. Bản thân chị với những tư nghiệm của mình thì thấy thế nào?

PGS. TS Cao Thị Hồng: Tôi cho rằng năng lực nghiên cứu mà đi song hành được cùng cá tính sáng tạo thì rất tốt bởi nó hỗ trợ cho nhau trong quá trình viết đề



kiến tạo những tác phẩm có chất lượng. Suy cho cùng, làm nghiên cứu phê bình hay sáng tác đều cần đến "cá tính sáng tạo", tức là phải tạo ra cái riêng, cái độc đáo.

Nếu làm nghiên cứu, phê bình thì cá tính sáng tạo mang lại cái "duyên", sự hấp dẫn cho người đọc; nó khiến những bài/công trình nghiên cứu, phê bình "mềm dẻo", có "hồn" và thuyết phục lòng người hơn. Ngược lại, nếu có năng lực nghiên cứu (tức là năng lực tư duy khoa học, khả năng vận dụng kiến thức tổng hợp để luận giải, làm sáng tỏ các vấn đề văn học) thì cũng đồng thời người viết có một "Cultural font" (cơ sở/nền tảng văn hóa) để từ đó có "vốn" vững vàng, an nhiên, tự tin kiến tạo tác phẩm theo ý tưởng của mình; và tôi nghĩ nếu người cầm bút nào có được "thiên năng" như vậy thì quả là may mắn và hạnh phúc vì sự nghiệp cầm bút sẽ có "sức bền" và luôn gọi về thế giới tinh thần của mình nhiều năng lượng sáng tạo. Tôi luôn mơ ước mình có những phẩm tính này của một người cầm bút...

Tìm thấy, đọc ra những giá trị để chia sẻ cùng bạn đọc

Các nhà văn nhà thơ khi sáng tạo thường có xu hướng vượt thoát mọi lí lẽ, bất tuân mọi quy luật. Trong khi đó, các nhà nghiên cứu, phê bình luôn sử dụng những công cụ, thao tác nhất quán trong hệ thống mang tính nguyên lí. Nếu ai đó khuyên rằng trong mỗi nhà nghiên cứu, phê bình cần có thêm một người nghệ sĩ, thì chị nghĩ sao?

PGS. TS Cao Thị Hồng: Nghiên cứu, lý luận - phê bình văn học là công việc văn thường bị coi là "khô, khó, khổ" bởi phải tuân thủ những nguyên tắc của nghiên cứu khoa học.

Tuy nhiên, lý luận hiện đại ngày nay xác định rõ đây là công việc "sáng tạo trên nền một sáng tạo", đặc biệt đối với phê bình văn học. Mỗi tác phẩm phê bình không đơn thuần chỉ là "phê" cái hay, dở, đúng, sai... của tác phẩm mà bản thân bài viết/ công trình phê bình đó phải mang đậm dấu ấn cảm xúc chủ quan, chính kiến của người viết. Viết phê bình cũng cần đến sự tưởng tượng, bay bổng, cũng cần đến sự "hóa thân", hòa mình vào dòng chảy của con chữ... để đọc ra những thông điệp ẩn sau lớp ngôn từ. Nếu không có "chất nghệ sĩ", thiếu sự nhạy cảm, tinh tế thì sẽ không thể làm phê bình, bởi phê bình văn chương nói riêng và phê bình văn học nghệ thuật nói chung là công việc "vừa là khoa học vừa là nghệ thuật".

Trong quá trình nghiên cứu, phê bình, chị đặt sự chú tâm cao nhất đến yếu tố nào trong mối quan hệ cốt yếu gồm tác giả (tiền văn bản) - tác phẩm (văn bản) - người đọc (hậu văn bản)?

PGS. TS Cao Thị Hồng: Tôi quan tâm đến văn bản (tức bản thân tác phẩm) nhiều hơn. Bởi lẽ chỉ có văn bản mới là nơi giúp tôi "đọc" ra tất cả thông điệp chính xác mà nhà văn muốn gửi gắm với người cùng thời (và cả những thông điệp "vượt tầm" thời đại, vượt tầm tư tưởng của nhà văn do đặc thù của nghệ thuật ngôn từ mang lại) - đằng sau câu chữ của văn bản nghệ thuật bao giờ cũng là những "mật ngữ" hàm chứa nhiều mỹ cảm văn chương, và nhiệm vụ của nhà phê bình là phải làm sao tìm thấy, "đọc" ra những giá trị nhân văn mang giá trị văn hóa đó để chia sẻ cùng bạn đọc.

Tuy nhiên, ở một số trường hợp cũng không thể bỏ qua những yếu tố ngoài văn bản, bởi nhiều khi muốn giải quyết thấu đáo vấn đề lại phải bắt đầu từ những yếu tố liên quan đến tác giả và bạn đọc. Tuy nhiên, những yếu tố này chỉ là những yếu tố phụ để giúp suy nghĩ về những vấn đề mà bản thân văn bản đã gợi ý.

Tôi nghĩ đó là một cách tiếp cận nghiêm túc, sòng phẳng. Nhận đây, tôi cũng muốn nói về một thực tế hiện nay. Vì sự tiếp cận không

ng nghiêm túc, không sòng phẳng, thậm chí vì những sự chi phối ngoài học thuật và ngoài văn chương, đã có những cách làm mà chúng ta có thể tạm gọi là phê bình giao đãi, phê bình công điểm, phê bình trả ơn, phê bình thân hữu... Theo chị, căn nguyên của câu chuyện này là từ đâu?

PGS. TS Cao Thị Hồng: Thực ra những kiểu viết mà chúng ta tạm gọi là "phê bình" này không phải là phê bình văn học đích thực, đó chỉ là những văn bản "bình tán" ai đó viết cho "vui" và để làm hài lòng một số người không/ chưa thật thấu hiểu "văn chương là gì?" nhưng lại muốn khẳng định "tên tuổi". Tham vọng nổi "đanh" mâu thuẫn với năng lực thực sự, nên có hiện tượng một số người thường "nhờ" hoặc thậm chí "thuê" viết bài tâng ca về một "tác phẩm" thiếu chất lượng. Có lẽ đó là khởi nguồn của loại viết "phê bình" này.

Tôi quan niệm khi phê bình không có giá trị học thuật thì nó sẽ không có cơ sở để lưu lại cùng dòng chảy thời gian và chắc chắn nó cũng không thuyết phục bạn đọc. Theo quy luật tồn tại của nghệ thuật, cho dù người viết có "tung hứng" cao đến mấy mà tác phẩm đó không đáp ứng được nhu cầu thẩm mỹ của bạn đọc thì cả tác phẩm và cả những bài "tâng ca" sáo rỗng cũng sẽ nhanh chóng bị lãng quên.



Để có những nhà phê bình chuyên nghiệp, chuyên tâm

Trong bối cảnh đổi mới và hội nhập, đội ngũ làm phê bình cũng như đời sống phê bình văn học tất yếu sẽ có những chuyển động quan trọng. Câu chuyện này ở ta diễn ra thế nào, theo nhìn nhận của chị?

PGS. TS Cao Thị Hồng: Với nhiều cơ hội thuận lợi do thời đại mang đến, sự phát triển của phê bình văn học Việt Nam vài chục năm qua (tính từ thời kỳ đổi mới sau 1986 đến nay) được đặt trên cơ sở tư duy lý luận xác lập rõ vai trò, vị thế, chức năng của nhà phê bình và phê bình. Giai đoạn này dân trí được nâng cao, giao lưu với thế giới được mở rộng, cùng với sự bùng nổ của công nghệ thông tin nên đội ngũ viết phê bình có điều kiện tiếp cận với những kiến thức mới và thời sự nhất. Dù còn chưa nhiều nhưng đã bước đầu hình thành một đội ngũ phê bình văn học có vốn kiến thức phong phú, nhạy cảm với cái mới, nhất là những lý thuyết lý luận phê bình hiện đại của thế giới và có thể tham gia giải quyết những vấn đề gay cấn đặt ra cho đời sống văn học đương đại để từ đó làm nhịp cầu kết nối giữa nhà văn và bạn đọc. Đội ngũ phê bình mới hình thành đã và đang từng bước tìm tòi, sáng tạo, đẩy lùi “căn bệnh” phê bình cảm tính, non kém về cơ sở lý thuyết ra khỏi đời sống phê bình, gia tăng thêm tính học thuật, từ đó nâng cao tính khoa học trong nghiên cứu phê bình.

Đối tượng chủ yếu của phê bình văn học là tác phẩm văn học nhưng hoạt động của nhà phê bình không đơn thuần chỉ thụ động dừng lại ở chỗ chỉ ra cái hay, cái đẹp của tác phẩm mà còn là một hoạt động “sáng tạo trên nền của sáng tạo”. Nhà phê bình phải nhận ra được sự vận động nội tại của đời sống văn học, đưa ra những luận giải thuyết phục về những hiện tượng văn học đang diễn ra, sự phán đoán và khẳng định các giá trị theo quan điểm thẩm mỹ độc đáo của bản thân. Nhà phê bình là một bạn đọc đặc biệt luôn “đồng sáng tạo” cùng nhà văn, tính sáng tạo trở thành nguyên tắc cơ bản trong quá trình tiếp nhận tác phẩm của người viết phê bình văn học. Phê bình văn học thực sự đã trở thành một môn ăn tinh thần không thể thiếu của nhiều bạn đọc, có hiệu ứng tốt trong việc giúp bạn đọc tìm hiểu những giá trị của tác phẩm, đặc biệt những tác phẩm được sáng tạo bởi những nghệ sĩ giàu cá tính, định hướng thẩm mỹ và hướng xã hội đến sự thay đổi dần những quan niệm còn nhiều giới hạn về văn chương nghệ thuật.

Cùng với sự phát triển của lịch sử thời đại, đời sống sáng tác văn học ngày càng trở nên phong phú,



Các đầu sách đã xuất bản của PGS. TS Cao Thị Hồng:

phức tạp. Hơn lúc nào hết, để phát huy vai trò của phê bình đối với xã hội đòi hỏi nền phê bình văn học của Việt Nam phải có cơ chế mở để xác lập được những tiêu chí định giá văn học cập nhật được giá trị nhân văn chung của nhân loại. Đó là một nền phê bình phải được phát triển theo nguyên tắc tôn trọng tư tưởng dân chủ, chấp nhận ý kiến khoa học đa chiều và cá tính sáng tạo độc đáo của mỗi nhà phê bình. Và đây, có lẽ cũng chính là chìa khóa để phê bình văn học Việt Nam có thể vượt qua cánh cửa tri tri, bảo thủ, cực đoan, thực sự trở thành nhân tố tổ chức của tiến trình văn học, tác động một cách tích cực nhất vào sự vận động, phát triển của nền văn học dân tộc trong thời kỳ hội nhập và phát triển của xu hướng toàn cầu hóa (trong đó có toàn cầu hóa văn hóa mà văn học là một bộ phận trọng yếu của văn hóa, không thể không quan tâm và đứng ngoài khi quyền văn hóa toàn cầu đó).

Trong “khí quyển” văn hóa toàn cầu như vừa nói, ở thời điểm này, theo chị, phê bình văn học xét từ phương diện đội ngũ còn những giới hạn như thế nào?

PGS. TS Cao Thị Hồng: Chúng ta thấy còn thiếu một lực lượng chuyên tâm làm phê bình. Mặc dù, như đã đề cập, nền phê bình văn học thời kỳ đổi mới đã hình thành một đội ngũ làm nghiên cứu, phê bình văn học khá đông đảo. Tuy nhiên dù có hàng trăm người cầm bút viết phê bình văn học nhưng những người tâm huyết, say mê theo đuổi nghiệp viết phê bình không nhiều. Khi “nghề” viết phê bình bị coi nhẹ, chưa được quan tâm, đánh giá đúng mức, thậm chí là một nghề bạc bẽo và “nguy hiểm” thì chuyên không chuyên tâm với nghề cũng là điều tất yếu. Và vì không chuyên tâm nên một số họ đã chuyển sang làm phê bình “nghiệp dư”, viết để “góp vui”, có hứng thú thì viết, không hứng thú thì thôi, khen chê theo cảm tính...

Tình trạng này đã khiến nền phê bình rơi vào trạng thái thiếu tính chuyên nghiệp trong cảm thụ, phân tích, đánh giá với tư cách là một bộ môn vừa là nghệ thuật vừa là khoa học. Vì thế trong đời sống lý luận phê bình đã xuất hiện nhiều bài phê bình nhạt nhẽo, vô bổ, thiếu tính độc đáo trong phát hiện, không hướng đến việc tiếp cận chân lý nghệ thuật và chân lý đời sống, phê bình theo xu hướng nói “nước đôi” và ai cũng có thể viết “phê bình” và trở thành “nhà phê bình” văn học.

Nền phê bình thiếu một đội ngũ tâm huyết còn bởi một nguyên nhân quan trọng đó là người làm phê bình ở nước ta không ai có thể sống được bằng nghề viết phê bình, bởi người đọc phê bình không nhiều và các cơ quan truyền thông như các tòa soạn báo, tạp chí, các đài phát thanh truyền hình... cũng không mặn mà với các bài viết lý luận phê bình nên việc trả nhuận bút cho những bài phê bình văn học nghệ thuật còn rất “khiêm tốn” so với chất xám được đầu tư cho các bài viết. Đây cũng là vấn đề đặt ra cho các nhà quản lý văn học nghệ thuật cần suy ngẫm để có những giải pháp đầu tư



thích đáng cho lý luận phê bình, nếu muốn lý luận phê bình văn học nước nhà khởi sắc, phát triển một cách bền vững.

Một giới hạn khác cũng cần được nói đến, đó là việc đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ những người làm lý luận phê bình văn học chưa có hệ thống bài bản; vì thế, chưa đáp ứng nhu cầu xây dựng và phát triển một nền lý luận phê bình văn học chuyên nghiệp trong thời kỳ hội nhập của xu hướng toàn cầu hóa ở các phương diện như: trình độ học vấn, tri thức, văn hóa, năng lực cảm thụ và kỹ năng phê bình văn học, trình độ ngoại ngữ để tiếp nhận những lý thuyết mới từ nguyên bản, cũng như một bản lĩnh, dũng khí, từ đó hình thành một nhân cách văn hóa của nhà phê bình để phát hiện, luận giải và khẳng định chân giá trị của các vấn đề văn học và đời sống. Bởi lẽ vấn đề đào tạo chính quy được xem là nền tảng để hình thành tư cách nhà nghiên cứu, phê bình.

Tuy nhiên, một thực tế tồn tại là suốt nhiều năm qua, nước ta chưa có chiến lược đào tạo nguồn nhân lực cho lĩnh vực phê bình văn học. Các cơ sở giáo dục đại học có chuyên ngành Văn học hầu như chưa chú trọng xây dựng chương trình đào tạo đội ngũ làm phê bình văn học. Ngay cả việc đào tạo nguồn nhân lực giảng dạy, nghiên cứu văn học cũng còn rất nhiều giới hạn bởi chương trình lạc hậu, xơ cứng, chưa phù hợp với xu thế hội nhập và phát triển của đất nước, nhất là khi chúng ta đang bước vào thời đại cách mạng công nghệ mới, vì thế cũng chưa mở ra cho người học nhiều cơ hội được sáng tạo, học hỏi vươn lên để chinh phục những lý thuyết mới của nhân loại - "công cụ" để nâng cao chất lượng phê bình văn học.

Tri thức phong phú, vốn sống, vốn văn hóa, sự nghiêm túc cá nhân... cần phải được xem là cơ sở quan trọng để "hành nghề" phê bình. Cái thiếu hụt nhất của phê bình thời kỳ này là nhiều người làm phê bình nhưng chưa quan tâm đến vai trò then chốt của các cơ sở lý thuyết khoa học về phê bình văn học trong việc đánh giá thẩm định các hiện tượng văn học. Nếu thiếu đi chiều sâu học thuật trong các bài phê bình, các luận giải của nhà phê bình sẽ rơi vào tình trạng chủ quan, chông chênh, khó thuyết phục người đọc.

Sự giới hạn về nhận thức, thiếu hụt tri thức văn hóa và các lý thuyết phê bình văn học nói trên đã dẫn đến vấn đề tranh luận trong phê bình văn học còn mang tính áp đặt, thiếu văn hóa tranh luận, thiếu và yếu tính học thuật. Lối phê bình xã hội học dung tục, mang tính "qui chụp chính trị" một cách phi lý và thô thiển, tương chừng chỉ có ở thời kỳ trước đổi mới và đã đi vào "đi vắng xa xôi" nhưng đến nay vẫn còn tồn tại dai dẳng đó đây...

Biết hướng về cái mới và bảo vệ cái mới tiến bộ là một phẩm chất của nhà phê bình chân chính, nhưng giai đoạn này cũng còn

không ít nhà phê bình chọn cho mình vùng "an toàn", nói kiểu nước đôi để tránh bị chụp mũ, bắt bẻ. Thiếu dũng khí, bản lĩnh, thiếu tinh thần dấn thân và thiếu phát hiện độc đáo mang tính đột phá của cá nhân nhà phê bình khi luận giải các hiện tượng văn học - đây là một giới hạn cản trở lớn đến sự phát triển của nền phê bình văn học Việt Nam.

Rõ ràng chúng ta đang gặp phải rất nhiều cản trở. Giả định có đủ điều kiện, chị muốn bắt đầu giải quyết vấn đề này từ đâu?

PGS. TS Cao Thị Hồng: Nghiên cứu lý luận và viết phê bình văn học nghệ thuật có một đặc thù riêng, khác với sáng tác văn học, người làm lý luận - phê bình văn học bên cạnh thiên năng còn phải được học hành và đào tạo toàn diện, nghiêm túc, bài bản. Do đó muốn tăng cường số lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ làm lý luận, phê bình cần phải bắt đầu từ việc chú trọng đào tạo và sử dụng con người. Theo tôi, có mấy việc cơ bản cần phải làm sau đây:

Thứ nhất, cần có chính sách để trọng dụng, tập hợp đội ngũ những nhà nghiên cứu lý luận, phê bình văn học đã được đào tạo chuyên sâu chuyên ngành Lý luận văn học hiện đang ở rải rác trong các trường đại học, viện nghiên cứu, các Hội Văn học Nghệ thuật, lấy đội ngũ này làm nòng cốt để lan tỏa tinh thần nâng cao chất lượng học thuật trong nghiên cứu, phê bình văn học nghệ thuật. Hiện tại ở nước ta, để đào tạo được một người làm nghiên cứu, phê bình văn học nghệ thuật không phải dễ dàng gì nhưng khi đào tạo xong lại để lãng phí vì các nhà quản lý văn học nghệ thuật chưa chú trọng việc sử dụng đúng con người.

Thứ hai, môn Lý luận văn học cần được bố trí dạy - học một cách khoa học, bài bản phù hợp với năng lực tiếp nhận của người học ở từng cấp học. (Cần tập hợp những nhà nghiên cứu, những thầy/cô có kinh nghiệm chuyên môn, được đào tạo chuyên sâu về lý luận phê bình văn học tham gia vào việc làm chương trình).

Thứ ba, ở bậc Đại học, những khoa đào tạo cử nhân liên quan đến các ngành thuộc Văn học nghệ thuật, môn Lý luận văn học phải được coi là môn học quan trọng, cung cấp kiến thức nền để luận giải các vấn đề về đời sống văn hóa nghệ thuật. Cần đổi mới triệt để về khung chương trình, phương pháp giảng dạy, thời lượng giảng dạy để làm sao người học được tiếp cận với những kiến thức nền tảng, cơ bản nhất. Ở các Khoa đào tạo Cử nhân văn học cần mở ngành Lý luận - phê bình văn học nghệ thuật. Tuyển chọn người học và có chính sách ưu tiên, khuyến khích với những người có thiên năng. Bên cạnh đó tăng cường thêm các lớp bồi dưỡng ngắn hạn (do những chuyên gia giỏi trong và ngoài nước, giảng dạy có chất lượng) cho đội ngũ hiện đang làm nghiên cứu, phê bình văn học nghệ thuật.

Thứ tư, các tổ chức có thẩm quyền quản lý văn hóa văn nghệ (Hội Nhà văn Việt Nam, Hội đồng Lý luận phê bình Văn học nghệ thuật TW, các Hội Văn học nghệ thuật ở các tỉnh, thành phố) cần đổi mới cách thức tổ chức các hoạt động chuyên môn để thực sự nâng cao chất lượng, thúc đẩy sự phát triển lý luận phê bình văn học. Ví dụ: Việc tổ chức các hoạt động như hội thảo, hội nghị, mở các lớp bồi dưỡng



PGS.TS Cao Thị Hồng

Năm sinh: 1968

Quê quán: Sầm Sơn, Thanh Hóa

Trú quán: TP Thái Nguyên

Hội viên Hội VHNT tỉnh Thái Nguyên

Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam

Một số công trình, tác phẩm:

. Một chặng đường đổi mới lý luận văn học Việt Nam (1986 - 2011), (Chuyên luận), NXB Hội Nhà văn, 2011.

. Lý luận - phê bình văn học: Đổi mới & sáng tạo (Tiểu luận nghiên cứu & phê bình), NXB Hội Nhà văn, 2013.

. Lý luận - phê bình văn học: Một góc nhìn mới (Tiểu luận phê bình), NXB Hội Nhà văn, 2017.

. Những vẻ đẹp văn chương (Tiểu luận phê bình), NXB Hội Nhà văn, 2020

. Mùa bánh kiến (tập thơ), NXB Thanh niên, 2006

. Người đàn bà qua hai mùa tóc (tập thơ), NXB Hội Nhà văn, 2014

kiến thức... cần được tiến hành một cách chuyên nghiệp, bài bản để có hiệu quả thực sự và có tác động sâu, rộng đến đời sống văn học.

Tôi tin rằng nếu làm được như vậy chắc chắn chúng ta sẽ có một nền phê bình đáp ứng được kỳ vọng của công chúng tiếp nhận trong thời đại lịch sử mới của đất nước - thời kỳ hội nhập và phát triển trong xu hướng toàn cầu hóa. Song hành với quá trình đổi mới của đất nước, nền phê bình văn học Việt Nam đứng trước những vận hội mới, những thuận lợi chưa từng có, nhưng cũng có nhiều thử thách, khó khăn cần phải vượt qua trong quá trình vươn lên tầm cao mới...

Trân trọng cảm ơn chị đã chia sẻ với cả những trăn trở, những tin tưởng và hy vọng*

P.V.V

LTS: Cuộc thi Bút ký – Phóng sự năm 2021 – 2023, trên tạp chí Văn nghệ Thái Nguyên đã chính thức khép lại từ 0h00, ngày 01/5/2023. Ban Tổ chức Cuộc thi đã tập hợp bài dự thi để chuyển Ban Giám khảo thực hiện việc chấm chọn. Dự kiến lễ Tổng kết và Trao giải Cuộc thi sẽ diễn ra vào dịp 21/6/2023. Trong các số tiếp theo, VNTN sẽ tiếp tục đăng tải các bài dự thi đủ điều kiện theo quy định của Ban Tổ chức.

Văng vẳng tiếng còi tàu

Bút ký: **Tiết Minh Hà**

Tiếng còi tàu làm tôi choáng tỉnh giấc. Ngước mắt nhìn đồng hồ đã 5h30 sáng, tôi hốt hoảng quờ quạng tìm cái công tắc điện, miệng lầm bầm: “Thôi chết! Nhỡ tàu rồi!”. Đèn bật sáng, tôi ngơ ngác nhìn quanh. Đã lâu rồi, kể từ ngày ga Quan Triều không còn hoạt động nữa, người dân quanh khu vực cũng không còn chờ đợi tiếng còi thay đồng hồ làm thức do thời gian. Tiếng còi nay trở về trong giấc mơ, khiến lòng tôi thao thiết gọi về những kỷ niệm thời xa xưa.

Quan Triều quê tôi nằm về phía bắc, cách thành phố Thái Nguyên 3km. Tương truyền vào thời nhà Lý (1009 – 1225) nơi đây có người làm quan trong triều đình nên được gọi là Quan Triều... Dương Tự Minh là một nhân vật tiêu biểu cho những người con anh dũng của quê hương, cuộc đời ông đã gắn liền với những chiến công hiển hách, dẹp yên giặc giã dưới 3 đời vua nhà Lý, được nhân dân tôn làm Thành Hoàng làng. Ngôi đình tọa lạc tại tổ 10 phường Quan Triều.

Cách đình không xa là ga Quan Triều. Theo các cụ cao niên kể lại: nhà ga được xây dựng đầu năm 1959 và được hoàn thành ngày 30/8/1960. Sân ga có ba tuyến đường sắt Quốc gia (sau này thêm một đường sắt nữa từ Quan Triều đến mỏ than Núi Hồng). Trong những năm tháng chống Mỹ cứu nước, tuyến đường sắt này được coi là con đường “huyết mạch” để vận chuyển hàng hóa, vật tư thiết bị từ than Hòn Gai về Quan Triều, phục vụ cho các tỉnh phía Bắc và chở khí tài quân sự, chi viện cho chiến trường miền Nam.

Nhà tôi ngay cạnh đường sắt chờ than từ ga Quan Triều vào Nhà máy Điện Cao Ngạn. Hàng ngày, vào lúc 7 giờ sáng và 3 giờ chiều, chúng tôi tụ họp ở Nhà ga. Khi tiếng còi tàu hú lên một hồi dài, con tàu xinh xắn vào ga, là mấy thằng con trai nhanh nhẹn nhảy lên toa đen nhem màu than, lấy những cái sào bằng cành cây nhỏ được chuẩn bị từ trước, nhanh tay gạt những mảnh than còn sót trên toa cho rơi xuống đường. Lũ con gái chúng tôi, mỗi đứa cầm cái sọt, chạy bộ theo hai bên đoàn tàu, nhặt những viên than rơi, chia nhau đem về đun. Vui nhất là trên đường về, mỗi đứa ôm một bọc than, vừa đi vừa ẽ a hát “Xinh xinh xinh xinh, tu tu tu tu, tàu băng nhanh băng nhanh. Tàu ơi tàu chạy suốt đất nước. Đưa chúng em ra thăm Bắc Hồ. Tàu đem niềm vui với tiếng ca, để chào Thủ đô của chúng ta...”. Nhiều hôm tàu chở than cám, chúng tôi chờ những toa tàu trống không từ nhà máy Điện ra thì nhảy lên, khoanh vùng để vét chỗ than còn sót. Vết than xong, chúng tôi ngồi trong toa chơi chuyền, chơi chắt,



thích thú để tàu chờ chúng tôi dạo qua phố vào ga rồi lại lếch thếch đi bộ từ ga về nhà... Nhìn mặt đứa nào cũng nhọc nhem, lem luốc đến là buồn cười.

Trong đám bạn hồi ấy, tôi thân nhất với cái Liên. Nhà Liên có sáu chị em, nó là con thứ ba, dưới còn ba đứa em, đứa nhỏ nhất chưa tròn một tuổi mà trong bụng mẹ nó còn một em nữa. Tôi thường chia cho chị em nó những tập giấy kraft (loại giấy giang màu nâu) mà tôi xin được trong nhà máy Giấy Hoàng Văn Thụ, nơi mẹ tôi làm, để chị em nó đóng vở. Ngoài lúc đi nhặt than, tôi hay sang nhà giúp nó trông em. Nhìn cảnh cả nhà nó quây quần bên mâm cơm dọn đầy ngô, sắn, mẹ nó chăm chút, dịu dàng, chia từng phần ăn cho chị em nó mà tôi thêm thương. Có lần mẹ Liên nói đùa với tôi: “Cháu thích em phải không? Đợi ít nữa em bé này ra đời, cô cho cháu mang về nhà nuôi nhé”. Tôi tưởng thật, mắt sáng ngời, đầu gật gật lên mấy cái rồi hình dung ra khi mình có một em bé đẹp như búp bê... Nhưng những tháng ngày êm đềm ấy đã bị bom Mỹ phá nát. Tôi phải theo mẹ đi sơ tán cùng ở xóm Đồng Xe, xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương. Buổi chiều hôm ấy, tôi

chạy sang chào cái Liên. Chúng tôi ôm nhau thút thít khóc vì nghĩ phải xa nhau mãi mãi, không còn cơ hội chia sẻ với nó cái vẹo sườn khi bé đứa em chưa đầy một tuổi. Rồi lại nức nở nghĩ đến ngày mai, ngày kia không được cùng nhau đi nhặt than, cùng cười nắc nẻ khi đứa nó nhìn đứa kia khuôn mặt lem luốc, mà cứ nghĩ mặt mình sạch hơn. Nó kéo tôi ra chào cây ổi ở góc vườn, nơi mà chúng tôi thường xuyên ngồi vắt vẻo trên chạc ba, khiến một đoạn thân cây nhẵn bóng và những quả ổi xanh, in chỉ chít vết móng tay...

Những ngày ở nơi sơ tán, tôi ngơ ngác vì thiếu tiếng còi tàu, tiếng còi thân thương gắn biết bao kỷ niệm. Tôi nhớ cái Liên, nhớ mâm cơm xúm xít và tiếng mẹ nó dịu dàng như chảy cả ruột gan. Một năm sau, tôi trở về xóm cũ mới biết tin mẹ Liên đã mất vì bom Mỹ cùng em bé chưa được sinh ra. Đứa em út chưa tròn tuổi của Liên bị bệnh sỏi cũng đi theo mẹ. Tôi đau đớn nhìn Liên thân thờ, bế chiếc áo bông cũ được quần bên

ngoài bằng cái khăn mẹ nó vẫn thường quàng mà cứ tưởng đang bế em. Trên người chị em nó, nhìn đầu cũng thấy thiếu thốn bàn tay chăm sóc. Trong ngôi nhà hoang lạnh, những vòng khói hương bay quây vào nhau từng cụm quanh di ảnh, rồi từ từ giãn ra, tan vào hư vô. Tôi ngồi xuống cạnh nó, nước mắt giàn giụa, trong khi mắt nó cạn khô, khuôn mặt trống rỗng vô cảm, hình như nỗi đau quá lớn khiến nó hóa thành đá. Thời gian là phương thuốc nhiệm màu khiến nỗi đau nào cũng chậm chậm qua đi. Chúng tôi lại bên nhau ngày hai buổi tới trường, nhẩy chân sáo trên con đường sắt quen thuộc. Và mỗi sáng, khi tiếng còi tàu cất lên, lũ trẻ chúng tôi lại réo rất gọi nhau, bắt đầu công việc quen thuộc hàng ngày... Mãi đến khi học cấp 3, chúng tôi mới mỗi đứa một nơi.

Vào những năm đầu thập niên 90, để bảo vệ môi trường, Nhà máy điện Cao Ngạn làm đường băng tải chở than, vì thế chuyến tàu ấy không còn ngày hai buổi chạy qua khu nhà tôi nữa, bỏ lại con đường sắt cổ đơn, cong vênh, bị đám cỏ chen chúc giẫm đạp. Thương sao những thanh tà vẹt bạc màu, như không chịu đựng nổi sự vô dụng của mình mà bật ra khỏi đường ray, đợi người nhặt về làm củi, để một lần được cháy hết mình rồi thôi. Nhớ sao là nhớ tiếng còi tàu thay đồng hồ báo thức, gọi chúng tôi mỗi sáng. Nhớ sao những khuôn mặt lem lức bụi than của bạn tôi... Từng kỷ niệm như thước phim quay chậm, tái hiện trong tôi một thời niên thiếu khó quên. Tôi ra khỏi nhà như người mộng du, bàn chân đưa tôi đến những nơi hồi ức vừa xuất hiện. Ngã sáu nơi này, ngày xưa được gọi là "phố bụi" bởi các xe tải vào mỏ Khánh Hòa chở than chạy qua, khiến nhà dân hai bên đường xám xịt một màu u uất. Cảnh đường sắt là cái chợ họp chiều. Mỗi lần nghe tiếng còi tàu là các



Ga Quan Triều ngày nay



bà các chị bày hàng ngay sát đường ray với vạt thu đầy hàng họ rồi tránh ra xa... Giờ nơi này là một ngã sáu thênh thang. Hai bên hè phố, người ta đang thi công công trình đô thị hóa. Chỉ vài tháng nữa thôi, nơi đây sẽ mọc lên những hàng cây cảnh, những luống hoa, tổ đẹp cho phố phường. Từ Quốc lộ 3 vào ga Quan Triều dài chưa tới một cây số, ngày xưa người yếu bóng vía không dám đi một mình buổi tối, đó là đoạn Ao Than (có cây si xanh um, luôn tỏa bóng xuống làm cả một đoạn đường đen sì). Người ta kể câu chuyện có con ma hàng đêm hiện lên, ngồi vắt vẻo trên cành si, xoa mái tóc dài chấm mặt nước ao...

Vào những ngày Chủ nhật hay ngày lễ, không phải đi làm, mẹ tôi lại tranh thủ về quê, sang bên làng Đa Sỹ mua dao, kéo và liềm mang lên Thái Nguyên bán để kiếm thêm tiền đóng gạo. Ngày ấy chưa được buôn bán tự do như bây giờ nên mỗi lần đi lấy hàng, mẹ thường cho tôi đi cùng, san sẻ hàng để tránh phòng thuế. Hôm nào chưa kịp cơm nước gì, tôi lại được mẹ mua cho chiếc bánh gai của người dân ông bị cầm diếm bán hàng rong trên tàu, ăn lót dạ. Tôi nhớ bóng mẹ đang tất tả, chạy vội vào sân ga khi tiếng còi tàu giục giã, xen lẫn tiếng rao lanh lảnh của lũ trẻ "ai nước chè xanh nóng đây... ai nước với nào..." Và hương vị bánh gai của anh Cầm như còn thoang thoảng đâu đây.

Nhà ga giờ chỉ còn tàu chở than từ Núi Hồng hoặc một tháng vài chuyến hàng như muối hoặc gạo là vẫn còn hoạt động. Còn đôi tàu chở khách do ảnh hưởng của dịch covid -19 nên hơn 3 năm nay, đã không còn chuyến nào nữa. Những con đường sắt

vẫn nằm cạnh nhau mà sao giờ im ắng thế? Tôi nghe rõ tiếng thì thầm chúng tôi chuyện với nhau, tự hào nhắc lại những tháng ngày gian khổ nhưng rất đổi hào hùng, được cống hiến hết mình cho những chuyến hàng vào miền Nam thân yêu và chứng kiến bao cảnh tiễn đưa đầy nước mắt. Và chúng hy vọng vào một ngày không xa, sân ga lại tấp nập như ngày nào, tiếng còi lại vang lên từng hồi dài kiêu hãnh.

Bước chân tôi tìm đến nhà bà Nguyễn Thị Minh Thư, sinh năm 1941, hiện cư trú tại tổ 12 phường Quan Triều, để nghe bà kể lại: "Tôi chuyển về làm nhân viên của Ga Quan Triều từ tháng 6 năm 1966. Thời kỳ máy bay Mỹ bắn phá ác liệt nhất, ga là nơi tập kết rất nhiều hàng hóa chiến lược, chúng tôi vừa làm nhân viên của Ga vừa tham gia bốc vác, vận chuyển hàng hóa. Những trận bom rải thảm bằng máy bay B52 của Mỹ vào Thái Nguyên, khiến nhiều chỗ đường ray bị bom làm đứt gãy, chúng tôi lại san lấp hố bom, khắc phục hậu quả để con tàu được lưu thông đúng giờ, đúng tuyến... Bỗng dưng bà Thư dừng kể, đôi mắt nhìn xa xăm. Bằng giọng bồi hồi, bà nói: "Tôi nhớ mãi trận bom hồi tháng 7 năm 1967, có một quả không nổ, rơi ngay đầu chòi ghi, đâm xuyên xuống đường sắt số một, con đường duy nhất vào ghi. Vì thế bao nhiêu chuyến hàng chờ về, phải dừng lại để bốc dỡ bên ngoài ghi, chờ đợi phá bom đến tháo gỡ. Sáng hôm ấy, tôi cùng mấy anh em trong tổ công binh của nhà ga đào đến trưa thì quả bom lộ diện. Nhìn đây số trên thân quả bom, anh đội trưởng nói đây là loại bom mới sản xuất năm nay, thuộc loại bom "thông minh". Cả đội lay hoay tìm mãi không thấy ngòi nổ nên về nghỉ ăn trưa. Buổi chiều hôm ấy, ông đội trưởng bảo tôi dẫn bà con gái nên xuống ga Đồng Quang làm hóa vận không cho tôi đào bom nữa. Chỉ còn lại tổ công binh 5 người làm nốt nhiệm vụ phá bom. Chờ đoàn tàu xuôi Hà Nội đi xa, vắng vắng lại một hồi còi như lời chào thì mấy anh em mới buộc dây thừng để kéo quả bom lên. Tôi vừa đi qua cột tín hiệu thì nghe thấy tiếng nổ, bèn chạy ngược về, vừa chạy vừa khóc. Thì ra vì bom mới sản xuất nên đội công binh chưa có kinh nghiệm tháo gỡ, lúc kéo lên chạm vào ngòi khiến quả bom mới phát nổ"... Tôi thấp hương lên phần mộ của năm chiến sỹ công binh ngày ấy. Họ ở năm miền quê khác nhau nhưng 56 năm qua họ đã cùng nằm nghe gió hát trên mảnh đất Quan Triều này!

Đi trên con đường chỉ chít đầu chân xưa của mình, tôi cứ nửa tỉnh nửa mơ. Nơi những "ao than", thừa ruộng và cả hố bom nham nhở ngày xưa, giờ mọc lên những ngôi nhà cao tầng, là khu chung cư sầm uất, tiếng nhạc xập xình vui tai hòa cùng tiếng trẻ em nô đùa vọng ra từ trường mầm non Quan Triều. Tôi chợt nghe đâu đây tiếng hát Liên. "Xinh xinh xinh xinh, tu tu tu tu. Tàu băng nhanh băng nhanh..." và tiếng còi tàu vang vang xen lẫn tiếng cười trong vạt của đám bạn nghèo ngày ấy.



Ngã sáu Quan Triều ngày nay, nơi gắn bó với tuổi thơ tôi

Người bản Dao

thay áo cho rừng

Phóng sự: **Phan Thái**



Đường vào xóm Đồng Đình vừa hoàn thành.



Nhà văn hóa xóm Đồng Đình vừa đưa vào sử dụng

Trở lại xóm Đồng Đình, xã Kim Phụng, huyện Định Hóa, chúng tôi không khỏi bất ngờ trước sự đổi thay nhanh chóng và vô cùng thần phục nỗ lực vươn lên làm giàu từ cây quế của bà con người Dao. Giấc mơ về một cuộc sống no ấm, sung túc trên chính mảnh đất quê hương đang dần hiện hữu.

Gian nan gánh rừng lên núi

Xóm Đồng Đình được thành lập năm 1919, trên cơ sở sáp nhập hai xóm Kim Tân 3 và Kim Tân 4. Hiện xóm có 90 hộ dân, trong đó dân tộc Dao chiếm trên 60%, còn lại là dân tộc Tày, Sán Chí, chỉ có 7 hộ là người Kinh trước đây lên khai hoang. Bà con dân tộc Dao sống quần tụ chủ yếu tại Tân Kim 4 cũ (người dân địa phương vẫn quen gọi là bản Dao). Diện tích đất của xóm Đồng Đình là 189,5 ha, phần lớn là đất đồi rừng với 130 ha, đất ruộng chỉ có 20,1 ha.

Tiếp xúc với bà con chúng tôi được biết cây quế bèn rễ ở xóm Đồng Đình từ năm 1992, đây là loại cây xóa đói giảm nghèo được hỗ trợ đưa vào trồng theo chủ trương của nhà nước. Với địa hình đồi núi có độ dốc thoải, thổ nhưỡng khí hậu phù hợp, cây quế đã thích nghi và sinh trưởng tốt tại nơi này.

Tuy nhiên thời điểm đó trên địa bàn huyện chưa có cơ sở chế biến, khâu đầu ra cho cây quế gặp nhiều khó khăn, thương lái từ tỉnh ngoài đến thu mua sản phẩm của cây quế với giá rẻ. Hiệu quả kinh tế của việc trồng quế rất thấp nên người dân chuyển sang trồng một số loại cây khác, chủ yếu là cây keo lá nhỏ

và tai tượng.

Nhìn từ góc độ kinh tế, cây keo giá trị thấp, nhưng nhanh cho thu hoạch và có nhiều doanh nghiệp thu mua. Cơ sở ương bán cây giống gần, giá lại rất rẻ. Cây keo dễ trồng, chăm bón không tốn nhiều quá công sức. Thu hoạch xong có thể dọn phát cỏ đốt và trồng tiếp đợt cây mới. Dù tiếc cây quế đã cùng mình "năm nắng mười mưa", nhưng vì sinh kế không mấy gia đình còn muốn giữ.

Ruộng trồng lúa ít, người Dao ở Đồng Đình sống nhờ cây rừng trồng là chính. Từ ngày cực chẳng đã phải ngậm ngùi chặt bỏ quế, màu xanh của rừng keo trên đồi núi nhiều năm liền là màu đặc trưng, khó trộn lẫn với màu xanh nào khác. Trồng keo cho thu nhập không cao, do đó cuộc sống của bà con người mới chỉ ở mức "đủ ăn đủ mặc", việc xây dựng nhà cửa, mua sắm các phương tiện nghe nhìn, đi lại còn hạn chế.

Có dịp trải nghiệm thực tế tại Đồng Đình mùa thu hoạch keo những năm trước đây, chúng tôi không khỏi ái ngại khi thăm bản làng. Ngày nắng nỏ, tro bụi đốt có cây bay lá tả như làn tuyết đen. Những sườn núi đã dọn và đốt ít ngày trước, nhiều người gánh cây keo con lên trồng, dáng nhỏ hao gầy đổ bóng. Con đường đất nhỏ hẹp lên lối qua những nếp nhà đơn sơ. Đường như cuộc sống nơi này trôi thật chậm. Anh bạn cùng đoàn với tôi tỏ ý tiếc nuối không kịp ghi hình ảnh "trâu đeo mỡ, chó leo thang" như ai đó ví von về một miền quê núi.

Sắc màu mới của quê hương

Năm 2015 huyện Định Hóa triển khai dự án

trồng quế trên địa bàn, có các chính sách cụ thể hỗ trợ và tìm được đầu ra cho sản phẩm. Giá bán các sản phẩm từ cây quế tăng lên. Với sự chung sức của bốn "nhà" gồm: Nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp và nhà nông, nhiều giải pháp được cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương áp dụng và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho bà con tận dụng lợi thế về nhân lực, đất đai làm giàu chính đáng. Bà con bản Dao tái trồng quế với qui mô lớn, diện tích hàng năm không ngừng được mở rộng. Cây quế đã thực sự giúp người dân nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững.

Tận mắt chứng kiến những đồi quế được trồng nối tiếp nhau thành rừng, chúng tôi hết sức vui mừng trước thành quả ban đầu của bà con. Quế trồng ở Đồng Đình thuộc loại thân thẳng, có hai loại vỏ trắng và vỏ nâu. Lá quế xanh quanh năm mọc cách có hình dạng bầu dục dài, đuôi lá nhọn... Mặt trên của lá màu xanh bóng, mặt sau có lông nhung. Hoa quế màu trắng hình tròn mọc ra từ ngọn cành hoặc nách lá. Cây ra hoa vào mùa hạ, mọc đơn từng chiếc. Khi hoa tàn kết thành quả có màu thanh thiên, quả hình tròn cứng, chín vào mùa xuân. Vỏ của quả quế chín màu nâu, bên trong có một hạt.

Cây quế được nhân giống bằng hạt. Trước khi trồng bà con làm kĩ đất, xới có ở toàn bộ khu đất cần trồng. Khoảng cách giữa các hàng trồng là 1m, giữa các cây là 1m và bón lót bằng phân rác và phân chuồng.

Trong 2 - 3 năm đầu bà con tra mố xen canh lúa nương hoặc trồng sắn để tạo độ ẩm và bóng râm cho quế non. Thu hoạch lúa xong, rơm rạ được sử dụng giữ ẩm và làm phân bón cho cây. Trồng lúa nương cũng là một hình thức hạn chế được việc làm cỏ trên diện tích đất trồng quế, vừa tăng thu nhập và giải quyết được vấn đề lương thực.

Mỗi năm cây quế cần bón phân một lần, phân chủ yếu có nhiều chất mùn và tro bếp. Vào khoảng đầu hạ, bà con moi rãnh xung quanh gốc cây và bón phân vào rãnh rồi lấp đất lại. Lúc cây cao trên 17 cm thì bón phân có nhiều lân và hữu cơ để thúc đẩy quá trình hình thành tinh dầu.

Khi cây quế được 3 - 5 năm tuổi trồng có thể chặt tỉa cây và lấy lá bán. Từ vỏ, cành, thân, lá đến quả đều bán được và có nguồn thu nhập quanh năm. Trung bình mỗi ha tỉa cành, lá được khoảng 15 tấn. Thu nhập bình quân từ tỉa cành, lá khoảng 21 triệu đồng/ha/năm.

Quế là loại cây gỗ lớn, có thể trồng hàng chục năm và khai thác trong thời gian dài. Nếu không thu hoạch hết và trồng mới, dự kiến tổng thu nhập từ năm thứ 5 đến năm thứ 17 khoảng 1 đến 1,3 tỷ đồng/ha.

Hiện nay, giá bán các loại vỏ quế tươi dao động khoảng 22 - 27 nghìn đồng/kg theo loại vỏ dày, mỏng. Lá quế tươi từ 1500 - 1600 đồng/kg, cuống của lá 1 triệu đồng/kg, lá quế khô rụng gom lại bán cho người làm hương cũng 2 nghìn đồng/kg. Cành khô, thân cây có giá từ 1 - 1,7 triệu đồng/m3 tùy theo kích thước.

So với các loại cây trồng lâu năm khác như bạch đàn, keo, mốp, cây quế đem lại lợi ích kinh tế cao hơn. Nếu cây keo trồng từ 7 đến 8 năm cho thu hoạch giá khoảng 100 nghìn đồng/cây thì cùng thời gian trồng đó quế bán được 300 nghìn - 400 nghìn đồng/cây. Từ vỏ, cành, thân, lá đến quả đều bán được và có nguồn thu nhập quanh năm.

Quế là loại cây gỗ lớn, có thể trồng hàng chục năm và khai thác trong thời gian dài. Giữ lại để thu hoạch quế lâu dài hay các gia đình có thể khai thác tỉa để quay vòng vốn tùy thuộc mỗi nhà. Nếu không thu hoạch hết và trồng mới, dự kiến tổng thu nhập từ năm thứ 5 đến năm thứ 17 khoảng 1 đến 1,3 tỷ đồng/ha.

Theo tính toán của người dân, giá bán các loại quế đều vô thấp, các cơ sở đều muốn thu mua cả cây để tách vỏ quế thành từng khoanh chế biến thương phẩm. Nếu khai thác với hình thức cuốn chiếu toàn bộ bà con có một khoản thu nhập giải quyết điều kiện nuôi các con ăn học, xây dựng nhà cửa, mua sắm trang thiết bị sinh hoạt trong gia đình. Đồng thời cũng tiện cho việc trồng, chăm sóc diện tích mới.

Ngoài nguồn vốn đầu tư của tỉnh và huyện về cây giống, phân bón cho các hộ tham gia dự án trồng quế, nhiều hộ dân cũng tự huy động vốn nhân rồi và tập trung sức mở rộng diện tích. Từ khi sáp nhập hai xóm, mô hình trồng quế trên đồi thấp xen lúa nương của bản người Dao càng có điều kiện



Lá quế khô cũng được bà con thu gom bán cho cơ sở làm hương.

để nhân rộng cho các hộ dân khác.

Anh Lý Ngọc Đình, một trong những hộ dân trồng nhiều quế của Đồng Đình dẫn chúng tôi đi thăm rừng quế của gia đình, anh chia sẻ: Gia đình anh cũng như nhiều bà con trồng quế theo dự án từ năm 1992 hết chu kì trồng vào năm 1997, do ngày đó không có một đơn vị nào trên địa bàn mua, phải bán cho tư nhân ngoài tỉnh với giá thấp, không đáp ứng được nguyện vọng của bà con, nên nhiều hộ dân thu hoạch xong không trồng mới. Từ năm 2015, được sự quan tâm của tỉnh và huyện cho các hộ tham gia dự án trồng quế, giá quế cũng đồng thời tăng lên, bà con yên tâm về tính hiệu quả và tập trung trồng quế. Hiện gia đình anh cũng đã trồng được 15,7 ha và thu hoạch cành, lá từ cắt cành của vòm cây khép tán. Anh cũng đã chặt tỉa cây mật độ dày để không bị ảnh hưởng đến sự tạo vỏ và sản lượng vỏ. Từ ngày cây quế phát triển và cho thu nhập, đời sống vật chất tinh thần của gia đình anh và bà con được cải thiện rõ rệt. Các nhóm đối công được hình thành luân phiên giúp nhau trong mọi khâu trồng, chăm sóc, thu hoạch tạo nên tình cảm gắn bó và chan chứa tình làng nghĩa xóm.

Theo chân các cán bộ kiểm lâm quản lý bảo vệ rừng, chúng tôi men theo các con đường uốn lượn dọc các triền đồi khe suối, tận mắt chứng kiến sự miệt mài cần mẫn của bà con Đồng Đình. Từ trên đỉnh đồi cao phóng tầm mắt về phía xa, bản làng người Dao hiện lên dưới nắng non bằng lăng sương núi đẹp như bức tranh thủy mặc. Chung quanh bản nơi nào cũng ngút ngàn màu xanh, nhiều nhất là màu xanh của quế.

Ông Triệu Thanh Bình, trưởng xóm Đồng Đình bậc bạch: Trồng keo sau 7 đến 8 năm 1 ha thu được 80 đến 100 triệu đồng, nhưng trồng quế sau khoảng thời gian đó thu nhập cao gấp 10 lần. Gia đình tôi có 7 ha đất rừng đều trồng quế. Người dân Đồng Đình hiểu rõ giá trị của cây quế và đều có ý thức chuyển đổi. Xóm đã trồng được 115 ha quế, 15 ha rừng còn lại đang trồng keo đến kì thu hoạch bà con sẽ chuyển sang trồng quế. Từ ngày cây quế phát triển

và cho thu nhập, các hộ dân xóm Đồng Đình đã cơ bản thoát nghèo. 97% gia đình có nhà xây và mua sắm được phương tiện đi lại, các thiết bị nghe nhìn, tiện nghi sinh hoạt cần thiết.

Được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, Chính quyền huyện Định Hóa và xã Kim Phượng, tháng 12 năm 2021 xóm đã hoàn thành xây dựng nhà văn hóa 150 chỗ ngồi cùng các công trình phụ trợ liên kề với tổng giá trị trên 500 triệu đồng, trong đó huyện hỗ trợ 200 triệu, mỗi hộ dân tự nguyện đóng góp 2 triệu đồng, số còn thiếu được một số tập thể và cá nhân ủng hộ. Tháng 11 năm 2022, con đường vào xóm dài 803m cũng đã được nâng cấp mở rộng từ 2,5m lên 5m. Ngoài hỗ trợ của nhà nước về xi măng, cát sỏi, mỗi hộ dân cũng đã góp 2,2 triệu đồng đối ứng xây dựng. Hiện nay tuyến đường dân sinh nội đồng, nội thôn vào rừng dài 1,3 km, rộng 5m theo đề án phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cũng đã được thi công... Tất cả việc làm đường bà con đều tự nguyện hiến đất, không hề mất chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng.

Tiếp chuyện chúng tôi, ông Hoàng Văn Chi, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy xã Kim Phượng cho biết: Kim Phượng đang nỗ lực về nhiều mặt để năm 2023 đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Chủ trương phát triển cây quế của lãnh đạo huyện được xã tập trung triển khai tới tất cả các xóm và thu được những kết quả tích cực. Xóm Đồng Đình có đồng đồng bào dân tộc thiểu số, phần lớn là người Dao. Nhờ phát triển cây quế, đời sống vật chất tinh thần của người dân không ngừng được cải thiện và hiện



Ông Triệu Thanh Bình kiểm tra chất lượng sinh trưởng của cây quế

là một xóm tiêu biểu nhất về mọi mặt của xã...

Rừng Đồng Đình đã thay áo mới. Nỗ lực vươn lên làm giàu từ cây quế của bà con các dân tộc đã được đền đáp. Nhiều công dụng tạo nên giá trị của cây quế đã được khẳng định. Tiềm năng phát triển cây quế ở Đồng Đình là rất lớn và đang được tập trung khai thác.

Những lô cành lá quế vừa chặt tỉa chuyển lên xe chở về nơi tiêu thụ toả mùi hương nồng nàn làm nâng cũng đường như chín thơm. Chúng tôi tin sản phẩm quế sau chế biến mang làn hương được chất lọc, kết tinh từ hương đất hương trời ATK Định Hóa, từ công sức và tình cảm của bà con người Dao ở Đồng Đình sẽ bay rất xa*

Trong mưa

VNTN- Nói đến nhiếp ảnh là nói đến khoảnh khắc và ánh sáng đẹp. Để săn tìm cái đẹp, những nghệ sĩ nhiếp ảnh thường “xách ba lô lên và đi” vào những ngày chan hòa nắng. Và dĩ nhiên chẳng ai thích chuyển đi gặp đúng ngày mưa. NSNA Trịnh Việt Hùng lại khác. Có lẽ khoảng thời gian dài anh sống và làm việc ở Phương Tây đã cho anh cái nhìn mới về mưa. Với Việt Hùng mưa hay nắng đều có những vẻ đẹp riêng, anh đã ghi lại và tôn vinh vẻ đẹp trong sự chân thực đó.

Ngồi trong nhà nhìn đường phố trong mưa Việt Hùng đã thử nghiệm chụp và có khá nhiều bức ảnh ấn tượng. Và sau mỗi chuyến đi anh đã giữ lại những khoảnh khắc thú vị của mưa bằng cảm xúc lãng mạn, đây về tươi mới qua bộ ảnh dưới đây.



Công việc lặng thầm



Xuân về trong mưa



Mưa rừng



Đến lớp



Nghiêm chỉnh chấp hành luật giao thông



Chợ ngày mưa 2



Du khách cũng trải nghiệm



Chợ ngày mưa 1

Đời sống sân khấu trong thời gian gần đây ghi nhận sự trở lại của những tác phẩm kinh điển như "Lá thư thứ 72", "Người tốt nhà số 5", "Sống mãi tuổi 17", "Điều không thể mất"... Ghi nhận chung tại các đêm diễn cho thấy, bên cạnh sự hào hứng của khán giả vẫn còn không ít những lo lắng về sự thiếu hụt kịch bản hay. Thậm chí nhiều ý kiến còn cho rằng sự hoài cổ nếu làm không khéo có thể sẽ đẩy khán giả rời xa sân khấu.

Thiếu vắng kịch bản hay

Vào những ngày cuối cùng của tháng 3, Hội Sân khấu Hà Nội đã tổ chức cuộc tọa đàm giới thiệu tác phẩm kịch bản được Hội hỗ trợ kinh phí sáng tạo tới đông đảo các tác giả, đạo diễn, nghệ sĩ, đại diện các đơn vị nghệ thuật Thủ đô. Đây là buổi gặp mặt được đánh giá cao về những nỗ lực đưa kịch bản hay đến với sân khấu của Hội nghệ sĩ Sân khấu Thủ đô, đồng thời góp phần khẳng định nguồn kinh phí hỗ trợ sáng tác, hiện đã và đang đi đúng hướng. Tuy nhiên, không có nhiều cái bắt tay giữa nhà biên kịch và đơn vị biểu diễn nghệ thuật diễn ra. Lý do, từ kịch bản đến sân khấu vẫn còn nhiều khoảng cách.

Thứ nhất, đối với kịch bản khai thác đề tài lịch sử quá mới thì độ chuẩn xác vẫn chưa được thẩm định, cách tiếp cận chưa mới do bị chi phối bởi yếu tố an toàn. Thứ hai, với kịch bản khai thác đề tài đương đại, thường chọn phản ánh trực diện, thiếu chất nhân văn, thậm chí trực diện gây phản cảm. Vì vậy, giữa nhà biên kịch và đơn vị nghệ thuật chưa tìm được tiếng nói chung. Và để hoàn thành định mức và an toàn, các đơn vị nghệ thuật chấp nhận dàn dựng lại những kịch bản cũ, thậm chí sử dụng những kịch bản đã dàn dựng cách đây hàng chục năm. Sự lựa chọn này không sai, nhưng ít nhiều làm mất đi sự mới mẻ, hấp dẫn của sân khấu. Chưa kể, trước sự cạnh tranh của nhiều loại hình nghệ thuật trong đó có hội họa, điện ảnh và âm nhạc... thì việc hoài cổ chưa hẳn là lựa chọn đúng.

Theo thống kê của Hội nghệ sĩ Sân khấu Hà Nội, trong năm 2022, Hội đã rót kinh phí đầu tư sáng tác được 17 kịch bản. Đây là số kịch bản nằm trong danh sách hỗ trợ từ năm 2021. Trong đó có 1 kịch bản tuồng, 1 kịch bản múa rối, 2 kịch bản chèo và 13 kịch bản kịch nói. Và theo Hội nghệ sĩ Sân khấu Hà Nội thì đây đều đã được thẩm định chất lượng, có nội dung đa dạng, tôn vinh những giá trị tinh hoa văn hóa truyền thống, ca ngợi các anh hùng dân tộc; phê phán những thói hư, tật xấu; phản ánh hiện thực cuộc sống, đồng thời truyền tải những thông điệp nhân văn như "Bi kịch một vị vua" (tác giả Hoàng Thanh Du), "Vụ án tình si" (tác giả Nguyễn Thị Minh Nguyệt). Về đề tài chiến tranh cách mạng, có các tác phẩm như: "Khát vọng thiên chức" (tác giả Đường Minh Giang), "Kẻ thù nguy hiểm" (tác giả Phạm Hữu Huệ); Đề tài hiện đại có kịch bản "Lầu đài lửa" (tác giả Trần Trí Trắc), "Sấm hối" (tác giả Nhật Linh)... Tuy nhiên, trong số những kịch bản trên chưa biết kịch bản nào sẽ được dàn dựng,

Hoài cổ - có phải là sự lựa chọn sáng suốt của sân khấu?

Hà An



Khán giả Thái Nguyên hào hứng đến với sân khấu Kịch để thưởng thức những tác phẩm kinh điển trong Tuần lễ nghệ thuật khai trương Nhà hát Ca múa nhạc dân gian Việt Bắc. Ảnh: QK

bởi ghi nhận chung tại hội thảo thì: những tác phẩm được giới thiệu tại hội thảo chưa có sự đồng nhất về tư duy giữa biên kịch và đơn vị biểu diễn trước cuộc sống hiện thực với cuộc sống trong sáng tạo nghệ thuật...

Theo NSND Trần Quốc Chiêm - Chủ tịch Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Hà Nội, hiện sân khấu vẫn thiếu một đội ngũ tác giả chuyên nghiệp, tác giả có bản lĩnh dũng cảm đi trước công chúng, mạnh dạn trả lời những băn khoăn của thời đại, nêu lên những tấm gương, dự báo những nguy cơ. Sân khấu hiện chưa có nhiều tác giả xông xáo vào những lĩnh vực mới nhon của đời sống hiện đại, khắc họa tính cách tiêu biểu của con người hôm nay của thời hội nhập, mở cửa, điển hình của xã hội phát triển và của nền

văn hóa phát triển.

Còn theo Phó Chủ tịch Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam Nguyễn Đăng Chương, sân khấu có ít vở diễn hay bởi vô cùng khan hiếm kịch bản hay. Đội ngũ sáng tác sân khấu hiện thiếu nhiều yếu tố để tạo nên một tác giả thành danh, đặc biệt là phương pháp, kỹ năng và thủ pháp nghệ thuật biên kịch phù hợp với nhu cầu của các nhà hát hiện nay.

Đây cũng là lý do vì sao đời sống sân khấu của Hà Nội nói riêng, cả nước nói chung bị gần mắc là nghèo nàn, thiếu lửa, thậm chí rơi vào cảnh chợ chiều khi thường xuyên phải đóng cửa, hoặc có thì cũng rất ít khán giả đến với sân khấu.

Xây dựng chiến lược đặt hàng sáng tác

Nghệ sĩ nhân dân Nguyễn Trung Hiếu, Giám đốc Nhà hát Kịch Hà Nội thừa nhận, nguồn kịch bản từ tác giả gửi đến nhà hát kịch rất lớn nhưng lại chưa phù hợp và đáp ứng được yêu cầu. Cụ thể, với kịch bản đề tài lịch sử cần có nội dung chuẩn xác, cách tiếp cận mới mẻ, đậm chất nhân văn. Còn kịch bản đề tài hiện đại, nhà hát cần tác phẩm đi trực diện vào vấn đề "nóng bỏng" của xã hội hiện đại, nhưng cách tiếp cận không được trần trụi mà phải "chấp thêm đôi cánh" của sự lãng mạn, lạc quan... Và vì vậy, không nhiều kịch bản đáp ứng được những điều kiện nói trên.

Và để có suất diễn, đảm bảo sự an toàn, nhiều đơn vị nghệ thuật trong cả nước (không loại trừ Hà Nội) chọn giải pháp dàn dựng lại những vở kịch kinh điển trong và ngoài nước, theo cách tiếp cận mới để hút khán giả. Bỏ qua những tác phẩm được đánh giá cao như phần đầu bài viết đề cập với các vở "Lá thư thứ 72", "Sống mãi tuổi 17", "Điều không thể mất", "Người tốt nhà số 5"... mà chỉ bàn đến những tác phẩm của không ít đạo diễn trẻ gần đây chạy theo "Hot trend" dựa theo mạng xã hội để xây dựng kịch bản và dàn dựng vở diễn.

Những câu thoại thông qua các câu nói quen thuộc như: "đúng nhận sai cái", "bất ngờ chưa bà già", "một con ngựa đau cả tàu bỏ chạy", "lòng xào dầu 25 ngàn,

nhiều lòng ít đưa", "anh em nương tựa", "chị em xã hội", "tình yêu với em là thứ xa xỉ, thứ em cần là tiền ti và đồ la"... đã tạo tiếng cười, thậm chí gây cơn sốt vé cho vở diễn, nhưng họ đã quên mất rằng, xu hướng này sớm muộn cũng sẽ nhanh chóng bị thay thế, bởi nghệ thuật không có chỗ cho sự cầu thả, thiếu nghiêm túc. Chưa kể, kịch mà mỗi tuyến nhân vật đều tranh nhau nói những câu "hot trend" thì còn đâu là kịch. Vở diễn phải dung hòa giữa tính giải trí với tư duy giáo dục, đưa vào kịch bản một cách hợp lý những câu nói "hot trend" để không phá hỏng tính cách, tâm lý nhân vật. Hay nói như Nghệ sĩ nhân dân Trung Hiếu, nghệ sĩ phải "chấp thêm đôi cánh" của sự lãng mạn, lạc quan... thì vở diễn mới lưu lại, sống lâu bền trong lòng công chúng.

Lấy khuynh hướng nghệ thuật của đơn vị làm cơ sở đặt hàng tác phẩm. Trong đó, chú trọng nâng cao chất lượng nội dung, nghệ thuật. Đồng thời, khi đã bắt tay dàn dựng tác phẩm cần phải được thực hiện nghiêm túc từ tất cả các thành phần sáng tạo và phải thường xuyên tổ chức các đợt thẩm định nội bộ, đóng góp ý kiến về các sản phẩm sáng tạo nhằm tạo ra động lực cho việc nâng cao chất lượng nội dung, nghệ thuật của vở diễn... là những khuyến cáo của các nhà quản lý, phê bình nghệ thuật sân khấu. Với họ, nếu làm tốt từng khâu việc cụ thể, đời sống sân khấu không lo thiếu kịch bản hay, vở diễn thiếu sáng tạo.

Tuy nhiên, làm sao để đời sống nghệ thuật sôi động theo đúng nghĩa (từ kịch bản đến tác phẩm nghệ thuật dàn dựng ra mắt công chúng) lại là bài toán chưa có lời giải. Sự quá hoài cổ của sân khấu hiện nay không hẳn đã là một lựa chọn đúng. Vì thông thường một món ăn ngon dù có được trình bày đẹp mắt thì ăn nhiều lần sẽ gây nhàm chán.



Để hoàn thành định mức và an toàn, các đơn vị nghệ thuật chấp nhận dàn dựng lại những kịch bản cũ. Cảnh trong vở "Người tốt nhà số 5" của cố tác giả Lưu Quang Vũ. Ảnh: QK

Huống hờ với sân khấu, trước sự bùng nổ của công nghệ 4.0 và những tiện ích mà nó đem lại cho cuộc sống, thì việc níu chân khán giả nơi góc chiếu sân đình, thậm chí sân khấu thực cảnh cũng là rất khó.

Trả lời cho câu hỏi, vậy làm thế nào để kéo khán giả trở lại với sân khấu, có lẽ trước hết, chính các tác giả phải trau dồi vốn sống, kiến thức, tham gia tích cực vào hiện thực đời sống để chuyển hóa vào tác phẩm; đồng thời, mạnh dạn bước vào các cuộc thi, sân chơi về kịch bản để có điều kiện cọ xát, được góp ý nâng cao chất lượng kịch bản. Cùng với đó là sự thay đổi trong công tác quản lý kiểm duyệt theo chiều sâu, trao quyền tự quyết kịch mục cho các đơn vị nghệ thuật cùng quyền phải chịu trách nhiệm với sản phẩm của mình trước các quy định của pháp luật và trước công chúng của mình.

Quay trở lại với hội thảo giới thiệu tác phẩm được nhận đầu tư sáng tác, Ban Tổ chức cho rằng sẽ tiếp tục tổ chức những cuộc tọa đàm giới thiệu kịch bản chất lượng của hội viên với mong muốn sẽ có nhiều kịch bản được các đơn vị nghệ thuật biết đến và dàn dựng; hoặc có sự gặp gỡ về ý tưởng giữa các tác giả, đạo diễn, nhà hát để tiến tới cộng tác, phát triển thành tác phẩm sân khấu. Bên cạnh đó, Hội cũng cam đoan sẽ duy trì các trại sáng tác, thực hiện hỗ trợ sáng tác, giúp tác giả nâng cao chất lượng tác phẩm, đồng thời phát huy vai trò là cầu nối đưa kịch bản của hội viên đến với các đơn vị nghệ thuật phù hợp, từ đó góp phần phát triển sân khấu Thủ đô nói riêng và sân khấu cả nước nói chung trong thời kỳ mới. Bên cạnh đó, Hội cũng khẳng định, việc chăm lo phát triển nghệ thuật sân khấu sẽ luôn được xem là việc làm thường xuyên nhằm cụ thể hóa Đề cương văn hóa trong giai đoạn hiện nay.



Đại diện Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam trao giải thưởng cho các tác giả kịch bản xuất sắc năm 2022, tháng 2-2023. Nguồn ảnh: Internet

Áp thấp mùa hè

Truyện ngắn. Nguyễn Thị Bích Nhàn



Minh họa: Gia Bấy

Cơm xong, tôi kéo chiếc võng ra giữa sân cho ba nằm. Chiều đã về xẩm mà trời vẫn nóng nực bức bối. Cái xứ sở chỉ đâu mà thời tiết khốc liệt quá tay – tôi lầm bầm. Mùa khô mới bắt đầu đã thật dữ dội. Ngày nắng rêm đầu, đêm nóng chảy mỡ. Mới ra khỏi nhà tắm mồ hôi đã đầm người. Nhà chật, quạt cũ chạy vù vù như xay lúa, quạt thì quạt, mà nóng vẫn cứ nóng. Nghe đài báo sẽ có sự chuyển đổi đột ngột của thời tiết nhưng ngó chừng miết mà chưa có tín hiệu sẽ mát. Mà ai biết sẽ thay đổi kiểu nào, thời tiết cũng như lòng người vậy, ấm lạnh khó lường, thay đổi đủ đường đủ kiểu. Song tôi tin rằng, đời này chuyện gì cũng có thể xảy ra...

Đêm đó, cựa quậy mãi rồi cũng ngủ. Không biết đã quán tính kéo chân đạp từ lúc nào nhưng đã giật mình vì tiếng gió quàn vù trên mái nhà. Hú, rít, ào ào, quạt mạnh xô đảo, những tàu dừa, lá chuối va vào nhau loạn xạ. Đêm bị đánh thức vì một trận gió ngả nghiêng. Đồng hành với gió là mưa, mưa rầm rầm chắc hạt, những viên mưa đập bồm bộp vào mái ngói. Bất ngờ không tưởng luôn. Đã sang hè, ngày nắng cháy đầu nhưng trời bỗng trở mưa, đổ gió, dữ dội còn hơn mùa đông. Vô thường hết. Thời tiết cũng hóa vô thường. Tôi

co người lại, rúc vào vách chõng. Đang ngủ nhưng anh đưa tay bỏ qua lưng vợ, xoa xoa, tôi sung sướng ngất ngư. Tôi thuộc tuýp phụ nữ dễ tính chăng? Chỉ một cái bỏ tay qua lưng lúc ngủ, tôi đã lạc quan nghĩ, giá trời sắp xuống thì cũng đã có chõng đang tay đỡ.

Thế gian này, chắc tôi là người đàn bà hạnh phúc nhất. Người đàn ông của tôi – đẹp trai, nồng ấm. Dù đang đến từng phút giây và chu đáo đến từng centimet. Tôi không thể đếm hết bao nhiêu lần mình đã khoe khoang một cách lộ liễu về “ông chồng huyền thoại” này. Lúc nào cũng vậy, cứ mở miệng là chồng vĩ đại, chồng muôn năm. Rồi dưng cái, anh biến thành một người mầu lạnh. Tình hết, nghĩa cũng chẳng còn. Tôi đã phải huyền hoặc mình, tất cả chỉ là một giấc mơ. Phải tỉnh táo, chỉ có kẻ ngốc mới đem cuộc đời mình đi đánh đổi một giấc mơ.

Mỗi tình đầu thơ mộng kết thúc bằng một đám cưới lung linh với những tấm ảnh đưa đầu lấp lánh bên con đường đầy cỏ lau bên triền núi. Tốt nghiệp Cao Đẳng kế toán, bỏ đồng theo chàng trai tay trắng về núi với giấc mộng cùng nhau xây dựng thiên đường trên sỏi đá. Người thân và bạn bè ái ngại nhưng tôi yêu chí chết. Được chết cùng anh ấy cũng cam lòng thì những nghèo khổ về vật

chất không thể là thử thách. Tôi mà đã yêu là chỉ có... tận cùng.

Ngu dại là tôi, mù quáng là tôi – cuồng chồng như một đứa dở hơi. Chồng bảo sao nghe vậy, làm gì cũng được, miễn chồng thấy vui, tôi đều chiều. Ngày thơ đến độ, có lúc thấy bứt rứt như cái lần anh bảo tôi chuyển tiền giúp một người bạn nữ sau ly hôn đang khó khăn, chỉ hỏi qua cô gái nào, chồng bảo bạn cũ, bị chồng bỏ vì bị bệnh. Tôi bức xúc lên án người chồng bạc bẽo và vui vẻ đi chuyển tiền giúp đỡ. Thật lòng mà nói, cũng có chút lưỡng lự. Nhưng kệ, những thứ đó đều vật vãnh, tiểu tiết nên bỏ qua vì tôi hướng đến đại cục: phục thù, tôi nghĩ đó là cách nhanh nhất, hiệu quả nhất để mỗi ngày được chồng một thêm yêu thương.

Nhưng cuộc sống không có nghĩa vụ chiều lòng người, cũng như đàn ông, đâu phải cứ “gái có công” thì “chồng không phụ”. Tôi toàn tâm toàn ý với chồng nhưng số phận lại căng thẳng với tôi. Kì kinh đó, không có ngày kết thúc. Tôi tái xanh và tiêu tụy như tàu lá sau mùa giông bão. Có đơn đã lên lời vào tâm hồn. Chồng bận rộn, nay đã xin được việc, từ Bí thư Đoàn thôn chuyển lên làm cán bộ văn hóa xã nên có nhiều đợt tập huấn, giao lưu, đưa đoàn thanh niên xã nhà đi thi văn nghệ, thể thao... Tôi phải tự thân mò xuống bệnh viện. Bị u xơ, bác sĩ phải cắt bỏ tử cung toàn phần, tôi hơi núng vì sợ chồng sẽ hụt hẫng. Nhưng bác sĩ nói: nếu không cắt bỏ sẽ sống chung với đau đớn, xanh xao mà chết.

Tôi đã như chiếc lá mùa thu năm ngoái còn sót lại, không phải vì mới từ viện về mà là sự bất an trong tâm hồn. Ngày vợ vào phòng mổ, chồng có mặt ở bệnh viện, chỉ ngày hôm đó, những hôm còn lại anh đều nhờ mẹ tôi vào chăm dùm. Một người trong phòng bệnh vô tình hỏi: chồng làm gì mà vợ bệnh không thấy mặt? Tôi nghe xong, cố gắng nuốt cục uất nghẹn vào lòng. Rát... Người ta quan tâm, vô tình hỏi, tôi nhay cảm, vô tình đau.

Chồng ra ngủ riêng, tôi rón rén hỏi lí do, anh nói: mới bệnh dậy nên ngủ riêng để phục hồi nguyên khí. Vợ chồng nằm chung, dương thịnh âm suy, không tốt cho em. Chưa kể đêm anh lăn qua lăn lại làm em khó ngủ, còn vụ kia, phải đợi em thật sự hồi phục rồi tính...

Chồng nói nghe có lí có tình nhưng đó không phải “cái tình” tôi mong đợi. Không chỉ ngủ riêng, để tôi “phục hồi nguyên khí”, chồng thường xuyên ra khỏi nhà, cả ngày lẫn đêm, tệ hơn, có khi hai, ba hôm mới về. Đường nhiên rồi, ngoài công tác cán bộ văn hóa xã anh còn đăng kí bán báo hiếm. Giai đoạn đầu phải tham gia tập huấn, giao lưu, học tập rồi lo tìm khách, tư vấn... Tóm lại, siêu bận rộn. Anh nói đầu tôi tin đó, như từ trước tới giờ, tôi chưa bao giờ biết nghi ngờ chồng.

Rồi một ngày, không lâu sau những ngày vợ chồng không còn ăn chung mâm ngủ chung giường, tôi vô tình thấy anh và một cô gái xinh đẹp đang ngồi cà phê Góc Phố. Đẹp, trẻ và gợi cảm. Cả ba thứ quý giá đó, cô vợ tào lá tôi đều thua đứt. Tôi chết trân, gổi mình, tay chân bủn rủn. Cảm giác thấy chồng mình nói cười bên cô gái trẻ đẹp thật là thứ cảm giác cực kì khó chịu.

Cô gái mơn mớn mà chồng đang tình tứ kia là ai? Câu hỏi xuất hiện, ngay lập tức hàng tá giả định trôi nổi trong đầu, toàn những ý nghĩ tệ hại nhất. Thế có Trời Đất, đó là lần đầu tiên tôi có ý nghĩ xấu về chồng.

Không lâu sau, tôi có giấy mời từ tòa, mời hòa giải khi tờ đơn ly hôn được đơn phương gửi. Trước tòa, chồng đưa ra hàng ngàn lý do, rất thuyết phục, chỉ có cách ly hôn sớm nhất mới mong những ngày sau của cuộc đời sẽ hết đau khổ. Có cho tiền tôi cũng không thuật lại nguyên văn những lời chẳng đáng mặt đàn ông đó. Tôi có thể tưởng tượng được nhiều thứ khủng khiếp nhất nhưng sự thay đổi này của chồng là tình huống không thể lường trước. Tôi trở tay không kịp, suy sụp toàn phần. Anh đã biến thành một người không có trái tim. Tính tôi giỏi cam chịu nhưng dễ bị tổn thương. Tôi có thể chịu đựng mọi thứ, trừ sự xúc phạm. Hết đường cứu vãn khi những lời hạ đẳng được anh trút ra ron rớt. Ok, tôi ký vào đơn - đồng tình ly hôn.

Lấy chồng xa xứ, chưa kịp sinh con đã trở thành món hàng thanh lý. Tôi thua buồn ôm đờ về mẹ. Mẹ động viên: đời còn duyên hợp hết duyên tan, đừng buồn nữa. Tôi ngoan ngoãn "dạ".

Cũng may bị chồng bỏ, tôi mới biết yêu hơn gia đình mình.

Sau bao nhiêu năm, nhà mẹ, vẫn là một căn nhà cấp bốn thấp lè tè. Anh Hai muốn bước vào nhà phải cúi đầu kéo võ trăn. Nhà xây từ năm 70, nhỏ, thấp, lợp ngói vôi, nền lát xi măng đã mục nát. Ba tôi mất sức lao động từ trẻ, mình mẹ với mấy sào ruộng cùng gánh nặng hũ ngoại chực. Hai anh em tôi tranh nhau hứa: lớn lên sẽ sửa sang ngôi nhà cho ba mẹ nhưng lời hứa cũng chỉ là lời hứa.

Anh lết không qua lớp mười hai, bỏ ngang khi thi tốt nghiệp đi học nghề.

Con trai ra nghề, lấy vợ - cũng nghề hót tóc, ba mẹ dốc hết vàng trong cái ruột tượng mua cho anh miếng đất cách nhà chừng hai cây số. Xây cái tiệm, phía sau có phòng ngủ, cái bếp, phía trước bỏ đồ nghề cho vợ chồng anh hót tóc, cạo lông mặt, lấy ráy

tai.

Chất mốt, dành dụm, sau khi hai đứa con lần lượt ra đời, con càn lớn nhà càng thêm chật. Anh Hai quyết định sửa tiệm thành nhà. Anh tính nâng lên một tầng cho có không gian sinh hoạt.

Vật liệu đã tập kết về, thợ thuyền cũng đã hợp đồng xong. Sáng hôm đó được ngày, anh thấp nhen hương, động thổ. Chưa đầy hai tiếng sau, có người ở tòa đến, đọc quyết định có lệnh dừng xây cất trái phép. Trời đất! Cả nhà tôi tá hỏa, án đầu tự dưng rớt xuống đầu. Người ta giải thích: anh chị đang xây dựng trên đất của người khác, đã có đơn tại tòa.

Gi vô duyên vậy? Đất tranh chấp là thế nào? Đất này ba tôi mua, tới bây giờ đã hơn mười năm có lẽ.

Vài ngày sau, có trái đòi xuống tòa. Tề ngựa khi biết bao năm anh Hai ở trên miếng đất nằm trong số đó của ông Nguyễn Tám - chú họ. Cả nhà xui xẻo luôn! Bằng chứng được đưa ra trước mắt. Bản đồ địa chính của chú Tám có lô đất đó. Ba tôi khẳng định không liên quan đến chú Tám, miếng đất được mua của bác Sáu. Hồi đó ba đưa năm chỉ vàng mua miếng đất. Ba kêu viết giấy tay, bác Sáu nói yên tâm, tui mặt mũi nào lại đi lật lọng với anh với cháu. Tòa nói không đủ sức thuyết phục, đó là lời nói một phía, vì ông Sáu khẳng định chưa từng bán miếng đất nào.

Mua đất không có giấy tờ, sai đã đành. Nhưng sao mua của bác Sáu lại phải tháo dỡ nhà trả đất lại cho chú Tám. Con hồ ly bán nhưng xử trả đất cho con chó. Loạn cào cào! Nhà tôi, chuyện này như một tai ương không lường trước, như thể đang giữa mùa hè bỗng có trận bão lớn.

Không buồn nữa, lỗi do ba mẹ tôi tin vào sức níu kéo của bà con, dòng tộc. Án tại hồ sơ, bị kích thích nhất là tinh thần trở mặt và điều khó khăn nhất là bắt tòa án dựa trên lời nói để tìm công lý. Tòa án cao nhất và cuối cùng sẽ là tòa án lương tâm. Tòa án nào cũng kết thúc, nhưng sự dầy vò của lương tâm thì không có hồi kết.

Gia đình anh Hai bốn người cùng tôi chui về căn nhà lợp ngói vôi của ba mẹ. Đúng là cực hình.

Nhà chật, ra vô mặt đụng mặt, lung dung lung nhưng sự ấm cúng lại tìm về. Mỗi ngày, những người trong gia đình quan tâm, chia sẻ với nhau từng miếng ăn, giấc ngủ. Hình như trong gian khó, tình thân lại có cơ hội để bung tỏa.

Đang cao điểm của mùa hè, ban ngày nắng rèm đầu, đêm nóng chảy mỡ, hai đứa cháu than nóng không ngủ được. Tối, anh Hai đem chiếu ra hè hóng gió, ba cha con lần ra ngủ.

Sáng dậy, tôi hỏi:

- Ngủ ngon không hai nhóc?

Thằng cháu nhỏ phần khởi:

- Nhà mình đã có cái hè thì lo gì nóng, hen có Ba!

Tôi trả lời: ừ, mùa hè không nóng mới là chuyện bất thường. Ráng thêm đi, nóng nực nào rồi cũng qua, đằng nào trời cũng sẽ mát. Tôi chỉ nói vậy chứ chưa hé lộ thông tin có Ba đang gom góp vay mượn để sửa lại ngôi nhà cho cao ráo, mát mẻ...*

Trở về cùng tháng Năm

Tạp bút. Cao Thơm

Tôi trở về giữa mùa t h á n g N ă m phượng đỏ, tần ngần đứng trước bạt ngàn bao la là gió. Nắng chói chang dịu dàng vương màu nhớ. Nắng rón rén đẩy bước tôi về lối nhỏ. Lũy tre làng đang kéo kệt lá hát reo. Mảnh đất quê nghèo của tôi bao năm vẫn vậy, những khớ cong xơ xác giữa trưa hè.

Tháng Năm đã rộn rã tiếng ve. Tháng Năm dịu dàng vương màu nhớ trong mắt người trở về. Bước chân tôi chạm vào thềm đất ngày xưa cùng bạn bè rong ruổi khắp đường làng ngõ xóm. Thềm đất cựa mình, tôi nghe lòng nhớ nhưng thức thém. Hai mươi năm trôi, cứ ngỡ như là mới ngày hôm qua. Kí ức tuổi thơ ngọt ngào như một món quà. Tôi bỗng thấy mình bé lại thuở đầu trần chân đất. Thuở tóc vàng hoe những buổi trưa không ngủ. Cùng lũ bạn kéo nhau đi bắt ve, tùm tùm trộm ổi, cóc xanh, xoài chua bị chủ nhà rượt chỉ chết. Mồ hôi nhễ nhại, tóc thì dính bết nhưng mặt đứa nào đứa nấy vẫn cứ cười tươi. Chúng tôi ngồi bên nhau chơi trò năm, mười, và kể chuyện tiếu lâm từ những lần học lõm chấp vạ. Tháng Năm mang chúng tôi đi về trăm ngả. Theo cánh diều mà chấp ước mơ bay cao...

Tháng Năm về tôi nhớ mùa châu chấu, cào cào. Cánh đồng lúa chín vàng lửa oặt nặng trĩu cầu. Lũ trẻ con theo người lớn khắp đồng cạn, đồng sâu. Cầm gió mây nhẹ nhàng vỗ từng chú cho vào gió. "Bữa tiệc" ngày mùa là những đĩa châu chấu rang vàng ruộm, nước thơm nghe cánh mũi phập phồng.

Mùa gặt gió về hát mênh mông. Thoảng đâu đây bầy sế đông bồi rối, nhặt nhanh những hạt thóc vãi vương. Mùa gặt về nặng lòng nhớ thương, công lao mẹ cha làm nên hạt lúa mấy tròn. Những giọt mồ hôi rơi xuống ruộng đồng thánh thót, khởi đầu từ khuôn mặt sạm đen của những vết chân chim.

Tháng Năm về tôi lặng thầm đi tìm, cánh bướm phượng trong trang lưu bút nhỏ. Tuổi học trò trăm ngàn nỗi thương, nhớ. Trường lớp, bạn bè, thầy cô kỉ niệm đã rời xa. Hai mươi năm qua, phượng hồng vẫn thắm. Hai mươi năm qua tình thầy trò sâu thẳm. Biết bao giờ thế hệ học trò mới có thể đền đáp công ơn? Tôi trở về tháng Năm để thấy mình lớn hơn. Từ cái thuở tôi còn là cậu học trò ngờ nghệch, hay làm phiền lòng, nước mắt thầy cô rơi. Từ thuở tôi là đứa kém cỏi, và bây giờ tôi đã khôn lớn trưởng thành. Về lại trường với kí ức màu xanh nhưng xót xa trước mái tóc thầy cô điểm bạc. Tôi ôm nỗi niềm gửi theo từng khúc hát. Nguyễn cầu về những điều tốt đẹp, thầy cô ơi con mãi khắc ghi ơn nhớ ở trong lòng.

Tháng Năm về cùng thì thầm với lòng đang gợn sóng, trong ngôi nhà nhỏ bữa cơm chiều hè đậm bạc. Bát canh cua nấu với ngọn mồng tơi ngọt mát. Thêm quả cà muối ăn mãi vẫn cứ thòm thềm. Sống ở phố mãi với những bon chen, giờ về quê giữa an yên tĩnh lặng, thấy lòng mình càng thêm sâu lắng. Ngắm câu nói, đi xa là để trở về...*

Ngày 12 tháng 12 năm 2019, di sản then Việt Nam chính thức được UNESCO ghi tên vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Đây là một trong những tín hiệu rất đáng mừng cho thấy nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân ta trong việc giữ gìn và phát huy di sản văn hóa trong thời kỳ hội nhập, toàn cầu hóa như hiện nay.

Đối với người Tày, Nùng, Thái, then là một phần của tâm hồn và ký ức. Tiếng tính, lời then gắn chặt với đời sống của đồng bào ngay từ khi mới lọt lòng, đưa nôi cho đến khi trưởng thành. Khi nhắm mắt xuôi tay, tiếng then lại dịu dàng đưa linh hồn con người về với tiên tổ. Nhìn lại sự hình thành và phát triển của then trong giai đoạn hiện nay ta thấy có khá nhiều những mâu thuẫn trong sự nhận diện di sản. Từ sự mâu thuẫn đó đã gây ra nhiều sự nhầm lẫn đối với di sản then.

Thứ nhất: Sự nhầm lẫn giữa then với các loại hình dân ca khác

Trong cuốn *Tìm hiểu dân ca Việt Nam*⁽¹⁾, tác giả Phạm Phúc Minh chia dân ca Việt Nam thành 04 thể loại cơ bản là dân ca lao động, dân ca phong tục tập quán, dân ca tín ngưỡng và dân ca lịch sử. Theo cách phân chia này thì dân ca Tày, Nùng, Thái cũng có đầy đủ các thể loại như trên. Trong đó, di sản then với tư cách là một loại hình dân ca thuộc nhóm dân ca tín ngưỡng. Nghĩa là môi trường diễn xướng nguyên bản của then chính là môi trường tín ngưỡng, tôn giáo. Chính vì điều này nên bản thân danh từ then⁽²⁾, những tên gọi khác của loại hình diễn xướng này như pút, vút, sliên⁽³⁾... đều là những tên gọi gọi nên sự linh thiêng. Tuy vậy, rất nhiều người bao gồm cả những nhà nghiên cứu đã có sự nhầm lẫn giữa then với các loại hình dân ca khác của người Tày, Nùng, Thái về tính chất và ngôn ngữ. Điều này gây ra những hiểu lầm không đáng có đối với những người ở ngoài vùng Tày, Nùng, Thái khi

Di sản then và những nhầm lẫn trong nhận diện

Nguyễn Văn Bách



Trình diễn tiết mục then sân khấu

tiếp cận văn hóa các tộc người này.

Một trong những sự nhầm lẫn cơ bản chính là việc đánh đồng khái niệm giữa hát then và hát lượn. Hát lượn là loại hình dân ca giao duyên phổ biến ở vùng người Tày. Tùy từng địa phương mà người Tày có những hình thức hát lượn khác nhau như lượn sliên ở vùng Lạng Sơn, lượn cọi ở Cao Bằng, Tuyên Quang, lượn yếu ở Hà Giang, Yên Bái,... Do là dân ca giao duyên, đối đáp nên môi trường hát lượn không phải tín ngưỡng mà là sinh hoạt đời thường. Theo NSUT Hoàng Thị Quỳnh Nha khi chiết tự chữ lượn theo chữ Hán chính là chữ luân 輪 (tức là bánh xe/ chuyển động). Từ cách viết này ta có thể hiểu chữ lượn trong hát lượn ám chỉ sự vận hành của câu hát từ người hát đối sang người hát đáp giống như vòng quay của chiếc bánh xe hoặc đơn thuần, lượn chính là sự chuyển động của hành động ca hát giữa những người tham gia.

Từ cách chiết tự tên gọi hát lượn đã được văn bản hóa thì ta có thể nhận định rằng lượn là một hình thức ca hát khác biệt về tính chất so với hát then. Tuy nhiên nhiều tác giả khi nghiên cứu âm nhạc dân gian Tày không căn cứ trên chiết tự mà chỉ theo phương ngôn đơn thuần nên đã đánh đồng từ lượn trong tiếng Tày với động từ ca hát trong tiếng

Việt. Bằng cách lý giải đó, họ quy chụp then cũng là một hình thức hát lượn. Cách hiểu này hoàn toàn sai so với hệ thống văn bản lượn đã được ghi lại bằng chữ Nôm Tày và vô tình biến từ lượn vốn thuộc động từ trở thành danh từ. Điều rất đáng quan tâm hơn đó là cách hiểu này sẽ làm quá trình nhận diện các hình thức dân ca Tày, Nùng, Thái nói chung và dân ca Tày nói riêng trở nên khó khăn, rối rắm. Trên thực tế, trong hệ thống dân ca dân tộc Tày có một hình thức hát lượn tên là lượn then phổ biến ở các huyện Quảng Hòa, Trùng Khánh thuộc tỉnh Cao Bằng, nhưng đây là trường hợp đồng âm khác nghĩa⁽⁴⁾.

Thứ hai: Sự nhầm lẫn giữa thực hành tín ngưỡng then (then tâm linh) và then sân khấu

Đây là một trong những sự nhầm lẫn rất phổ biến hiện nay của đa số quần chúng nhân dân khi tiếp cận với di sản then. Đa phần những người ở ngoài phạm vi của văn hóa Tày, Nùng, Thái hoặc thậm chí cả một số



Tranh cổ động: Đào Tuấn

người sinh trưởng ở vùng văn hóa này nhưng không được tiếp xúc với diễn xướng then đúng nghĩa thường cho rằng then là một dạng dân ca sinh hoạt của người Tày, Nùng, Thái. Như ta đã biết, then là một dạng thực hành tín ngưỡng dân gian của người Tày, Nùng, Thái và môi trường của nó là không gian nghi lễ chứ không phải trên sân khấu. Sau này then được cải biến, đưa lên sân khấu và trở thành một loại hình nghệ thuật biểu diễn.

Do then sân khấu có nhiều yếu tố đã được nâng cao về nghệ thuật và nội dung phù hợp với từng thời kỳ lịch sử nên được quảng bá một cách sâu rộng hơn than tâm linh. Tuy có khác nhau về tính chất, môi trường diễn xướng nhưng hai dòng then này vẫn chảy trong văn hóa Tày, Nùng, Thái và đều trở thành giá trị rất đáng trân quý. Như vậy ở đây, khâu quảng bá then của chúng ta đang gặp rất nhiều vấn đề và việc chưa chuyển tải được bộ nhận diện của then đến với công chúng là một vấn đề cơ bản. Những năm qua khi theo dõi chương trình phục vụ khán giả dịp Tết nguyên đán của đài VTC, ta đã thấy có chương trình "Văn hóa đầu xuân" trình diễn lên dòng - di sản thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ - thì nên chăng cần đưa thêm cả diễn xướng then để khán giả có thêm cái nhìn rõ ràng hơn về then.

Tuy nhiên trong mối tương quan giữa 2 hình thức then này ta không được phủ nhận vai trò của dòng then sân khấu. Sự xuất hiện của dòng then sân khấu có lẽ từ những năm 50 của thế kỷ trước. Đây là thời kỳ đất nước bước vào công cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược. Văn hóa nghệ thuật then cũng là một thứ vũ khí sắc bén trên mặt trận tư tưởng giúp toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đồng lòng nhất trí và cùng cố tinh thần vì mục tiêu chung. Những giá trị tinh túy và gần gũi nhất trong kho tàng văn hóa nghệ thuật của các vùng miền, tộc người luôn là ưu tiên số một để đưa lên sân khấu hoặc các chương trình phát thanh. Đối với vùng đồng bào Tày, Nùng, Thái, giai điệu êm đềm của hát then và tiếng đàn tính diu đặt bao đời nay đã là tiếng hát của tâm hồn, nó rất gần gũi với đồng bào hơn bất kỳ loại hình dân ca nào khác. Do vậy nên việc đưa hát then lên sân khấu để đồng nhịp với sự vận động chung của nền văn hóa - nghệ thuật cách mạng là điều hiển nhiên.

Những bài then của một thời kháng chiến hào hùng được phát từ đài phát thanh Khu Tự trị Việt Bắc như Co lừng hua bản (cây đa đầu làng), Phua bộ đội mìa dân quân (chồng bộ đội vợ dân quân), Năm qua thắng lợi về vang,... góp phần không nhỏ cho sự nghiệp vệ quốc cũng như xây dựng đời sống văn hóa - nghệ thuật xã hội chủ nghĩa. Sự xuất hiện của then sân khấu còn có một vai trò quan trọng nữa là phục vụ nhu cầu được nghe then và hát then của đồng bào Tày, Nùng, Thái một cách thường xuyên. Đó là sự



Thực hành nghi lễ then

viện động phù hợp của then đối với hoàn cảnh lịch sử. Bên cạnh đó, sự ra đời của dòng then mới còn là phương cách để then tồn tại trước những sự biến động của đời sống xã hội.

Như ta đã biết, trong một thời gian dài do sự tác động của chiến tranh, loạn lạc và sự nhìn nhận không đúng đắn nên thực hành then gần như đã bị đứt gãy. Sự đứt gãy thể hiện ở việc các nghệ nhân bỏ nghề, không tìm được truyền nhân và các nghi lễ gắn với thực hành then trong gia đình, làng bản bị gián đoạn. Ngày nay, rất nhiều khu vực trước đây vốn là "thánh địa" của then mà giờ không còn nghệ nhân hoặc nghệ nhân rất ít như các tỉnh Thái Nguyên, Cao Bằng, Hà Giang,... Do vậy sự xuất hiện của then mới góp phần không nhỏ trong việc bảo tồn di sản thực hành then tín ngưỡng.

Vai trò tương hỗ của then mới đối với thực hành then tâm linh là việc giúp hình thức then này không bị lãng quên trong cộng đồng và là tiền đề cơ sở để khôi phục vốn di sản văn hóa quý báu. Trên thực tế, đã có rất nhiều nghệ nhân thực hành nghi lễ then tâm linh có xuất phát điểm ban đầu là các hạt nhân phong trào hát then văn nghệ địa phương như NNUT Nguyễn Văn Thọ, nghệ nhân Bế Trung Kiên, nghệ nhân Chu Văn Minh (Lạng Sơn), NNND Nguyễn Đăng Lưu (Bắc Kạn),... Ngoài ra để nâng cao tay nghề, các nghệ nhân thực hành then vẫn tìm đến học thêm cách hát then và cách đánh đàn tính tại các CLB then ở địa phương. Điều này thể hiện mối quan hệ khăng khít không thể tách rời giữa thực hành then tâm linh với then sân khấu.

Thứ ba: Sự mai một trong ngôn ngữ khi nhận diện then

Hiện nay chúng ta vẫn thường dùng từ then để chỉ tất cả những giá trị bao hàm trong loại hình diễn xướng này như hát then,... mà then, đàn then, nghi lễ then, ông then, bà then,... Cách gọi này tuy không sai vì ở một số tỉnh như Hà Giang, Tuyên Quang và một phần Thái Nguyên sử dụng danh từ then nhưng vô tình lại làm mất đi tính đa dạng của ngôn ngữ Tày, Nùng, Thái. Ở vùng tam giác Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn, những người thực hành then là nữ giới được gọi là pút/ vút/ phjut/ ón, những người nam

giới được gọi là chàng/ giàng. Danh từ chung này thường được đặt trước tên của nghệ nhân. Ví dụ bà then tên là A thì sẽ được gọi là Pút A, ông then tên B sẽ được gọi là Giàng B. Dòng then Nùng thường kết hợp chữ Pút hoặc Chàng với họ của nghệ nhân. Ví dụ như nghệ nhân Mông Thị S thường được gọi là Pút Mùng (Mùng nghĩa là họ Mông trong tiếng Nùng). Cá biệt ở vùng Bắc Sơn (tỉnh Lạng Sơn), cả nam và nữ tham gia nghề làm then đều được gọi chung là Vút. Trong đó, từ Pút được dùng phổ biến hơn cả, khi tổ chức cuộc lễ then đồng bào gọi là hát pút, đại lễ lấu then được gọi là lấu pút,... Do không nắm được điều này nên những cách gọi như Pút A, Giàng B (cách gọi tên các thầy then theo đúng dân gian) ngày nay đã bị thay thế thành Then A, Then B,... Tất nhiên để định hình một loại hình di sản ta cần phải tìm ra điểm chung có tính phổ biến nhưng vẫn cần nhìn nhận và giới thiệu một cách đầy đủ để có thể thấy được sự đa dạng tồn tại trong di sản đó. Đây là điều cần thiết vì nếu không quan tâm tuyên truyền để thay đổi sự nhận thức thì ngôn ngữ trong then sẽ mất đi sự đa dạng và ngày càng thu hẹp lại.

Con đường hình thành, phát triển cũng như biến đổi của di sản luôn luôn gắn liền với từng chặng đường lịch sử cụ thể. Di sản then của các tộc người Tày, Nùng, Thái cũng không nằm ngoài quy luật ấy. Tuy nhiên do nhiều thiếu sót cả chủ quan và khách quan trong quá trình quảng bá then nên tạo nên những hiểu lầm đối với loại hình di sản này. Điều đó đặt ra rất nhiều câu hỏi cho công tác quản lý văn hóa, nghệ thuật và di sản. Câu hỏi lớn nhất đó là làm sao cho việc nhận diện di sản then thực sự đúng đắn và chuẩn xác. Từ sự nhận diện một cách tích cực này sẽ làm cho di sản được bảo tồn một cách hữu hiệu và tránh được những biến đổi tiêu cực*

.....
(1) Phạm Phúc Minh (1993), *Tìm hiểu Dân ca Việt Nam*, Nxb Âm nhạc, Hà Nội.

(2) Then là biến âm của từ thiên, nghĩa là trời.

(3) Pút, vút nghĩa là Phạt; siêng nghĩa là thần tiên

(4) Đinh Phương Lan (2017), "Lượn then trong đời sống người Tày ở vùng miền Đông tỉnh Cao Bằng", luận văn tốt nghiệp Cao học ngành Văn hoá học, Đại học văn hoá Hà Nội.

Đình Giã Thù và chùa Di -

Công trình văn hóa đặc sắc thời nhà Nguyễn

Nguyễn Đình Hưng

Tại tổ dân phố Giã Thù, phường Tiên Phong, thành phố Phố Yên (Thái Nguyên) còn gìn giữ được quần thể di tích đình Giã Thù và chùa Di có niên đại cuối triều Lê đầu triều Nguyễn. Khu di tích cổ kính này đã được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh. Đi từ thành phố Thái Nguyên xuôi theo Quốc lộ 3 theo hướng từ Thái Nguyên về Hà Nội khoảng 30km đến phường Ba Hàng, rẽ trái đi 10km đến UBND phường Tiên Phong, rồi đi khoảng 2km là đến khu di tích.

Đình Giã Thù và chùa Di đều thờ Dương Tự Minh còn gọi là Đức Thánh Đuổm hoặc Cao Sơn Quý Minh. Nhân dân tổ dân phố Giã Thù cũng như nhân dân từ thượng Du Đuổm đến hạ Lục Đầu giang đều có lập đình, đền, miếu thờ ông để ghi nhớ những cống hiến lớn lao của ông trong sự nghiệp bảo vệ đất nước, đồng thời coi ông là thành hoàng bảo vệ dân làng. Việc này minh chứng cho truyền thống văn hóa “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc Việt Nam.

Đình Giã Thù được xây dựng trên một quả đồi, mặt ngoài hướng Tây, phía trước là cánh đồng Di. Đình có diện tích khoảng 80 m², thiết kế hình chuỗi vồ, mái lợp ngói mũi, với đầu đao vút cong. Trên đường bờ nóc đắp hình “lưỡng long châu nguyệt”, hai bên mảnh tường phía trước đình trang trí bức bích họa “bạch mã”. Đặc biệt phần tường “bít đốc” hậu cung đình còn lưu giữ được mảnh đắp nổi hình tượng hổ phù (con vật linh thiêng) dữ tợn, uy nghiêm - một nét đặc trưng phong cách mỹ thuật thời Nguyễn. Sân đình làm bằng vữa xi măng có bờ bao, hai bên sân dựng 2 gian nhà tào xá dùng làm nơi khánh tiết trong các ngày lễ hội, phía trước mặt là ao và 2 giếng đình (tượng trưng mắt rồng) có từ lâu đời, hiện vẫn được người dân trong làng sử dụng.

Gian tiền tế dài 12m rộng 6m, chính giữa là một nhang án khá đồ sộ, mặt trước của nhang án chạm khắc đề tài dân gian truyền thống: kỳ lân hạ đồ, lưỡng long tranh châu, rùa đội cuốn thư, cá chép hóa rồng... Mỗi bức chạm đều có nét đẹp riêng, được đặt trong những ô vuông



Đình Giã Thù

nhỏ, trang trí diềm hoa thanh thoát. Trên nhang án đặt bát hương cổ màu da lươn, quai trạm trổ rồng cùng các cổ dài đựng đồ lễ... đôi long đặt tương xứng hai bên, dưới nhang án có giá trị đặt bộ bát bửu (gồm kiếm, long đao...).

Trong hậu cung có bộ vì kèo lồi “con chông kẻ đón”. Đây là nơi thờ chính với thượng cung cao khoảng 1,8m, trên bày một phủ kiệu chạm khắc rồng phượng, sơn son thếp vàng, 1 bình hương gốm cổ chạm khắc rồng, hộp đựng sắc phong. Bên cạnh đó là một cây quán tẩy là hình đầu phượng, phía dưới có chạm tứ linh, tứ quý, một lá sen để đựng nước “tẩy uế”. Toàn bộ cây quán tẩy còn lành lặn, sơn son thếp vàng, hình tượng dây hoa và linh vật liên kết hài hòa, uyển chuyển, thể hiện trình độ tài hoa của nghệ nhân xưa. Ngoài những hiện vật tiêu biểu trên, hậu cung đình còn nhiều đồ thờ khác.

Chùa Di được xây dựng trên một gò đất “khum khum gọng vó” của cánh đồng Di sát bờ đê Hà Châu. Chùa quay hướng Tây (theo quan niệm truyền thống là hướng Tây Trắc - đất

Phật). Chùa có một gian Tiền đường khánh thành năm 2003 dài 12 m, rộng 6,5m, xây trên nền móng cũ. Trước đây là nhà Tiền đường to, rộng với cột lim và phiến đá kê chân cột hoành tráng, nhưng năm 1947 đã phá đi không cho Pháp lợi dụng để tấn công cướp phá.

Mái chùa lợp ngói mũi, với các đầu đao vút cong như cánh diều thanh thoát, trên bờ nóc đắp nổi “lưỡng long châu nguyệt”, kết cấu vì kèo mái theo kiểu “con chông đòn kè”, phía trước mái hiện đắp nổi 3 chữ “Cổ Di tự”. Sân chùa có diện tích khoảng 60 m², đặt một cây hương sát bờ bao sân. Trước cửa vào thượng điện có hai câu đối cổ ghi: “Từ môn hoàng độ khởi tam giới/ Phật đạo quảng thù thanh vạn duyên” (có nghĩa: Cửa chùa này lòng sâu xa được mở ra từ cõi tam giới/ Phật đạo quảng đại, rộng lớn cũng vô cùng thiện duyên).

Thượng điện là nơi thờ chính đặt



Sắc phong cho thờ Dương Tự Minh, niên đại Thiệu Trị thứ 6 (1846) tại đình Giã Thù.



Kiểu Bát cống (thế kỷ XIX) tại đình Giã Thù

tượng pháp, có 3 gian, bộ vì kèo thế thức đơn giản. Toàn bộ khung nhà dồn trọng lực lên trên hai hàng cột đá cao trên 2 m, đường kính 30 cm (gồm 8 chiếc còn khá nguyên vẹn, có khắc ghi tên tuổi người cung tiến). Phật điện bài trí 11 tượng pháp, đặt ở vị trí cao nhất là bộ tượng Tam thế, rồi đến Thích ca, Bồ Tát và tượng Ngọc Hoàng cùng một số đồ thờ khác.... Hai bên Phật điện chùa đặt một tấm bia cổ hai mặt, có tên: "Trí hậu thiên bi" (Bia ghi nhớ đặt hậu) niên đại Minh Mệnh thứ 3 (1823) ghi tên tuổi của người hảo tâm đóng góp tiền của cho chùa được bầu làm hậu Phật. Bên phải nhà chùa dựng một nếp nhà nhỏ - Hậu đường làm nơi thờ Mẫu, trên ban thờ cao 90cm có đặt tượng Mẫu Thượng Thiên chầu lựa tía, hai bên là tượng công đồng nhỏ. Với diện tích 12 m² nhà tảo xá phần nào hơi hẹp để làm nơi chuẩn bị lễ, cơm chay cho phật tử, con nhang khi vào chùa. Tuy quy mô không lớn, thiếu các hạng mục như: Tam quan, tòa thiếu hương, nhà hành lang... Nhưng với khuôn viên gọn gàng, xung quanh là đồng ruộng, không gian thoáng đãng đúng là chốn tu tiên. Đặc biệt chùa còn lưu giữ một số hiện vật có văn tự cổ, đó là: 8 cột đá, trong đó 1 cột ghi khá rõ họ tên người công đức và niên đại ngày rằm tháng 10 năm Bính Thân (1776) soạn văn dựng cột đá vào thế kỷ XVIII.

Đình Giã Thù thờ danh tướng Dương Tự Minh, một danh nhân lịch sử dưới thời nhà Lý đã có công đánh đuổi giặc giã phương Bắc, bảo vệ vùng biên cương phía Bắc của Tổ quốc Đại Việt. Đình Giã Thù là di tích lịch sử, văn hóa tín ngưỡng gắn với tục thờ thành hoàng làng của người Việt, là trung tâm sinh hoạt văn hóa tinh thần, một trung tâm lễ hội của dân làng Giã Thù và xã Tiên Phong nói riêng, thành phố Phố Yên nói chung.

Điểm nổi bật nhất của Khu di tích

Đình Giã Thù, chùa Di là kiến trúc nghệ thuật thời Nguyễn. Vào thời gian này nhân dân đã công đức tu bổ lớn. Đình được đại tu phần kiến trúc. Dấu vết kiến trúc đó thể hiện ở trên di tích là hình dáng kiến trúc ngôi đình, các đầu đao, lá mái, lưỡng long chầu nguyệt, đầu đốc hậu cung đình còn trang trí mặt hồ phù rõ sắc nét, đây là đặc trưng của phong cách kiến trúc thời nhà Nguyễn. Trong đình còn có các Sắc phong mang niên đại thời nhà Nguyễn như 3 sắc phong thời Thiệu Trị năm thứ 6 (1846) phong cho làng thờ Dương Tự Minh và Diên Bình Công chúa. Đây là mốc mang tính dấu ấn về sự kiện của di tích không thể bỏ qua. Tại chùa Di còn được nhân dân công đức tu bổ chùa cả phần hệ thống kiến trúc, tượng Phật sau đó có lập bia đá ghi lại bia mang tên Mãi Hậu thiên bi (Bia bán hậu Phật) niên đại Minh Mạng thứ 2 (1823).

Cụm di tích Đình Giã Thù và Chùa Di là nơi

thờ các vị thần có công với quê hương đất nước, nơi thờ Phật, thờ Mẫu theo truyền thống dân gian là công trình văn hóa tiêu biểu của nhân dân địa phương, là hình ảnh, là nét đặc trưng của làng quê Việt Nam. Các di tích này mang đậm nét dấu ấn của kiến trúc thời nhà Nguyễn, mang dấu ấn dưới thời vua Minh Mạng (1820 - 1840) trị vì, niên đại di tích nằm trong khung thời gian trấn Thái Nguyên được đổi thành tỉnh Thái Nguyên.

Đình Giã Thù cùng với chùa Di tạo thành một quần thể di tích lịch sử văn hóa, là một trong những công trình văn hóa tín ngưỡng còn lại nguyên vẹn không nhiều ở tỉnh Thái Nguyên. Chính vì những giá trị và ý nghĩa đó, Đình Giã Thù và chùa Di đã được UBND tỉnh Thái Nguyên xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh để gìn giữ, bảo tồn và phát huy giá trị trong đời sống nhân dân hiện nay.



Chính diện di tích Chùa Di

Văn học dân tộc thiểu số trong chương trình sách giáo khoa lớp 6 hiện nay

Cao Thị Hào

1. Nền văn học Việt Nam là nền văn học đa dân tộc, ngoài dân tộc Kinh, chúng ta còn có 53 dân tộc thiểu số. Mỗi dân tộc thiểu số đều có những nét văn hóa và bản sắc riêng. Sự phong phú và đa dạng của văn hóa các dân tộc thiểu số được thể hiện sinh động một phần qua các sáng tác văn học.

Chính vì vậy, ngoài văn học người Kinh, văn học các dân tộc thiểu số cũng góp một phần quan trọng tạo nên bản hợp ca nhiều thanh âm của văn học Việt Nam. Đặc biệt, văn học thiểu nhi dân tộc thiểu số Việt Nam là “một mảng khá quan trọng góp phần làm nên thành tựu tiêu biểu của văn học dân tộc thiểu số Việt Nam. Mảng văn học này đã khẳng định được những giá trị nhiều mặt và có ý nghĩa thiết thực trong việc phục vụ mục đích giáo dục toàn diện đối với trẻ em, đặc biệt là trẻ em dân tộc thiểu số”⁽¹⁾.

Văn học dân tộc thiểu số viết cho trẻ em đã phản ánh đời sống tâm hồn của trẻ em miền núi với những ước mơ, khát vọng hoài bão đẹp đẽ.

Đó là thế giới thiên nhiên sinh động trong mắt trẻ thơ, là những tấm gương thiếu nhi vượt khó vươn lên trong thiếu thốn hay dũng cảm đấu tranh chống lại kẻ thù, chống lại cái ác, cái xấu để bảo vệ lẽ phải.

Đó còn là hiện thực về cuộc sống đầy vất vả gian truân của trẻ em miền núi trong cuộc mưu sinh, trong hành trình chinh phục những đỉnh cao của tri thức và ước mơ.

Và tất yếu ở đó cũng có cả thế giới loài vật ngộ nghĩnh, đáng yêu gần gũi và gắn bó với tuổi thơ các em nhỏ...

Với những thành tựu và đóng góp của mình, văn học thiểu nhi dân tộc thiểu số xứng đáng có một vị trí trong dòng chảy văn học thiểu nhi Việt Nam.

Trước đây mảng văn học này dường như bị lãng quên hoặc chỉ được tiếp nhận trong phạm vi hẹp có tính địa phương, vùng, miền. Hiện nay mảng văn học này có vị trí như thế nào trong đời sống văn học thiểu nhi Việt Nam và trong dòng chảy của văn học Việt Nam hiện đại? Trong phạm vi bài báo này, chúng tôi xin được nhìn từ một phương diện đó là sách giáo khoa phổ thông, cụ thể trong chương trình Ngữ văn lớp 6 (soạn theo chương trình mới, được đưa vào giảng dạy từ năm 2021).



BỘ CẢNH ĐIỀU



**BỘ KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG**



**BỘ CHÂN TRỜI
SÁNG TẠO**

Cả 3 bộ sách đều có sự xuất hiện của tác phẩm hoặc tác giả dân tộc thiểu số.
(Ảnh minh họa, nguồn ảnh: internet)

Hiện nay, văn học thiểu nhi dân tộc thiểu số cũng bước đầu được quan tâm và lựa chọn giới thiệu trong chương trình phổ thông. Trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (2018)⁽²⁾, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định rõ đối với yêu cầu lựa chọn văn bản (ngữ liệu), là: “Trong văn bản văn học, chú ý bảo đảm sự cân đối tương đối giữa các thể loại cơ bản (truyện, thơ, kí, kịch), giữa văn học trung đại và văn học hiện đại, giữa văn học dân gian và văn học viết, giữa văn học dân tộc Kinh và văn học dân tộc thiểu số, giữa văn học Việt Nam và văn học nước ngoài, giữa Đông và Tây” (tr.91).

Có thể thấy, trong quy định này, văn học dân tộc thiểu số cũng là một nguồn ngữ liệu cần được đưa vào sách giáo khoa Ngữ văn khi biên soạn theo chương trình phổ thông năm 2018. Đây có thể coi là một tiền đề quan trọng tạo nên chỗ đứng cho văn học thiểu nhi dân tộc thiểu số trong đời sống xã hội.

Việc đưa văn học dân tộc thiểu số vào sách giáo khoa phổ thông sẽ mở rộng phạm vi và đối tượng tiếp nhận đối với mảng sáng tác này. Bởi

sách giáo khoa là một kênh tiếp nhận phổ thông và có tính bắt buộc, hệ thống nên văn học dân tộc thiểu số sẽ được biết đến rộng rãi hơn trong đời sống xã hội. Đặc biệt, văn hóa và tinh hoa văn học của các dân tộc thiểu số sẽ được đồng đạo bạn đọc tiếp nhận và biết đến trong đời sống xã hội Việt Nam.

2. Thực tế, trong sách giáo khoa Ngữ văn 6 soạn theo chương trình mới (xuất bản năm 2021), cả 3 bộ sách: *Cảnh Điều*, *Kết nối tri thức với cuộc sống*, *Chân trời sáng tạo* đều sử dụng một số ngữ liệu văn học dân tộc thiểu số. Điều này cho thấy sự đúng đắn khi bám sát chương trình của các bộ sách giáo khoa mới, đồng thời cũng cho thấy vai trò và vị trí cần thiết của văn học dân tộc thiểu số trong đời sống tiếp nhận văn học ở các cấp học phổ thông hiện nay.

Ở bộ sách *Cảnh Điều*, các tác giả đã lựa chọn truyện ngắn *Chích bông ơi!* của Cao Duy Sơn để đưa vào Bài 9 (tập hai, phần

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Thực hành đọc hiểu)⁽³⁾.

Truyện đã giáo dục tình yêu thương loài vật ở trẻ em qua câu chuyện của hai cha con Ô Kình và Dế Vần. Một câu chuyện cảm động về việc cậu bé Ô Kình nhờ pa bắt cho con chim chích bông non đang bị mắc ở cành gai để chơi. Điều này làm người cha nhớ lại kỉ niệm của mình. Khi đó Dế Vần mới 8 tuổi, cùng cha lên rẫy cũng bắt được con chim chích bông con và muốn giữ để nuôi. Cậu bé rất yêu quý và nâng niu chăm sóc chim nhưng vì phải xa mẹ nên chim bông con đã chết. Chiều về nghe tiếng gọi thăm thiết của chim mẹ, Dế Vần ăn hận biết bao. Ông đã kể cho con mình câu chuyện đó và chú bé Ô Kình dù rất yêu chim chích bông nhưng đã rút ra bài học cho mình. Cậu bé quyết định thả chim bông non về với tự nhiên với lời thì thầm: "Bay đi, bay về với mẹ mày đi, mẹ mày đang đợi đấy! Chích bông ơi!". Tình yêu thương gần bó, tình cha con, bối cảnh không gian miền núi và tâm hồn trẻ thơ đã khiến truyện ngắn để lại ấn tượng sâu sắc cho bạn đọc. Một câu chuyện chân thực và cảm động, gửi gắm bài học về sự thân thiện với thiên nhiên và cách thể hiện tình yêu thương loài vật của các bạn nhỏ miền núi.

Ở bộ sách *Chân trời sáng tạo*, Bài 7, với chủ đề *Gia đình yêu thương*⁽⁴⁾, các tác giả sách giáo khoa đã lựa chọn bài thơ *Con là...* của Y Phương để đưa vào phần *Đọc mở rộng* theo thể loại.

Với thể thơ tự do, bài thơ đã thể hiện rõ tình cảm yêu thương trân trọng gia đình của người cha khi thể hiện tình yêu thương đối với con. Trong vũ trụ của tình thương, con là hạt nhân trung tâm, là nỗi buồn, niềm vui, là cuộc sống, là hạnh phúc của mẹ, cha. Bài thơ đã sử dụng những hình ảnh so sánh gần gũi, mộc mạc để thể hiện tình cảm sâu nặng mà người cha dành cho con:

*Con là nỗi buồn của cha
Dù to bằng trời
Cũng sẽ được lấp đầy*

*Con là niềm vui của cha
Dù nhỏ bằng hạt vừng
Ấn mãi không bao giờ hết*

*Con là sợi dây hạnh phúc
Mạnh hơn sợi tóc
Buộc cuộc đời cha vào với mẹ.*

Tình yêu thương và sự trân trọng gia đình là cội nguồn để tạo nên sự kết nối trong cuộc sống này. Đó là thông điệp giản dị nhưng đầy ý nghĩa sâu sắc mà nhà thơ Tây Y Phương đã gửi gắm cho bạn đọc nhỏ tuổi.

Trong sách *Ngữ văn 6* bộ *Kết nối tri thức* với cuộc sống lại giới thiệu về nhà thơ Lò Ngân Sùn (trong Bài 10, tập hai, mục *Gặp gỡ tác giả*)⁽⁵⁾.

Chân dung cùng nét đặc trưng riêng của

Lò Ngân Sùn - người con của núi đã được giới thiệu cụ thể và sinh động. Qua bài viết, tác giả Minh Khoa đã lí giải tại sao Lò Ngân Sùn lại được gọi là "người con của núi". Những yếu tố về quê hương, bản quán, đặc biệt là tình yêu tha thiết với núi rừng đã làm nên một Lò Ngân Sùn rất riêng: "Không có tình yêu tha thiết với núi rừng, với quê hương, với "chồi non cỏ biếc", với "đầu sông đầu suối", với những "bậc thang mây",... chắc hẳn không thể có nhà thơ Lò Ngân Sùn với những câu thơ "vạm vỡ" mà âm vang như "con suối thác đổ", khiến trái tim bao độc giả phải bồi hồi". Từ bài viết này, tác giả đã gợi dẫn cho các em hình dung về mạch nguồn tạo nên phong cách thơ Lò Ngân Sùn - một nhà thơ tiêu biểu của dân tộc Giáy ở Bát Xát, Lào Cai.

Lò Ngân Sùn cũng là một tác giả dân tộc thiểu số có nhiều sáng tác cho thiếu nhi. Chúng ta có thể kể đến các tập thơ Lò Ngân Sùn viết cho thiếu nhi như: *Suối Pí Lè, Cái bát lửa trời...*

Trong thơ Lò Ngân Sùn, thiên nhiên vùng Tây Bắc hiện lên thật độc đáo. Ở tập thơ *Suối Pí Lè*, tác giả đã giới thiệu những nét đẹp của thiên nhiên miền núi qua các hình ảnh sinh động trong: *Mừng xuân, mừng tết, Rừng ơi, Núi đồi, Chợ phiên, Đánh quay, Cái Nỏ, Những con bộ hung...*

Qua việc giới thiệu về một nét đặc sắc trong phong cách thơ Lò Ngân Sùn, bạn đọc đã hiểu thêm về một nhà thơ dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc có nhiều đóng góp cho văn học dân tộc.

Như vậy, ở cả 3 bộ sách đều có sự xuất hiện của tác phẩm hoặc tác giả dân tộc thiểu số. Nếu như ở bộ sách *Cánh Diều* và *Chân trời sáng tạo*, tác phẩm được chọn hướng đến tình yêu thương gia đình, trân trọng và yêu thương loài vật, thiên nhiên thì ở bộ *Kết nối tri thức* với cuộc sống, chúng ta lại được tiếp cận với một tác giả viết nhiều cho thiếu nhi và thơ ông thấm đẫm tình yêu thiên nhiên, quê hương miền núi.

Việc góp mặt của những tác phẩm, tác giả văn học thiểu số trong chương trình sách giáo khoa phổ thông đã cho thấy sự định hướng đúng đắn của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo đến khu vực văn học này. Đây là một tín hiệu đáng mừng so với giai đoạn trước. Văn học thiểu số dân tộc thiểu số đã được mở rộng phạm vi đọc và tiếp cận. Từ đó cho thấy vị trí và vai trò của mảng văn học này trong đời sống văn học nước nhà đã được chú ý, quan tâm.

Tuy nhiên, hiện thực tiếp nhận đối với văn học thiểu số dân tộc thiểu số như trên vẫn còn khá khiêm tốn. Trên thực tế, hiện tượng trên chưa phản ánh đúng thực trạng đời sống văn học thiểu số dân tộc thiểu số nước ta. Văn học thiểu số dân tộc thiểu số Việt Nam rất phong phú, đa dạng và mang bản sắc riêng. Ở từng khu vực nó gắn liền với những tên tuổi như:

Ở khu vực phía Bắc: Vi Hồng (*Đường về với mẹ Chừ, Thách đố*), Dương Thuần (*Chia trứng công*), Dương Khâu Luông (*Gọi bò về chuồng, Bắt cá sông quê*), Đoàn Lư (*Bên dòng Quây Sơn, Lê na - Kitty cô bé siêu nhân*), Hà Lâm Kỳ (*Kỷ vật cuối cùng, Chìm ri núi*), Đoàn Ngọc Minh (*Núi Bó Phạ trở về*), Hữu Tiến (*Một cuộc đi săn*)... dân tộc Tày; Mã A Lềnh (*Thằng bé củ mài, Tầm lòng bè bạn*) dân tộc

Mông; Lò Ngân Sùn (*Suối Pí Lè, Cái bát lửa trời*) dân tộc Giáy; Hà Thị Cẩm Anh (*Thần rừng*); Kha Thị Thường dân tộc Mường...

Ở khu vực miền Trung: La Quán Miên (*Bản nhớ tuổi thơ*) dân tộc Thái; Inrasara, Trà Vigia (*Thả diều xứ nắng*) dân tộc Chăm;

Ở khu vực miền Nam - Tây Nguyên: Kim Nhất (*Kí ức rừng xanh*) dân tộc Ba Na; Hlinh Niê, Niê Thanh Mai dân tộc Ê đê...

Điều này cho thấy văn học thiểu số dân tộc thiểu số không phải là một "vùng trắng", tuy nhiên, chưa được giới thiệu rộng rãi trong đời sống. Do đó, cần có sự quan tâm nhiều hơn nữa đến khu vực này để bạn đọc nhỏ tuổi biết đến những sáng tác tiêu biểu của văn học thiểu số dân tộc thiểu số.

3. Nhìn chung, văn học thiểu số dân tộc thiểu số đã phản ánh được đời sống tâm hồn trẻ thơ miền núi khá đa dạng và phong phú. Nó có ý nghĩa giáo dục quan trọng và mang một bản sắc riêng độc đáo, hấp dẫn. Tuy ở một số tác phẩm, chất lượng nghệ thuật vẫn là vấn đề còn phải bàn luận, nhưng giá trị và đóng góp của văn học thiểu số dân tộc thiểu số trong đời sống văn học nước nhà là một điều cần được khẳng định.

Cùng với sự nghiên cứu, giới thiệu của các nhà nghiên cứu và những chủ trương, chính sách của Nhà nước và Bộ Giáo dục và Đào tạo, văn học thiểu số dân tộc thiểu số dần dà đã có sự góp mặt trong đời sống xã hội, trong chương trình giáo dục phổ thông. Đây là sự thay đổi rất đáng trân trọng trong sự tiếp nhận văn học dân tộc thiểu số nói chung và văn học thiểu số dân tộc thiểu số nói riêng trong đời sống hiện nay.

Hi vọng rằng, cùng với sự mở rộng tiếp nhận này, văn học thiểu số dân tộc thiểu số sẽ ngày càng được tiếp cận rộng rãi hơn để trở thành món ăn tinh thần phổ biến trong phạm vi đọc của trẻ em, nhất là trẻ em dân tộc thiểu số. Rất cần có những công trình nghiên cứu chuyên sâu, những tác phẩm văn học thiểu số dân tộc thiểu số chọn lọc ra mắt để giới thiệu, định hướng cho bạn đọc nhỏ tuổi về một vùng văn học giàu bản sắc văn hoá. Từ đó, khẳng định những đóng góp của các tác giả văn học dân tộc thiểu số viết cho thiếu nhi vào dòng chảy chung của văn học hiện đại nước nhà; góp phần định vị văn học thiểu số dân tộc thiểu số trên bản đồ văn học thiểu số Việt Nam.

(1) Cao Thị Hào (chủ biên) - Đào Thuý Nguyên (tham gia), *Văn học thiểu số dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 2020.

(2) Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (2018), Hà Nội, 2018.

(3) Nguyễn Minh Thuyết (Tch) - Đỗ Ngọc Thống (Cb) và các cộng sự, *Ngữ văn 6*, tập hai, Nxb Giáo dục, 2021.

(4) Nguyễn Thị Hồng Nam (Cb) và các cộng sự, *Ngữ văn 6*, tập hai, Nxb Giáo dục, 2021.

(5) Bùi Mạnh Hùng (Tch) - Nguyễn Thị Ngân Hoa (Cb) và các cộng sự, *Ngữ văn 6*, tập hai, Nxb Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh, 2021.

Văn học là một hình thái nghệ thuật, cũng là một hiện tượng văn hóa. Những nghiên cứu - phê bình văn học đang dần dịch chuyển từ bình diện ngành sang liên ngành, để mở rộng các khả năng diễn giải với tinh thần tác phẩm không chỉ là dữ kiện mỹ học mà còn là các dữ kiện văn hóa - xã hội - lịch sử... Người ta cũng đã từng bàn đến con đường này như là một hướng mở, nhằm hóa giải tính tự trị của văn chương vốn đã ngự trị nhiều năm trong khoa nghiên cứu văn học.

Thật dễ dàng để nói rằng văn học là một thành tố của văn hóa. Tuy nhiên, để có được cái nhìn văn hóa về văn học, mà cụ thể hơn là nhìn vào một tác phẩm, một trào lưu, khuynh hướng, giai đoạn văn học, sẽ cần trang bị nhiều kiến thức, công cụ, thao tác tư duy. Những câu hỏi bao quát được đặt ra ở đây là: Mối quan hệ của văn học với văn hóa? Có thể đọc văn học từ góc nhìn văn hóa như thế nào - trên những bình diện nào? Sẽ cần những gì để tiếp cận văn học từ văn hóa?

Trước hết, văn học và văn hóa có mối quan hệ biện chứng, xuyên thấu vào nhau. Trong đó, văn hóa được xem như nền tảng, cơ tầng để từ đó nảy sinh các hiện tượng văn học. Khi văn học ra đời, quá trình tạo nghĩa - ý nghĩa của nó lại quay trở lại đối thoại, điều chỉnh hay kiến tạo các bình diện văn hóa. Quan hệ biện chứng không phải là cách nói sách vở, mà ở đó, ta nhận ra những liên hệ mật thiết - qua lại giữa cái chung và cái riêng, cái toàn thể và cái bộ phận, cái điều kiện và kết quả.

Ví dụ như, khi đọc *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, ta hiểu rằng, nền tảng văn hóa Nho giáo đã kiến tạo nên thế giới quan, nhân sinh quan của ông, đồng thời chi phối lớn đến việc xây dựng bối cảnh, nhân vật, sự kiện. Dẫu có mượn cốt truyện của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc) nhưng rõ ràng văn hóa trung đại (như là quyền văn hóa chung của khu vực Đông Á và Việt Nam) với các quan niệm về mô hình con người, các quy ước đạo đức, lễ giáo, trang phục, lễ lối ứng xử, sinh hoạt đã thấm vào từng nhân vật, từng câu chữ. Không chỉ thế, thông qua ngôn ngữ, thể loại, Nguyễn Du cũng làm bật nổi lên ở cấp độ tinh hoa bản sắc văn hóa dân tộc. Từ khi ra đời, sau mấy trăm năm, *Truyện Kiều* lại trở thành một kiệt tác của Việt Nam, bồi đắp vào văn hóa - văn học - lịch sử dân tộc những giá trị to lớn mà chúng ta luôn gìn giữ, phát huy, xem đó như là một di sản từ quá khứ vẫn luôn đồng hành cùng hiện tại.

Người ta đọc *Truyện Kiều* không chỉ để biết chuyện, biết số phận nhân vật, biết tinh hoa lục bát, biết chữ Nôm đã có những thành tựu đỉnh cao; mà còn đọc ở *Truyện Kiều* câu chuyện thể thái nhân tình, văn hóa, phong tục tập quán, các phương diện trong cấu trúc xã hội thời Nguyễn Du đã sống... Chưa dừng lại ở đó, ở mỗi thời đại khác nhau, hậu thế sẽ có những cách tiếp cận - cách đọc - diễn giải khác nhau. *Truyện Kiều* trở thành một câu chuyện "Kể mãi không cùng" (Trần Đình Sử). Ngành Kiều học ra đời chính

Nghiên cứu văn học trong tính tổng thể của văn hóa

Nguyễn Thanh Tâm



Ảnh minh họa: VT

dựa trên những tầng vỉa văn hóa xã hội thấm mĩ sâu dày như thế. Không chỉ vậy, bản thân việc *Truyện Kiều* đi vào đời sống, trở thành lời ru, câu hát, chuyển thể thành phim, kịch, lối làm thơ tập Kiều, vịnh Kiều, đồ Kiều, bói Kiều... đã cho thấy sức sống bền bỉ, sự chuyển hóa mật thiết của văn học và văn hóa.

Vẫn trên tinh thần nhìn nhận mối quan hệ mật thiết của văn học và văn hóa, chúng ta nhận ra những chuyển động của xã hội Việt Nam buổi giao thời đã hiện lên từng bước rõ rệt trong sáng tác của Trương Vĩnh Ký, Hồ Biểu Chánh, Nguyễn Chánh Sắt... Tiếp sau, văn chương Tự Lực văn đoàn, Thơ mới, các sáng tác hiện thực của Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Nam Cao, Vũ Trọng Phụng, Tam Lang, Trọng Lang, Thạch Lam, Nguyễn Đình Lạp... cũng đem đến nhiều cứ liệu cho phép tái định hình một không gian văn hóa xã hội thời trước Cách mạng tháng Tám (1945) ở Việt Nam. Những biến động "Mưa Âu gió Mỹ", "Á Áu tranh hùng" đã trở thành nguồn

mạch sinh thành và nuôi dưỡng văn học. Nhưng, chẳng ai sống mãi để làm chứng nhân của lịch sử, thế nên, văn học trở thành một kho tư liệu cho việc nghiên cứu văn hóa. Đồng thời, chính văn chương trở thành chứng tích của văn hóa.

Ví như, *Số đỏ*, *Giông tố*, *Cạm bẫy người*, *Cơm thầy cơm cô*, *Kỹ nghệ lấy Tây*, *Làm đi, Lạc xi...* của Vũ Trọng Phụng. Đó quả là những chỉ dấu quan trọng để chúng ta lần lại đời sống văn hóa - xã hội Việt Nam qua cái nhìn của một con người, một nhà văn, nhà báo đã lặn ngụp đến tận cùng trong cảnh sống đương thời; để nhận ra cái rôm, cái dề, cái dâm ô truy lục cùng những mẫu hình - thân phận con người, trong vòng xoáy của thời đại. Chẳng hạn, vì sao Xuân Tóc Đỏ lại là một tên ma cà bông, thói toa thuốc lậu? *Lạc xi*, *Làm đi* dẫn chiếu về trường hợp này, khi từ đó ta biết được nạn mại dâm, bệnh lậu, bệnh giang mai, nhà thổ, đã tràn ngập Hà Nội thuở ấy như thế nào.

Đặt văn học trong tính tổng thể của văn hóa, xem xét giai đoạn văn học cách mạng 1945 - 1975, chúng ta càng nhận ra mối liên hệ mật thiết của hai thực thể này. Được kiến tạo trong bối cảnh sử thi là cuộc đối đầu giữa dân tộc Việt Nam với các thế lực xâm lược ngoại bang hùng mạnh, văn học hiện mình thành một vũ khí cùng cá nước ra trận. Từ những bài thơ của Hồ Chí Minh, Tố Hữu, Sóng Hồng, Hữu Loan, Nguyễn Đình Thi, Giang Nam, Hoàng Trung Thông, Chính Hữu, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, đến Nguyễn Khoa Điềm, Phạm Tiến Duật, Xuân Quỳnh, Lâm Thị Mỹ Dạ... hay những tác phẩm văn xuôi của Trần Dần, Phùng Quán, Nguyễn Trọng Oánh, Hữu Mai, Nguyễn Thi, Nguyễn Quang Sáng, Anh Đức, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải... đều có thể hình dung được không khí thời đại - động lực để làm nên văn hóa.

Từ hình tượng con người đến không gian, thời gian và cả thủ pháp nghệ thuật sẽ tập trung định hình một hệ giá trị, hệ mĩ học (Chu Văn Sơn gọi là "mỹ học của cái đậm") như là văn hóa - xã hội Việt Nam thời chiến. Từ lý tưởng của dân tộc đến lý tưởng của mỗi cá nhân, từ dáng hình đất nước đến tư thế của con người, từ ý chí niềm tin

đến khát vọng tự do, độc lập, tất cả cho tiền tuyến, tất cả để dựng xây và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đã đi vào văn chương một cách khỏe khoắn, sắc nét. Chiến tranh đã đi qua, nhưng thế hệ đi sau, ngoài những tư liệu lịch sử, sẽ tìm thấy trong văn chương bóng dáng, hơi thở của một giai đoạn hào hùng, bi tráng. Và như thế, văn hóa đã đọng vào văn học, ở trong văn học, sống cùng với văn học. Người ta sẽ hiểu, *Vùng mỏ* của Võ Huy Tâm, *Con trâu* của Nguyễn Văn Bổng, *Xung kích* của Nguyễn Đình Thi và nhiều tác phẩm khác đã tập trung vào những hình tượng cốt lõi như là hạt nhân của văn hóa thời đại: Công - Nông - Binh. Người ta sẽ hiểu vì sao, "Vóc nhà thơ đứng ngang tầm chiến lũy/ Bên những dòng sông con sau/ Đã thành đồng chí chung câu quân hành" (Tố Hữu)... Đó là văn hóa của cả một thời đại đã tự nhiên kết thành sự sống trong mỗi con người, mỗi tác phẩm văn chương.

Như thế, nghiên cứu văn học trong tính tổng thể của văn hóa, hay phục dựng văn hóa trên dữ liệu văn học, không chỉ là xem xét câu chữ, nhân vật, sự kiện, không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật... mà mở rộng ra là tư tưởng chủ đạo, mô hình con người, mô hình giá trị, động lực của lịch sử, cấu trúc của xã hội, các chỉ dấu mang tính biểu trưng của thời chiến đã định hình nền văn chương.

Như đã trình bày, văn hóa là sinh quyển của văn học. Nhà văn đồng thời là nhà văn hóa. Chính vì thế, không thể tách văn học ra khỏi văn hóa như một thực thể biệt lập. Điều này ngay lập tức có thể được khẳng định qua việc xem xét các tác phẩm văn học sinh thành trong các không gian văn hóa khác nhau (quốc gia, dân tộc, vùng miền, giai cấp, tôn giáo,...). Chính vì thế, diễn giải văn học từ góc độ văn hóa là trả

tác phẩm về với thổ nhưỡng của nó. Sẽ có những bình diện được tham chiếu như là chỉ dấu dẫn về môi trường này. Biểu tượng, ngôn ngữ, phong tục tập quán, tâm lý tộc người, quan niệm về giá trị, cùng những hình thức biểu đạt đặc trưng khác là điểm cần lưu ý để trả lời cho câu hỏi đã nêu ở trên. Rõ ràng, phong vị núi cao phía Bắc trong tiểu thuyết - truyện ngắn - tản văn Đỗ Bích Thủy sẽ khác với chất miệt vườn kinh rạch Nam bộ trong tác phẩm Nguyễn Ngọc Tư. Nhưng, lại cũng có thể nhận ra mã gen văn hóa khá tương đồng trong văn Nguyễn Ngọc Tư, Lý Lan (*Bừ Sơn Kỳ Hương*) khi họ có cùng một cơ tầng văn hóa.

Sẽ cần những gì để tiếp cận các bình diện văn hóa trong tác phẩm văn học? Đây là một câu hỏi lớn, đồng thời không có đáp án cuối cùng, bởi sự vận động của bản thân văn hóa - văn học (như là những cấu trúc động) và các khả năng chiếm lĩnh, diễn giải đến từ chính chủ thể (người viết, người đọc) cùng hệ thống công cụ - lý thuyết, phương pháp. Hướng nghiên cứu liên ngành đã được khởi động nhằm thúc đẩy các khả năng ấy. Bên cạnh việc xem xét thi pháp nghệ thuật, các triển vọng từ hướng nghiên cứu Nhân học văn hóa, Nữ quyền luận, Hậu thực dân, Phê bình sinh thái... cùng tri thức mới trong triết học, mỹ học hiện đại - hậu hiện đại giúp nhận diện rõ hơn khía cạnh văn hóa trong văn học. Nói cách khác, từ người sáng tác đến người đọc, cần phải có tri thức văn hóa và công cụ tư duy mới có thể thâm nhập được vào các tầng vĩa của tác phẩm.

Chẳng hạn, chúng ta có thể đọc *Cánh đồng bất tận* bằng nhiều cách khác nhau, từ góc độ thi pháp học (để thấy được cấu trúc tự sự, ngôn ngữ trần thuật, hình tượng nhân vật, giọng điệu...); từ góc độ phân tâm học (để nhận ra những ám ảnh vô thức cá nhân - cộng đồng trong hình tượng nhân vật, ngôn ngữ...); từ góc độ Nữ quyền luận (để thấy được tương quan quyền lực về giới hay sự biểu đạt và tôn vinh người phụ nữ); từ góc độ phê bình sinh thái (để thấy sự cộng sinh của tự nhiên và con người)... Các góc nhìn khác nhau, với khả năng của nó, cho ta hình dung đầy đủ hơn về văn hóa - vùng đất - con người Nam Bộ nói chung và sắc thái riêng của văn chương Nguyễn Ngọc Tư.

Nghiên cứu văn học từ văn hóa, nhận ra những bình diện văn hóa trong văn học, đó là hành trình làm cho các giá trị trở nên sống động. Tuy nhiên, đóng góp về mặt văn hóa của văn học là những đóng góp đặc thù bởi đặc trưng phản ánh nghệ thuật của nó. Có những điều xuất hiện trong văn chương nhưng không tìm thấy nguyên mẫu hoàn toàn trùng khít ngoài đời thực, trong không gian văn hóa mà nó sinh thành, thuộc về. Bởi lẽ, khi đi vào văn chương, văn hóa đã được cộng hưởng, chuyển hóa, tăng cường tính phổ quát, tính tượng trưng, tính đa nghĩa... hướng đến khả năng biểu đạt hàm súc hơn. Chính nhờ các cơ chế này mà văn học tồn tại và đóng góp trở lại được với đời sống văn hóa - xã hội - lịch sử.

Tiếng sáo...

(Tiếp theo trang 17)

...Pá thì muốn gửi cả bản vào trong này cho mẹ, thời gian thăm ít ỏi quá thôi, đồ được phép chu cấp hạn chế. Hơn nữa, em còn phải về để giúp bà phơi măng, đưa đón khách du lịch nữa. Đi xa, lo nhất là pá ở nhà đó bệnh, ông dành hết tiền tích cóp được để cho em đi lại thăm mẹ, bản thân thì gầy guộc trông thấy xót xa.

Anh Hưng vỗ lên vai Hiệu an ủi:

- Mẹ em cũng dứt từng khúc ruột từng ấy năm đấy. Bà chắc đã hiểu tiếng sáo của người thương nói gì với mình.

- Nhưng anh ơi, dần dần, em thấy nản. Kể ra, mẹ có nuôi em ngày nào đâu? Em ước gì mẹ đừng đẻ ra em. Hay tình máu mủ lâu dần sẽ nhạt hơn nước mưa trên đá? Chỉ khổ bà nội, khổ pá thôi. Người nặng tình thường chịu thiệt thòi.

- Ấy, anh thấy thế không được, em là nguồn động viên cho mẹ. Ai cũng có lỗi lầm, khác nhau là chúng ta có dũng cảm đứng lên làm lại từ đầu hay không thôi. Cần nghĩ theo hướng này, những tháng ngày đầu tranh với tình cảm của bản thân phải một mình với đứa con đang thành hình trong bụng, mẹ em bị người xấu lợi dụng nên nhẹ dạ đi vào con đường cụt. Tuổi trẻ mà, chiến thắng bản thân không dễ.

Suốt những ngày ở Sài Gòn, anh Hưng cứ mang Hiệu như đứa em trong nhà. Các anh chị trong khu tập thể thay nhau nấu cơm, đưa đón Hiệu từ trại giam về chỗ nghỉ ngơi, ra bến xe miền Đông đón xe kịp giờ khởi hành. Hiệu mến giọng Sài Gòn nhỏ nhẹ, tình người miền Tây mến khách, thật thà. Hiệu đã từng nghe nhiều người khuyên pá rằng: "Đại ơi, cái Ngăn đời này coi như bỏ. Mày đừng trông nữa càng héo vàng như cây chuối già sắp hết nhựa". Pá chỉ cười trừ, tay run run lần sờ từng lỗ sáo. Có cô đi du lịch biết được hoàn cảnh thấy thương, tình nguyện ở lại chăm sóc pá nhưng ông từ chối. Pá bảo:

- Hồn tôi gửi ở Sài Gòn rồi. Trăng cũng theo về nơi đó.

Pá thường vuốt tà áo chàm của Hiệu trước khi anh đi ra thị trấn bắt xe và dặn dò:

- Con có ngủ gầm cầu hay bờ sông Sài Gòn cũng không được theo người xấu đùa đòi hút chích nhé. Núi rừng ở bản nuôi con lớn từng này, hãy làm người lương thiện trước khi làm thằng đàn ông rộng bụng.

Hiệu biết pá định nói gì, anh cũng mong ngày được mẹ ôm vào lòng mà hít hà hương tóc cháy nắng, được nghe câu mắng yêu khi đi chơi với chúng bạn tới khuya mới mò về đầu sân làm đàn chó ngai ngủ sủa um lên ở góc chuồng bò. Các anh em ở Sài Gòn mấy lần cho anh tiền nhưng Hiệu đều từ chối, chỉ nhận tấm lòng của họ thôi đã như trời biển, cầu cảm ơn ừ ừ nghẹn ở cổ. Bác lái xe ôm nói giọng miền Nam ở cổng bến xe cũng thuộc con đường gian nan của Hiệu đến cổng trại giam, có lần anh lên xe khách quên trả mũ bảo hiểm, xe hòa vào dòng người, muốn ra hiệu cho bác tài dừng lại thì thấy ông xua tay như muốn nói: "Đề đó đi, chừng nào vô thì trả tui hoặc dãi châu nước mía cũng được". Ở Sài Gòn, Hiệu không sợ đói, sợ cô đơn, càng không sợ thất nghiệp, chỉ sợ lòng anh không kiên trì được như pá. Trăng trời về nơi người ta hi vọng có tin vui, đem theo tiếng sáo của những người còn theo chuyến xe đường dài miệt mài từ Nam ra Bắc, cất nỗi đau vào trong cơn buồn ngủ và giấc mơ chập chờn. Khi nước mắt được gió thổi khô thì tình người ở lại.

Đời người ngắn bằng con đèo, khi chân vừa mỏi thì cũng đến khoanh dốc cuối cùng. Vạt lau trắng trên triền núi trước bản Nà Hin đã sẵn sàng cho hạt rơi bông theo gió đến đậu ở miền xa đón mưa xuân này mầm. Hiệu dán giấy hồng ngoài cửa, gốc cây ăn quả trong vườn, dựng cây nêu trước sân, bên cạnh có cột treo cờ Tổ quốc. Bà nội gói bánh chưng, bánh khảo, chè lam, bóng thóc thóc xếp vào hộp xốp, để cho Hiệu đem vào Sài Gòn làm quà biếu anh Hưng và các anh chị trong hội Tây - Nùng ở Sài Gòn. Chiều nay, hai pá con sẽ bay.

Đêm ấy, bên sông Sài Gòn có tiếng sáo của người Tây rêu rít, có ba người ôm chầm lấy nhau khi đồng hồ điểm giao thừa. Sài Gòn và lòng người vụt sáng...■

H.T.H



Hoshi Shinichi (1926 - 1997) là bậc thầy của truyện khoa học viễn tưởng và là người khai phá thể loại truyện cực ngắn ở Nhật Bản. Với một ngàn tác phẩm chứng tỏ sức sáng tạo dồi dào và bền bỉ trong suốt gần năm mươi năm, Hoshi Shinichi đã trở thành tác giả hàng đầu về thể loại truyện cực ngắn Nhật Bản cho đến ngày hôm nay. Tác phẩm của Hoshi Shinichi tuy ngắn gọn mang nhiều tính chất giả tưởng nhưng chủ yếu là mượn xưa để nói nay, mượn huyền để độ chân cho chúng ta nhiều bài học thâm thúy về cuộc sống và bản chất con người. Sự thông minh và từng trải của tác giả khiến cho chúng ta nhiều lần mỉm cười suy ngẫm.

Gã dùng tay sờ và ấn ấn thử. Tầm đêm mèm mại giờ trở nên cứng ngắt làm sao. Càng thêm nghỉ ngơi, gã kiểm tra cả độ nhún phía dưới tấm nệm và cũng thấy kỳ lạ. Không hề có lực đàn hồi như mọi khi.

Gã nhìn dưới gầm giường. Bốn chân giường bằng gỗ sơn vec ni đã mất đi độ sáng bóng và bắt đầu bị bong tróc ra. Vật liệu gỗ dưới lớp sơn hiện ra khô sập. Chiếc giường này đâu đã xài mấy chục năm cơ chứ...

"Lạ quá..."

Gã lại lồm bồm rồi bật tivi lên xem. Đó là thói quen của gã mỗi buổi sáng. Tuy nhiên nút bấm tivi sáng hôm nay không có cảm giác nhạy nữa. Khi gã chuyển kênh

Khi gã thức dậy lúc nửa đêm, xung quanh đã có sự khác thường. Gã trần trọc mơ màng trên giường, cảm thấy tình trạng khác hẳn đi. Như thể sự mèm mại êm ái của chiếc giường đã biến đi đâu mất. Có lẽ vì thế mà gã bất chợt thức dậy chẳng?

Thức dậy không bao lâu sau gã muốn đi tiểu. Gã nghĩ thế rồi lần tìm nút bật chiếc đèn bàn nơi đầu giường. Đèn sáng nhưng rất hắt hiu mờ nhạt. Gã lồm bồm với giọng ngái ngủ.

"Lạ quá nhỉ. Bình thường sáng lắm mà. Nếu như cháy bóng thì đã không lên đèn rồi..."

Ánh đèn nơi nhà vệ sinh cũng y chang như vậy. Không sáng như mọi khi mà vô cùng hui hắt, như thể đang từ từ tắt đi mất vậy.

"Chắc là thị lực mình suy giảm rồi đây..."

Gã vừa dụi mắt vừa vận vòi cho nước xả bồn cầu. Bình thường thì nước chảy mạnh tràn trề thế mà giờ thì chảy lẹ lẹ yếu ớt, không nghe tiếng nước xả luôn. Kỳ lạ thật. Sao thế nhỉ?

Tuy nhiên đâu gã còn đang nửa tỉnh nửa mê nên không nghĩ gì xa hơn mà quay trở lại giường ngủ. Mặc dù gã vẫn nhận ra sự ấm êm của chiếc giường có khác biệt nhưng cơn buồn ngủ quá lớn. Trong mơ gã liên tục thấy những điều bất an kỳ lạ.

Sáng hôm sau. Chuông đồng hồ báo thức nơi đầu giường cất tiếng reo. Tuy nhiên gã mãi không thức dậy được. Không phải vì gã mệt mỏi hay vì ngủ quá say.

Lý do là vì tiếng chuông reo quá khác lạ. Không phải là tiếng reng lanh lảnh gấp gáp như thói bay cơn buồn ngủ mọi khi mà những thanh âm yếu ớt trầm buồn lặng lẽ. Như thể chiếc đồng hồ đã quá mỏi mệt rồi.

Vì thế đến khi gã thức dậy được thì bao nhiêu thời gian đã trôi qua. Gã nhìn đồng hồ rồi nghiêng đầu ngẫm nghĩ.

"Chắc hẳn mình đã lên dây cót đồng hồ rồi mà. Không lẽ nó bị hư sao? Mới mua chưa được bao lâu..."

Buổi sáng âm ỉm. Trời đầy mây âm u. Thờn tiết bên ngoài khung cửa sổ chẳng có chút trong lành. Gã tự nói với mình để lấy lại tinh thần.

"Nào, khỏe khoắn lên chứ"

Vừa gào lên để mình nghe gã vừa thử nhún nhún trên giường. Nhờ vậy gã thấy thể lực của mình không hề bị suy yếu.

Buổi hoàng hôn của thế giới

Hoshi Shinichi (Nhật Bản)

Dịch giả: Hoàng Long



Minh họa: Đào Tuấn

Thân thể mình không có gì khác thường nhưng sao lại có cảm giác kỳ lạ nhỉ. Gã bất chợt nhớ ra chuyện hồi đêm. Cái giường êm ái bấy lâu không còn lực đàn hồi nữa.

cũng cảm thấy yếu ớt như vương vường ở đâu đó. Rồi màn hình chậm chạp sáng dần lên. Như thể có u hồn lảng vảng quanh đây hay sao mà phải mất bao nhiêu thời gian

VĂN HỌC NGƯỚC NGOÀI

hình ảnh mới xuất hiện. Không, đúng ra phải nói là màn hình sáng yếu đến nỗi không biết hình ảnh có hiện ra hay không nữa.

Hình ảnh cứ mờ mờ mịt mịt chẳng có một chút sắc nét nào. Đã thế còn run run. Nghĩ rằng lớp kính phía trước tivi bị dơ, gãi dùng lòng bàn tay chùi thử. Tuy nhiên không có chút hiệu quả gì.

Loa phát thanh của tivi cũng không có chút sinh khí nào như màn hình vậy. Giọng nói như thể của một người bệnh đã quá mệt mỏi rồi, khàn và yếu ớt mãi mà không thể nghe ra.

"Này này, tivi lại đi chứ?"

Gã lấy tay đập đập vào chiếc tivi. Nếu như máy móc hư hỏng, cách đập đập này đôi khi cũng sửa chữa được. Tuy nhiên lần này không phải như thế. Vài giây sau khi đập, hình ảnh và âm thanh chợt rõ lên một khoảnh khắc rồi ngay lập tức lại nhạt mờ như thể tiêu tan hết khí lực. Cho dù chuyển kênh hay xoay nút điều chỉnh thì trạng thái đó vẫn y nguyên.

Gã đưa tay lên trán ngẫm nghĩ. Minh thì không nghĩ vậy đâu nhưng chẳng phải bắt chợt mình già đi hay sao nhỉ? Cái từ lão hóa chợt hiện ra trong đầu gã. Vì thị lực, thính giác và xúc giác bị lão hóa đi nên mình mới cảm nhận những đồ vật xung quanh như thế chứ? Cái cảm giác kinh khủng này chạy xuyên suốt qua người gã.

Cũng giống như chuyện Urashimataro khi mở chiếc hộp trang sức và ngay lập tức biến thành ông già râu tóc bạc như cước, chuyện xảy đến với mình cũng như thế chẳng? Có thể xem như hiện tượng đột nhiên lão hóa đi trong giấc ngủ vậy...

Để xua tan cái cảm giác khó chịu đeo bám này gã đến trước tấm gương nơi bồn rửa mặt nhìn thử. Mặt gương nhờ nhờ như thể mất đi gần hết lực phản xạ thì phải. Gã ghé sát mặt mình nhìn với vẻ vô cùng bất an.

Tuy nhiên khuôn mặt phản chiếu trong gương chẳng có gì khác lạ so với ngày hôm qua. Tóc đen và răng vẫn còn chắc. Minh chưa già mà. Vậy chắc chắn là do cảm giác thôi. Gã trở nên phấn chấn. Thôi cứ cạo râu cho tinh thần trở nên sáng khoái đi.

Gã bắt tay vào việc. Nhưng vẩn vơ hết cỡ mà nước cứ yếu xìu. Xà bông thì không ra bọt. Lưỡi dao mới thay hôm qua giờ đã cùn. Hộp đựng dao cạo cũng cong vênh hư hỏng. Gã cạo mãi mà vẫn không xong.

"Chuyện quái gì thế nhỉ?"

Hoảng loạn vì không rõ nguyên nhân, gã la lớn nhưng vọng âm thật yếu ớt. Sự khó chịu cảm lạnh chìm trong đồ vật xung quanh như của tuổi già xế bóng.

Nơi góc phòng, chuông điện thoại rung khe khẽ. Chiếc điện thoại đã vắt kiệt sức lực, hoàn thành nghĩa vụ của mình. Tiếng chuông reng cho gã cảm giác đó. Gã nghĩ chắc do điện yếu chẳng rồi cầm ống nghe lên.

"Alô alô..."

Gã nghe người kia xưng tên. Thì ra là người bạn thân thiết nhưng sao giọng nói cứ như của một người xa lạ khác. Gã hỏi.

"Nghe giọng anh không được khỏe đâu. Có chuyện gì thế?"

"Không đâu, giọng tôi to khỏe lắm chứ. Chính giọng của cậu mới là có vấn đề đấy. Không có chút sinh lực nào"

Nghe người bạn nói vậy, gã ngẫm nghĩ một chút rồi trả lời.

"À, nếu như vậy thì là do cái điện thoại đấy. Nó kỳ lạ lắm. Cái tivi nhà mình cũng trở nên lạ lùng..."

"Ra vậy, bên cậu cũng bị thế à? Khó chịu thật. Sau khi thức dậy sáng nay, tất cả mọi thứ xung quanh trở nên kỳ quái cả nên mình mới thử gọi điện cho cậu xem sao. Tiếng điện thoại reng cũng lạ. Cứ khó chịu thế nào. Bên cậu cũng vậy đúng không? Vậy là không phải đầu óc mình có vấn đề. Nhưng mà nếu thế thì mình lại càng không hiểu. Tại sao mọi thứ lại như vậy chứ?"

"Mình cũng có biết gì đâu..."

Gã trả lời. Cả hai đều cảm thấy lạ lùng nghĩ vẩn. Không tìm thấy tài liệu giải thích hay có câu trả lời nào được đưa ra. Cuộc gọi điện chấm dứt.

Gã hút thuốc để tập trung suy nghĩ. Nhưng ánh chớp nơi đầu hộp quẹt yếu ớt như ánh lửa của pháo bông nhang mãi mà không bật được. Đến khi có lửa thì nhỏ và yếu ớt không ngời. Vị thuốc cũng như nhạt mất sinh lực, chẳng ngon lành gì nữa.

"Hôm nay chẳng có thứ gì ra hồn cả. Đành chịu vậy. Thử pha ly cà phê uống xem sao..."

Gã bắt tay vào làm nhưng lửa bếp gas yếu như sắp tắt hơi đến nơi. Không khác gì ánh sáng đom đóm bao nhiêu cả. Cái kiểu này thì chắc tốn nhiều thời gian lắm đấy. Mà cho dù có pha xong thì không biết vị cà phê có như bình thường không nữa...

Trong lúc chờ đợi, gã mở báo ra xem. Mặt giấy mờ mờ. Mực in như bị lem nước. Chữ nhòe hết cả. Giấy ngả màu vàng ệch, khô ráp khiến gã cứ liên tưởng đến da người già. Vì quá khó đọc nên gã bỏ cuộc, vứt tờ báo vào thùng rác.

Gã lại gần cửa sổ. Đây chỉ của đôi dép trong nhà như bị dút hay sao mà đôi dép há miệng rõ to. Gã cúi ra vút đi. Khi nhìn ra ngoài cửa sổ gã thấy quang cảnh khác hẳn ngày hôm qua. Tuy không phải là những ngày nắng hạn kéo dài nhưng lá cây và hoa cỏ đều héo rũ đi như không còn sức sống. Chắc chúng đang khổ dần đi chẳng? Gã nhìn kỹ hơn thì thấy tuyết rơi lạnh giá nhưng lá cây cứ rơi lá tả xuống mặt đường.

Gã nhìn sang con chó đang nằm trong vườn nhà kể bên. Bình thường nó hay sủa nhặng xị hung hăng thế mà giờ uể oải nằm dài trên đất, không nhúc nhích động đậy gì. Tuy nhiên nó chưa chết vì cái đuôi vẫn còn vẫy vẫy nhè nhẹ.

Những chiếc xe hơi đang chạy trên đường ngoài kia. Không, không thể nào hình dung là chúng đang chạy. Là ịch rồi ngay lập tức dừng lại như kiệt sức rồi lại khò sở tiến từng chút một. Trên mặt đường phía sau, có gì đó rơi xuống. Như thể là mấy miếng rỉ sét hay bột sơn xe tóe ra vậy.

Cũng có chiếc xe dừng hẳn lại. Vì lốp xe không còn đàn hồi nữa. Nó cong vẹo lại xấu xí, bề mặt bánh xe hoang tàn đầy vết nứt nẻ. Người chủ xe

đang ngồi canh chừng, vẻ mặt vô cùng khó xử. Chắc ông ta cũng biết có đấy cho xe chạy thử thì cũng vô ích mà thôi chẳng?

Gã quay trở lại bên chiếc tivi, thử mở âm thanh lên hết cỡ. Loa đầy tiếng tạp âm nhưng ráng sức cũng nghe ra được giọng nói của phát thanh viên.

"Chúng tôi xin thông báo tin tức. Trâu bò và ngựa trong các trang trại, heo gà nuôi trong chuồng khắp các địa phương từ sáng sớm hôm nay đều lờ đờ uể oải khác thường. Trạng thái như thế mệt dừ hơi vậy. Không chỉ riêng động vật mà đến cả những cây cối ở nông trường cũng..."

Phát thanh viên gắng sức loan báo tình trạng dị thường nhưng giọng nói thông qua tivi nghe khàn khàn buồn bã. Quang cảnh trên màn hình tivi cũng y như vậy. Tuy mờ nhạt nhưng cái cảm giác không còn sức sống là truyền đạt được rõ ràng.

"...Theo như kết quả điều tra thì không phát hiện ra virus gì cả. Cả vi khuẩn cũng không..."

Nghe vậy gã gật gù. Biết đâu chừng là tại vi virus gì đó chẳng? Chúng không chỉ hấp thụ sinh vật mà còn cả đồ vật bình thường và vật vô cơ nữa.

"Cuối cùng thì chuyện gì đang xảy ra thế nhỉ?"

Gã đập đập vào cái tivi và gào lên. Như thế trả lời điều đó, giọng phát thanh viên vang lên.

"Những câu hỏi chuyện gì đang xảy ra tới tấp được gửi đến đài truyền hình và các văn phòng chính phủ. Trong phạm vi hiểu biết của chúng ta nhiều giả thuyết đã được đưa ra đối với vấn đề này. Theo chúng tôi thì ngoài cách giải thích này ra không còn cách nào khác nữa. Ấn tượng chung của hiện tượng này có thể nói là sự mệt mỏi. Toàn thể giới tự nhiên và đồ vật đã mệt mỏi kiệt quệ rồi. Chúng đã phục vụ không ngừng cho con người chúng ta và đã bị chúng ta sử dụng trong một thời gian dài đằng đẳng. Cho đến hôm nay tất cả đều mệt mỏi ra rồi. Có lẽ chúng đã mệt với sự tồn tại của mình. Điều may mắn là chỉ riêng con người vẫn khỏe mạnh. Tuy nhiên, ngoài điều đó ra thì tất cả vạn vật đã rơi vào trạng thái suy kiệt, không thể chịu nổi thêm sự bóc lột của con người".

Giọng nói tivi nhỏ dần như bị dút hơi. Gã gật gật đầu.

"Vậy sao? Nếu nói như vậy thì cũng đúng. Minh hiểu rồi. Có nghĩa là tinh khí của toàn giới tự nhiên đã bị con người hút cho cạn kiệt mất rồi..."

Rồi gã gào lên với những đồ vật quanh mình.

"Xin chúng mày, hãy khỏe mạnh lại đi cho tao nhờ với..."

Tuy nhiên không hề có tiếng trả lời. Sự yên tĩnh lặng lẽ như thể mức suy lão tăng thêm một bậc nữa. Trong lúc đó, cái chân giường bị gãy như đã sức cùng lực kiệt. Và rồi tiếp theo đến cái chân bàn..."

(1) Urashima Taro (浦島太郎): Nhân vật trong truyện truyền thuyết Nhật Bản. Vì cứu một con rùa mà chàng Urashima Taro được dẫn xuống thăm Long Cung, quen công chúa con vua Thủy Tề. Khi trở về, công chúa tặng chàng chiếc hộp trang sức, dặn không được mở ra. Nhưng về đến nơi không ai còn nhớ đến chàng nữa vì bao nhiêu năm đã trôi qua. Buồn bã, chàng Urashima mở chiếc hộp. Một làn khói trắng bay ra và chàng trở thành một ông già tóc bạc trắng.

THƠ CHÂM

Ngáo quyền ngáo danh

Thời công nghệ 4.0
Những hiện tượng mạng rần rần nổi lên
Cùng nhiều nghệ sĩ quen tên
Rủ nhau mắc mệng ngáo quyền ngáo danh
Ai cũng nghĩ mình bề trên
Từ cao nhìn xuống, khinh khi, coi thường...

Chiến thần nọ chẳng oán ai
Review dè bieu, chê bai đủ đường
Có chí "khẩu chiến" trên tường
Có ánh "áo giá" mĩa mai nhân hàng
Bà này bốc phốt ông kia
Xong rồi hợp báo như là siêu sao
Sao thì vỗ ngực xưng "vua"
"Nữ hoàng" kênh kiệu, coi thường các fan
"Danh hài" lên sóng khóc than
Kể công ban phát tiếng cười cho dân.

Khán giả bội thực, chán chường
Tấy chạy cho hết ngáo danh ngáo quyền.

Minh Thông

Chặn ngay bạo lực học đường

Nhà trường, xã hội chung tay
Cùng gia đình quyết chặn ngay bây giờ!
Không ai có thể làm ngơ
Đau xót những chuyện không ngờ xảy ra!

Học trò như những bông hoa
Đến trường đi học, chan hòa niềm vui.
Không may gặp bạo lực rồi
Bị đánh đập, bắt quỳ gối, không tha!

Chặn ngay, không thể bỏ qua
Nguyên nhân trực tiếp, sâu xa tỏ tường.
Trách nhiệm chính của nhà trường
Giáo dục đạo đức, xem thường là nguy!

Cùng gia đình biết sẻ chia
Phối hợp uốn nắn những khi nào cần!
Giáo viên chủ nhiệm có tâm
Bao dung, độ lượng, có tâm nhiệt tình!

Nhà trường con mắt phải tinh
Kịp thời hóa giải; lý, tình cùng soi.
Đừng khi sự việc đã rồi
Cả trường hết đứng lại ngồi... viết đơn!

Lê Lam Hồng



CHỮ VÀ NGHĨA

Về ý nghĩa của chữ "Nho" trong



"Nho" là sự mềm mỏng, là sự thấm nhuần. Ảnh minh họa, nguồn: Internet

Nho giáo, một học thuyết rất nổi tiếng, có nguồn gốc từ Trung Quốc và ảnh hưởng đến nhiều quốc gia ở châu Á, trong đó có Việt Nam. Người khởi xướng học thuyết này là Khổng Tử, một triết gia thời Xuân Thu. Ở Việt Nam, tư tưởng học thuyết của Khổng Tử được gọi là Nho giáo; trong bách gia chư tử, học phái này được gọi là Nho gia; nội dung của hệ tư tưởng này được gọi là Nho học. Vậy chữ "Nho" do đâu mà có, và ý nghĩa của nó như thế nào?

Trước hết chữ "Nho" 儒 xuất hiện sớm nhất từ thời viễn cổ, trên giáp cốt văn, chữ này biểu thị hình dáng của người đang tắm. Trong sách Thuyết văn giải tự của Hứa Thận, chữ "Nho" được giải thích như sau: "Nho, là mềm mỏng, là danh xưng các thuật sĩ" (儒, 柔也, 术士之称). Ở Hán ngữ đại

từ điển, mục chữ "Nho" 儒, bao gồm 8 nét nghĩa, trong đó nét nghĩa thứ 2 đáng chú ý hơn cả. Ở nét nghĩa này, chữ "Nho" được giải thích là "học phái do Khổng Tử sáng lập, gọi là Nho gia" (孔子创立的学派, 儒家). Trong thiên Tận tâm thượng của sách Mạnh Tử, cũng có viết: "trốn khỏi Mặc thì ắt về với Dương, trốn khỏi Dương thì ắt về với Nho" (逃墨必歸於楊, 逃楊必歸於儒). Ở đây, có nhắc đến ba học phái trong bách gia thời tiên Tần là Mặc gia, Dương Chu học phái và Nho gia. Từ những cách giải thích trong từ điển và cổ tịch này có thể bước đầu tiếp cận được với ý nghĩa của chữ "Nho".

Khi nghiên cứu và luận giải về chữ Nho, các học giả Trung Quốc cũng đưa ra một số thuyết, trong đó đáng chú ý nhất là thuyết của Trịnh Huyền, thời Đông

GÓC BIỂU HỌA



VĂN NGHỆ THÁI NGUYÊN 42
SỐ 9 - RA NGÀY 10 THÁNG 5 NĂM 2023

học thuyết của Khổng Tử

Như Châu

Hán. Ông giải chú thích trong chương Nho hành sách Lễ ký như sau: "Lời nói của Nho là đẹp đẽ, là mềm mại, có thể làm yên lòng người, có thể thuyết phục lòng người. Lại nói, Nho là thấm nhuần, đem đạo của tiên vương thấm nhuần vào thân thể mình" ('儒'之言'優'也, '柔'也, 能安人、能服人。又'儒'者, '濡'也, 以先王之道能濡其身)。Có thể thấy, Trịnh Huyền đưa ra hai điểm để lý giải chữ "Nho". Thứ nhất, ông thống nhất với Hứa Thận ở ý nghĩa "Nho" tức là mềm mỏng (nhu柔). Thuyết này được đa số các học giả tán đồng. Thứ hai, ông cho rằng, Nho, tức là thấm nhuần (nhu濡). Về thuyết thứ hai này, một số học giả sau Trịnh Huyền như Hoàng Khản thời Nam Triều, Khổng Dĩnh Đạt thời Đường đều kế thừa. Hoàng Khản khi giải nghĩa câu "Như vi quân tử nho, vô vi tiểu nhân nhu" (汝為君子儒，無為小人儒) trong thiên Ung dã, sách Luận ngữ đã viết: "Nho, là thấm nhuần. Việc học tập văn sẽ ngấm vào trong thân, do đó những học tập lâu dài được gọi là Nho" ('儒'者, '濡'也。夫習學事文則濡潤身中，故謂久習者為儒也)。 Khổng Dĩnh Đạt kế thừa khá trọn vẹn quan điểm của Trịnh

Huyền khi ông giải thích tên gọi thiên Nho hành trong sách Lễ ký như sau: "Tên gọi là Nho hành, tức là đem những ghi chép có đạo đức đó mà thi hành." (名曰《儒行》者，以其記有道德者所行也)。

Khái quát lại, chữ "Nho" được dùng để thể hiện học thuyết của Khổng Tử bởi hai lý do về mặt ý nghĩa. Một mặt, "Nho" là nhu, tức là mềm mỏng. Điều này có thể thấy trong nội dung căn bản của học thuyết này là giáo hóa, hướng con người về việc tuân thủ lễ nghĩa, tuân thủ quy định các mối quan hệ trong xã hội, lấy nhu chế cương... Sự mềm mỏng trong học thuyết Nho gia đã được chứng thực qua thành công của những cuộc du thuyết, đàm phán trong lịch sử của cả Việt Nam và Trung Quốc. Nguyên Trãi đã từng vận dụng tối ưu hạt nhân tư tưởng "nhân nghĩa" của Nho gia, cùng với lời lẽ lúc cương lúc nhu mà hoàn thành kế hoạch "tâm công" trong khởi nghĩa Lam Sơn. Mặt khác, "Nho" vẫn là "nhu", nhưng là sự thấm nhuần. Ở phương diện này, ý nghĩa của chữ "Nho" được gắn kết chặt chẽ với quá trình tiếp thu nội dung học thuyết. Người học đạo Nho sẽ ngấm tư tưởng đó, hay những chuẩn mực đạo đức của tư tưởng học thuyết đó vào cơ thể, khi đã lĩnh hội được thì người có đạo Nho sẽ thi hành tri thức đó vào việc điều hành xã hội. Ở nét ý nghĩa này, chúng ta sẽ thấy nó liên quan ít nhiều đến tự dạng trên giáp cốt văn của chữ "Nho". Trong lịch sử phong kiến Việt Nam, vua Lê Thánh Tông là người thi hành học thuyết Nho gia có hiệu quả nhất trong sự nghiệp chính trị. Ông đã áp dụng triết lý "nội thánh ngoại vương" để đưa xã hội Đại Việt dưới thời hậu Lê vào giai đoạn thịnh vượng, mà sử Việt vẫn thường gọi là thời "Hong Đức thịnh thế"。



Tranh: Nguyễn Dũng

43 VĂN NGHỆ THÁI NGUYÊN
SỐ 9 - RA NGÀY 10 THÁNG 5 NĂM 2023

VUI VUI

Bằng chứng

Hai vợ chồng trẻ nhà kia cùng vào xem thi người đẹp thời trang. Thấy chồng mình cứ mãi mê theo dõi một thí sinh trình diễn, cô vợ sinh nghi bèn hỏi:

- Anh quen cô ấy à?
- Ờ ừ! Chồng chối. Vợ đành im lặng.
- Cho tới lần biểu diễn trang phục tự chọn, cô thí sinh kia ra với bộ áo váy đỏ rất đẹp. Người vợ liền khen:
- Chà! Cô bé mặc bộ váy đẹp quá, có vẻ phải tốn cả trăm ngàn?
- Trăm sao được! Một triệu đồng chán đấy! Chồng quả quyết.
- Làm gì đến! - Vợ cãi lại.
- Cuộc nào?
- Ừ thì cuộc! Bằng chứng đâu?
- Đây!

Người chồng móc túi áo đưa cho vợ tờ hoá đơn còn ghi nợ của cửa hiệu "Thời trang": đúng một triệu đồng!

Bơm nhậu cả tin

Một bơm nhậu đi ngang quán rượu thấy "đồng nghiệp" mặt đỏ gay đứng trước cửa, ngóng vào trong quán.

Thấy vậy người này hỏi bạn:

- Sao ông không vào nhậu, đứng đây làm gì?
- Tôi vừa bị chủ quán tống ra đây vì trêu chọc vợ gã.
- Ông tính ăn thua đủ với hắn hả?
- Không, tôi nghe gã nói sẽ tống cả bà vợ ra đây nên tôi đứng chờ!

Thí nghiệm thành công

Peter đi học về, bà hỏi:

- Hôm nay cháu học gì?
- Hôm nay chúng cháu làm thí nghiệm hóa học về chất nổ bà ạ.
- Thế ngày mai?
- Cháu chưa biết, còn phải chờ xây lại trường đã!

Bố cháu chỉ muốn đi ngủ

Chú bé hàng xóm lễ phép gõ cửa nhà một người đàn ông mê nghe nhạc rock.

- Bố cháu hỏi tối nay chú có thể cho bố cháu mượn cái đài cassette được không ạ?
- Nhà cháu có tiếc từng gì hả?
- Ồ không, bố cháu chỉ muốn đi ngủ thôi.
- !?

Tuyệt đối chính xác

- Thưa các quý vị, phiến đá này đã tồn tại một trăm nghìn không trăm linh ba năm.

Một khách du lịch nghe vậy ngạc nhiên hỏi:

- Làm sao mà anh lại biết chính xác như thế?
- Cách đây 3 năm, một nhà địa chất học đã đến đây nghiên cứu và tuyên bố: Phiến đá này có tuổi là một trăm nghìn năm.

Nói chuyện với trời

Một cậu bé theo dõi thợ sửa điện thoại trèo lên cột điện, nối mạch bộ đồ nghề kiểm tra vào thử liên lạc với tổng đài.

Có một sự cố nào đó trong việc nối mạch liên lạc. Chú nhóc đứng nghe một hồi rồi chạy ủa vào nhà la lên:

- Mẹ ơi, ra mà xem mau lên. Có một ông trèo lên cột điện thoại đang nói chuyện với trời.
- Cái gì khiến con nghĩ là ông ấy đang nói chuyện với trời?
- Vì con nghe ông ta la lớn: "A lô! A lô! Trời ơi, có chuyện gì trên đó, có ai chịu nghe không hả? Các ông làm thế là chết rồi!"

A.T (st)

